ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23/12/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 04/08/2022)

TÔN NAM KIM

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 224/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 12 năm 2024)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Địa chỉ : Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (+84) 274 3748 848 Fax: (+84) 274 3748 868

Website : www.tonnamkim.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Địa chỉ : 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 3824 2897 Fax: +84 28 3824 2997

Website : www.ssi.com.vn

Thời gian cung cấp: Từ ngày … tháng … năm 2024

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : **VÕ HOÀNG VŨ**

Chức vụ : Tổng giám đốc – Người được uỷ quyền công bố thông tin

Điện thoại : (+84) 274 3748 848

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23/12/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 04/08/2022)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
Mã cổ phiếu	:	NKG
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Giá chào bán	:	12.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	:	131.638.903 *(Một trăm ba mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn chín trăm lẻ ba)* cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	:	1.316.389.030.000 đồng *(Một nghìn ba trăm mười sáu tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng)*
Phương thức phát hành	:	Chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Địa chỉ : Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 3823 0796

Website : www.pwc.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Địa chỉ : 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 28 3824 2897 Fax: +84 28 3824 2997

Website : www.ssi.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 11

1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Thép Nam Kim 11

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI 11

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 12

1. Rủi ro về kinh tế 12

1.1 Tăng trưởng kinh tế 12

1.2 Lạm phát 14

1.3 Lãi suất 15

2. Rủi ro về luật pháp 16

3. Rủi ro đặc thù 16

3.1 Rủi ro biến động giá nguyên liệu 16

3.2 Rủi ro biến động của thị trường 16

3.3 Rủi ro giá cả cạnh tranh và nhu cầu của thị trường 17

3.4 Rủi ro môi trường và quy định pháp lý 17

4. Rủi ro về đợt chào bán 17

5. Rủi ro pha loãng 18

5.1 Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần 18

5.2 Pha loãng giá thị trường cổ phiếu 19

5.3 Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết 20

6. Rủi ro quản trị công ty 20

7. Rủi ro khác (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...) 20

III. CÁC KHÁI NIỆM 21

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 22

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành 22

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 23

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành 26

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành 26

4.1 Đại hội đồng cổ đông 27

4.2 Hội đồng quản trị 27

4.3 Ban kiểm soát 29

4.4 Ban Tổng giám đốc 30

4.5 Các phòng, ban nghiệp vụ 31

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 34
5.1 Công ty mẹ của Tổ chức phát hành 34
5.2 Công ty con của Tổ chức phát hành 34
5.3 Công ty liên kết của Tổ chức phát hành 36
5.4 Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối ... 36
5.5 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành 36
6. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 36
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 39
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 39
8.1 Cổ phiếu phổ thông 39
8.2 Cổ phiếu ưu đãi 39
8.3 Các loại chứng khoán khác 39
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 39
10. Hoạt động kinh doanh 40
10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh 40
10.1.1 Hệ thống nhà máy, quy trình sản xuất, công nghệ áp dụng, sản phẩm và dịch vụ kinh doanh 40
10.1.2 Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh 57
10.1.3 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ 57
10.2 Tài sản 59
10.3 Thị trường hoạt động 60
10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính 60
10.5 Các hợp đồng lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại 62
10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại 68
10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành 74
10.7.1 Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 74
10.7.2 Triển vọng phát triển của ngành 75
10.7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới 77
10.8 Hoạt động Marketing 78

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế 83
10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển 84
10.11 Chiến lược kinh doanh 84
10.12 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan . 85
11. Chính sách đối với người lao động 86
11.1 Số lượng và cơ cấu 86
11.2 Chính sách đối với người lao động 86
12. Chính sách cổ tức 88
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 89
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 89
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng 90
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 90
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 90
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 90
1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất 90
1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành 91
1.2.1 Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán 91
1.2.2 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm 31/12/2023 92
2. Tình hình tài chính 93
2.1 Các chỉ tiêu cơ bản 93
2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 102
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 103
3.1 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2022 103
3.2 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm 2022 103
3.3 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2023 103
3.4 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm 2023 103

3.5 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty năm 2024 104

3.6 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty năm 2024 104

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 104

4.1 Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên 105

4.2 Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên 105

4.3 Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 105

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 106

1. Thông tin về cổ đông sáng lập 106

2. Thông tin về cổ đông lớn 107

2.1 Danh sách cổ đông lớn 107

2.2 Thông tin cổ đông lớn là cá nhân 108

2.3 Thông tin cổ đông lớn là tổ chức 108

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng 109

3.1 Thông tin thành viên Hội đồng quản trị 110

3.2 Thông tin thành viên Ban kiểm soát 115

3.3 Thành viên Ban Tổng giám đốc 118

3.4 Kế toán trưởng 122

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 123

1. Loại cổ phiếu 123

2. Mệnh giá 123

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 123

4. Giá chào bán 123

5. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá 123

6. Phương pháp tính giá 123

7. Phương thức phân phối 123

8. Đăng ký mua cổ phiếu 124

9. Lịch trình phân phối dự kiến 124

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng 125

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 125

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 126

13. Hủy bỏ đợt chào bán 126
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 126
15. Các loại thuế có liên quan 126
16. Thông tin về các cam kết 127
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 128
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 129
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 129
1. Thông tin về công ty con nhận vốn – Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ 129
1.1 Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ 131
1.2 Thông tin về việc đầu tư vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ 131
2. Thông tin về dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ 132
2.1 Cơ sở pháp lý để triển khai dự án 132
2.2 Mô tả chi tiết về dự án (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 06/02/2024) 132
2.3 Tình hình triển khai đến thời điểm hiện tại 135
2.4 Phân kỳ đầu tư dự án 135
2.5 Hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án 136
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 137
1. Tổ chức kiểm toán 137
2. Tổ chức tư vấn 137
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 137
XII. PHỤ LỤC 137
XIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN 139

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. So sánh EPS năm 2024 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần 19
Bảng 2. Danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty 22
Bảng 3. Những cột mốc phát triển quan trọng của Công ty 23
Bảng 4. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty 29
Bảng 5. Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Công ty 30
Bảng 6. Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc của Công ty 31
Bảng 7. Thông tin quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty 36
Bảng 8. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 21/03/2024 39
Bảng 9. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp hợp nhất theo loại hình sản phẩm 57
Bảng 10. Cấu trúc doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty mẹ 58
Bảng 11. Tình hình tài sản của Công ty (tại ngày 31/12/2022) 59
Bảng 12. Tình hình tài sản của Công ty (tại 31/12/2023) 59
Bảng 13. Thị trường hoạt động của Công ty 60
Bảng 14. Các hợp đồng lớn đã thực hiện năm 2022 (*) 62
Bảng 15. Các hợp đồng lớn đã thực hiện năm 2023 (**) 64
Bảng 16. Các hợp đồng lớn đã thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2024 (***) 66
Bảng 17. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn đã ký kết trong năm 2022 (*) 68
Bảng 18. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn đã ký kết trong năm 2023 (**) 70
Bảng 19. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn đã ký kết hợp đồng trong 6 tháng đầu năm 2024 (***) 72
Bảng 20. Cơ cấu trình độ lao động của Công ty 86
Bảng 21. Chính sách cổ tức của Công ty 89
Bảng 22. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ 90
Bảng 23. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hợp nhất 90
Bảng 24. Báo cáo về vốn của Công ty 93
Bảng 25. Tình hình các khoản phải thu của Công ty 94
Bảng 26. Chi tiết các khoản nợ phải thu quá hạn tại thời điểm 31/12/2022 95
Bảng 27. Chi tiết các khoản nợ phải thu quá hạn tại thời điểm 31/12/2023 96
Bảng 28. Chi tiết các khoản nợ phải thu quá hạn tại thời điểm 30/06/2024 98
Bảng 29. Tình hình các khoản phải trả của Công ty 99
Bảng 30. Tình hình thuế và các khoản phải nộp của Công ty mẹ 100
Bảng 31. Tình hình thuế và các khoản phải nộp của Công ty hợp nhất 101
Bảng 32. Số dư các quỹ 101

Bảng 33. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 102

Bảng 34. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2024 104

Bảng 35. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán 107

Bảng 36. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty 109

Bảng 37. Lịch trình dự kiến các mốc thời gian của đợt phát hành 124

Bảng 38. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ 131

Bảng 39. Bảng chi tiết tổng mức đầu tư xây dựng dự án 135

Bảng 40. Phân kỳ đầu tư dự án 136

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm 12
Hình 2. Tăng trưởng CPI Việt Nam bình quân qua các năm 14
Hình 3. Lãi suất huy động tiền gửi bình quân cho kỳ hạn 12 tháng 15
Hình 4. Danh hiệu, giải thưởng tiêu biểu của Tôn Nam Kim năm 2022 - 2024 25
Hình 5. Cơ cấu tổ chức của Công ty 26
Hình 6. Sơ đồ tổ chức của Công ty 26
Hình 7. Nhà máy Tôn mạ số 1 của Tôn Nam Kim 41
Hình 8. Nhà máy Tôn mạ số 2 của Tôn Nam Kim 41
Hình 9. Nhà máy Ống Long An của Tôn Nam Kim 42
Hình 10. Nhà máy Ống Mỹ Phước của Tôn Nam Kim 42
Hình 11. Quy trình sản xuất tôn mạ tại nhà máy của Tôn Nam Kim 43
Hình 12. Dây chuyền tẩy gỉ của Tôn Nam Kim 44
Hình 13. Dây chuyền cán nguội của Tôn Nam Kim 45
Hình 14. Dây chuyền mạ lạnh/ mạ kẽm của Tôn Nam Kim 46
Hình 15. Dây chuyền mạ màu của Tôn Nam Kim 47
Hình 16. Các sản phẩm tiêu biểu của Tôn Nam Kim 48
Hình 17. Sản phẩm tôn mạ kẽm (GI Z80-Z600) của Tôn Nam Kim 49
Hình 18. Sản phẩm tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (GL AZ70 – AZ200) của Tôn Nam Kim 50
Hình 19. Sản phẩm tôn lạnh màu (PPGL AZ200 | SPE 25/10 | PVDF 25/12) của Tôn Nam Kim 51
Hình 20. Sản phẩm ZINMAG® - Tôn mạ hợp kim Magie của Tôn Nam Kim 52
Hình 21. Sản phẩm ống thép mạ kẽm của Tôn Nam Kim 53
Hình 22. Một số dự án tiêu biểu sử dụng sản phẩm của Tôn Nam Kim 54
Hình 23. Tôn Nam Kim xuất khẩu những lô hàng tôn ZINMAG® đầu tiên sang thị trường Úc và Châu Âu 74
Hình 24. So sánh thị phần mảng ống thép Việt Nam năm 2022 – 2023 75
Hình 25. So sánh thị phần mảng tôn mạ Việt Nam năm 2022 - 2023 75
Hình 26. Tôn Nam Kim đã được các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe 79
Hình 27. Phòng LAB của Tôn Nam Kim 80
Hình 28. Pano ngoài trời tăng quảng bá về sản phẩm của Tôn Nam Kim 81
Hình 29. Sản phẩm tôn mạ được đóng gói của Tôn Nam Kim 82
Hình 30. Hồ sơ năng lực Tôn Nam Kim 82
Hình 31. Catalogue tôn ZINMAG® 82
Hình 32. Hội nghị khách hàng – Chia sẻ kiến thức của Tôn Nam Kim 83

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

- **Ông Hồ Minh Quang** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- **Ông Võ Hoàng Vũ** Chức vụ: Tổng giám đốc
- **Bà Vũ Thị Huyền** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

- Đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị Thanh Hà** Chức vụ: Giám đốc Tài chính

(Theo Giấy ủy quyền số 09/2020/UQ-SSI ngày 01 tháng 08 năm 2020 ký bởi ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng quản trị cho ông Nguyễn Hồng Nam - Tổng giám đốc và Giấy ủy quyền số 08/2020/UQ-SSI ngày 04 tháng 09 năm 2020 ký bởi ông Nguyễn Hồng Nam cho bà Nguyễn Thị Thanh Hà)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 05/2024/NHĐT/SSI-HO đã ký ngày 09 tháng 04 năm 2024 với Công ty Cổ phần Thép Nam Kim. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thép Nam Kim cung cấp.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (gọi tắt là "**Tôn Nam Kim**" hoặc "**NKG**" hoặc "**Công ty**") là doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn mạ hàng đầu tại Việt Nam, chuyên sản xuất và phân phối các sản phẩm tôn lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu, ống kẽm và các loại sản phẩm thép công nghiệp. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động của Công ty chịu rủi ro từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

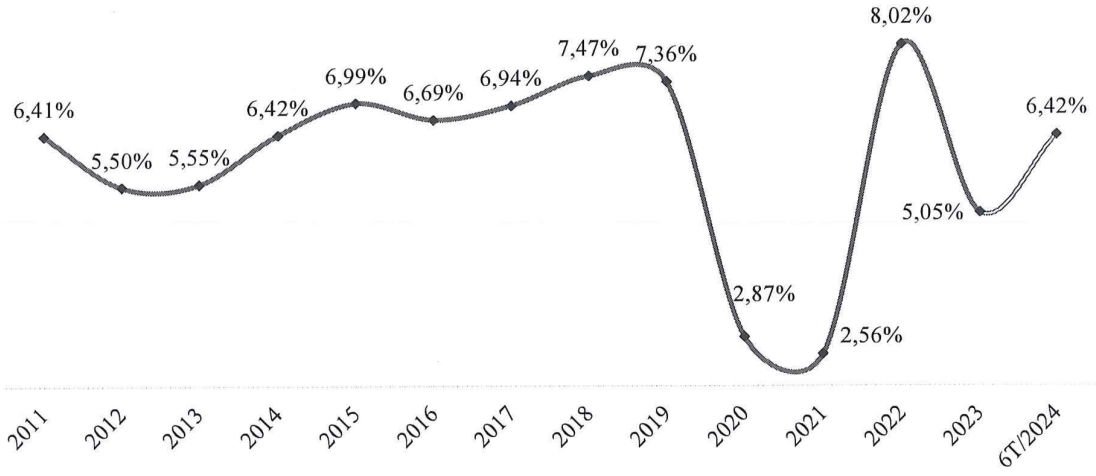
Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, chính sách kinh tế của Chính phủ có tác động nhất định đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

1.1 Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ của mình, qua đó thúc đẩy hoạt động tín dụng phát triển.

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã trải qua nhiều biến động, với câu chuyện chủ đạo liên quan đến kiềm chế lạm phát. Xuất phát từ độ mở lớn của nền kinh tế, Việt Nam vì thế cũng chịu những tác động từ sự biến động chung của nền kinh tế toàn cầu. Những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định... đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước cải thiện đáng kể.

Hình 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm



Nguồn: World Bank, Tổng cục Thống kê

Giai đoạn từ 2011 đến 2019, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam diễn biến khả quan với mức tăng trưởng lần lượt là 6,99% trong năm 2015; 6,69% trong năm 2016 và 6,94% trong năm 2017. GDP năm 2018 tăng 7,47% so với GDP năm 2017. Năm 2019, GDP đạt 7,36%,

vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp tính từ mốc 2011 GDP tăng trưởng trên 7,00% và là mức tăng trưởng cao nhất khu vực Đông Nam Á [1].

Năm 2020 và 2021 được xem là hai năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, do đó năm 2020 và 2021, tăng trưởng GDP của Việt Nam cũng chỉ đạt lần lượt 2,87% và 2,56%. Một số ngành đặc biệt khó khăn do dịch bao gồm ngành vận tải, kho bãi, dịch vụ lưu trú ăn uống, nghệ thuật, vui chơi và giải trí, ngành hàng không và du lịch. Tuy nhiên trong bối cảnh giá cả, lạm phát thế giới gia tăng, chính sách tiền tệ tiếp tục được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") điều hành linh hoạt và chủ động, góp phần duy trì ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân thể hiện qua: (i) Thanh khoản thị trường dồi dào, mặt bằng lãi suất giảm nhẹ và duy trì ở mức thấp, và (ii) Tỷ giá được duy trì ổn định khiến đồng tiền Việt Nam (VND) là một trong số ít đồng tiền có xu hướng tăng giá (khoảng 1,00% so với USD) trong bối cảnh đồng USD mạnh lên trên thị trường quốc tế.

Sang năm 2022, diễn biến kinh tế vĩ mô vẫn còn tiềm tàng nhiều rủi ro, chủ yếu do dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên thế giới nói chung và nước ta nói riêng. Tuy nhiên, điểm sáng trong kinh tế Việt Nam vẫn được thể hiện qua nội lực kinh tế mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2022 tiếp tục đạt mức cao ở ngưỡng 8,02% so với cùng kỳ năm trước.

Kết thúc năm 2023, GDP Việt Nam tăng trưởng 5,05%, không đạt mục tiêu tăng trưởng chính thức là 6,50%, do trung tâm xuất khẩu Đông Nam Á bị ảnh hưởng bởi nhu cầu nước ngoài chậm lại. Mặc dù mức tăng trưởng năm nay thấp hơn mục tiêu nhưng đây vẫn là kết quả tích cực, đưa Việt Nam vào nhóm các nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực Châu Á, theo báo cáo của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) [2]. Xu hướng tích cực là tăng trưởng GDP năm 2023 cải thiện dần qua từng quý, trong đó quý I tăng 3,41%, quý II tăng 4,25%, quý III tăng 5,47% và quý IV tăng 6,72%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, bước sang năm 2024, kinh tế - xã hội nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt. Tại kỳ họp cuối năm 2023, Quốc hội đã đề ra mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2024 mức 6,00 - 6,50%. Lũy kế trong 06 tháng đầu năm 2024, GDP nước ta đạt tốc độ tăng trưởng 6,42%, tăng mạnh so với kết quả đạt được cùng kỳ năm trước là 3,84% [3].

Tuy vậy, những yếu tố bất ổn từ tăng trưởng kinh tế sẽ mang đến nhiều thách thức cho Tôn Nam Kim, đặc biệt trong bối cảnh dư địa chính sách tiền tệ bị thu hẹp do áp lực lạm phát, nợ xấu gia tăng, áp lực huy động vốn để đảm bảo các chỉ số an toàn; biến động nhanh và khó lường về kinh tế, chính trị, quân sự; thiên tai dịch bệnh khó dự báo trước.

---

[1] Nguồn: WorldBank, 2019, *https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG?end=2019&locations=Z4&start=2013*

[2] ADB, Tháng 12/2023, *"https://www.adb.org/outlook/editions/december-2023"*

[3] Nghị quyết 108/NQ-CP ngày 10/07/2024 Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 06 năm 2024 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương.

1.2 Lạm phát

Hình 2. Tăng trưởng CPI Việt Nam bình quân qua các năm



Nguồn: World Bank, Tổng cục Thống kê

Trải qua giai đoạn lạm phát rất cao những năm 2008 - 2012, với chính sách hướng tới ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát của Việt Nam đã dần được kiểm soát. Giai đoạn 2016 - 2019, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, một phần là do ảnh hưởng của sự lao dốc của giá dầu thô. Năm 2020, trong điều kiện Chính phủ thực hiện nới lỏng tiền tệ để kích thích kinh tế trong điều kiện dịch bệnh, lãi suất giảm mạnh và nhiều gói cứu trợ được đưa ra, lạm phát vẫn đang được kiểm soát ở mức hợp lý, chỉ 3,22%. CPI bình quân năm 2021 tăng 1,83% so với bình quân năm 2020 là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 5 năm (giai đoạn 2016 - 2021).

Nhắc lại kinh tế thế giới năm 2022 diễn ra với nhiều sự kiện bất ngờ, bất thường, giá các loại hàng hóa cơ bản trên thị trường thế giới tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm [4]. Đặc biệt là giá dầu thô, giá khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng, giá phân bón đã tăng mạnh nhất kể từ năm 2011, gây nguy cơ khủng hoảng an ninh năng lượng, lương thực, tạo áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu. Ở nhiều nước phương Tây, lạm phát đã tăng lên mức trên dưới 10%, cao nhất trong khoảng 30 - 40 năm trở lại đây [5]. Tại Việt Nam, CPI bình quân năm 2022 là 3,15%, mức độ ổn định cho nền kinh tế [6].

Trong năm 2023, thị trường hàng hóa thế giới tiếp tục có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Tuy nhiên, lạm phát toàn cầu đã có xu hướng giảm dần, sau thời gian các nước đồng loạt tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát cùng với giá năng lượng giảm. Dù vậy, so với mục tiêu dài hạn, mức lạm phát hiện tại vẫn ở mức cao đối với nhiều quốc gia. Trong bối cảnh đó, Việt Nam tiếp tục thuộc nhóm các nước kiểm soát tốt lạm phát khi CPI tháng 12/2023 tăng 3,58% so với tháng 12/2022, còn bình quân chỉ tăng 3,25%.

---

[4] Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam, Tháng 01/2023, *"https://mxv.com.vn/tin-tuc/giao-dich-hang-hoa-dot-pha-thanh-cong-trong-nam-2022-n4011.html"*

[5] Nguồn: Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính, Tháng 1/2023, *"https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/l/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM261772"*

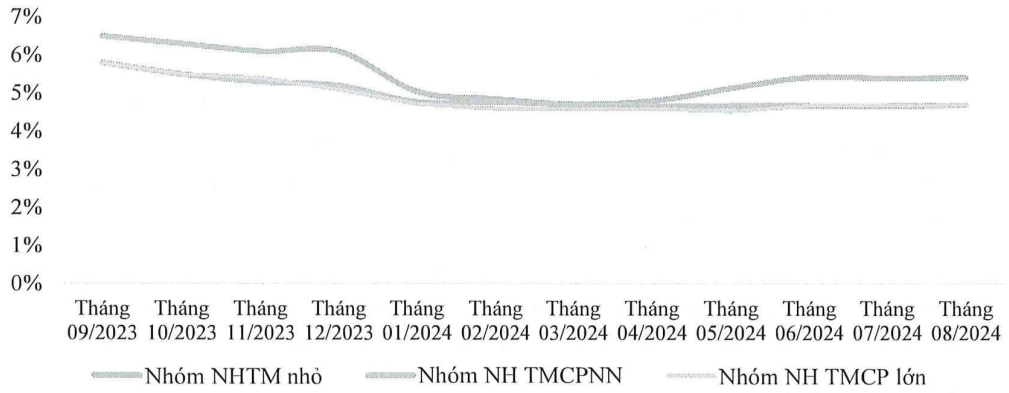
[6] Tổng cục Thống kê, Tháng 12/2022, *"https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/12/chi-so-gia-tieu-dung-chi-so-gia-vang-va-chi-so-gia-do-la-my-thang-12-nam-2022/"*

Điều này là nhờ những chính sách hỗ trợ từ Chính phủ như giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8%; giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay; giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu.

Tuy nhiên, những yếu tố bên ngoài như giá nguyên vật liệu gia tăng trên thế giới cũng như sự gia tăng của đồng USD và giá các lương thực phẩm cũng sẽ ảnh hưởng ít nhiều khiến lạm phát có thể tăng lên trong tương lai. Theo số liệu của Chính phủ [7], chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 08 tháng đầu 2024 tăng 4,04%, lạm phát cơ bản tăng 2,71%.

1.3 Lãi suất

Hình 3. Lãi suất huy động tiền gửi bình quân cho kỳ hạn 12 tháng



Nguồn: SSI Tổng hợp, FiinGroup

Từ giữa năm 2019, khi các căng thẳng thương mại giữa các quốc gia lớn cùng với tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đã gây ra ảnh hưởng nặng nề cho triển vọng kinh tế toàn cầu, NHNN đã tự chủ và điều chỉnh lãi suất điều hành liên tục 4 lần, với tổng mức giảm là 1,75 - 2,25%/năm.

Trong năm 2022, với sự gia tăng mạnh mẽ của lạm phát trên toàn cầu, nhiều ngân hàng trung ương trên thế giới đã tăng lãi suất điều hành đồng loạt. Trong bối cảnh này, NHNN cũng đã điều chỉnh tăng lãi suất điều hành 2 lần, với tổng mức tăng là 2,00%, nhằm kiềm chế lạm phát và giảm áp lực lên tỷ giá. Sau khi NHNN tăng lãi suất, các ngân hàng thương mại cũng đã điều chỉnh tăng lãi suất huy động lên 0,50 - 1,00%/năm. Cuối năm 2022, các ngân hàng cạnh tranh tăng lãi suất huy động để thu hút tiền gửi, giải quyết nhu cầu vốn của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, khi bước sang năm 2023, NHNN liên tục giảm lãi suất điều hành 4 lần, với tổng mức giảm là 0,50% - 1,50%, nhằm nới lỏng chính sách tiền tệ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, NHNN cũng đã ban hành nhiều thông tư hỗ trợ tích cực cho thị trường.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, lãi suất huy động từng có lúc giảm xuống mức thấp lịch sử và đang có những bước phục hồi trong hai tháng gần đây. Điều này cũng phù hợp với xu hướng các quốc gia phát triển bắt đầu phát tín hiệu tăng lãi suất thời gian gần đây. Theo Phó Thống đốc NHNN, nhiều ý kiến cho rằng lãi suất huy động vào giai đoạn tháng 03/2024 hiện đang ở mức thấp nhất trong 20 năm qua và các ngân hàng thương mại cho biết không thể giảm lãi suất thêm nữa.

[7] Nghị quyết 108/NQ-CP ngày 10/07/2024 Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2024 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương

Nhìn chung, tình hình biến động lãi suất có thể thay đổi và sự ảnh hưởng của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng tiếp cận vốn vay của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là một nguy cơ hệ thống, có ảnh hưởng tổng thể đến cả ngành sản xuất và nền kinh tế. Bất kỳ thay đổi nào trong các chính sách quản lý vĩ mô từ phía Chính phủ đều sẽ có tác động nhất định đến hoạt động của Công ty. Trong bối cảnh Việt Nam đang trong quá trình phát triển, luật lệ và các văn bản pháp lý đang trong quá trình điều chỉnh và hoàn thiện. Sự biến đổi về chính sách là điều không thể tránh khỏi và có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tôn Nam Kim. Điều này đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải điều chỉnh và thích ứng để tận dụng lợi thế và giảm thiểu nhược điểm mà mỗi sự thay đổi chính sách mang lại cho hoạt động kinh doanh của họ.

Tương tự như các công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần khác, Tôn Nam Kim phải tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ("Luật Doanh nghiệp"), Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ("Luật Đầu tư") và các văn bản pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực của mình. Mọi thay đổi trong các quy định pháp luật trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Tôn Nam Kim.

Do đó, để giảm thiểu mọi rủi ro pháp lý có thể phát sinh trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình. Đồng thời, Công ty cũng tìm kiếm sự tư vấn chuyên môn từ các chuyên gia nhằm giải quyết mọi vấn đề pháp lý có thể phát sinh.

3. Rủi ro đặc thù

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thép và tôn mạ, ngoài các rủi ro nêu trên, Tôn Nam Kim có khả năng đối mặt với một số rủi ro đặc thù ngành như sau:

3.1 Rủi ro biến động giá nguyên liệu

Trong ngành công nghiệp thép, giá nguyên liệu như quặng sắt và than cốc thường xuyên chịu đựng sự biến động mạnh mẽ. Sự thay đổi này không chỉ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của Tôn Nam Kim, mà còn đặt ra thách thức lớn trong việc dự báo chi phí và quản lý rủi ro. Sự phụ thuộc của Tôn Nam Kim vào nguồn cung nguyên liệu từ các thị trường quốc tế cũng tạo ra sự không chắc chắn trong việc ổn định giá cả và nguồn cung, đồng thời làm tăng sự đa dạng hóa rủi ro trong chiến lược cung ứng nguyên liệu của Công ty.

Để hạn chế những rủi ro này, Tôn Nam Kim luôn chủ động theo dõi, phân tích môi trường kinh doanh, khảo sát, nghiên cứu cung - cầu thị trường để có những quyết định phù hợp. Ngoài ra, Tôn Nam Kim còn xây dựng hệ thống quản lý hàng tồn kho hiệu quả, thường xuyên đàm phán và cập nhật với các nhà cung cấp để xác định nhu cầu mua với mức giá ổn định.

3.2 Rủi ro biến động của thị trường

Thị trường thép thế giới là một môi trường đầy biến động, chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố địa chính trị và kinh tế. Các căng thẳng thương mại giữa các quốc gia lớn như Mỹ, Nga và Trung Quốc, cùng sự biến động trong chính sách thương mại quốc tế có thể tạo ra những biến động lớn đối với giá cả và cung cầu trên thị trường thép. Điều này đặt ra thách thức không chỉ trong việc quản lý rủi ro từ biến động giá mà còn trong việc phát triển các chiến lược kinh doanh linh hoạt để thích ứng với những biến đổi nhanh chóng trên thị trường.

Cụ thể, giá bán các sản phẩm của Tôn Nam Kim thường xuyên biến động, phụ thuộc vào thị trường hàng hóa toàn cầu, điều này ảnh hưởng đến khả năng dự báo doanh thu và lập kế hoạch kinh doanh. Sự biến động này cũng có thể gây ra khó khăn trong việc duy trì biên lợi nhuận ổn định và quản lý rủi ro tài chính.

Để giảm thiểu tác động của biến động thị trường, Tôn Nam Kim thường xuyên kiểm soát chi phí đầu vào để hướng đến kiểm soát tốt giá thành sản phẩm. Công ty sử dụng các hợp đồng tương lai để hạn chế rủi ro từ biến động giá, giúp ổn định chi phí nguyên liệu và bảo vệ biên lợi nhuận. Ngoài ra, Tôn Nam Kim luôn duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các nhà cung cấp và sử dụng hệ thống quản lý hàng tồn kho hiệu quả để đảm bảo nguồn cung ổn định.

3.3 Rủi ro giá cả cạnh tranh và nhu cầu của thị trường

Sự cạnh tranh từ các nhà sản xuất thép khác có thể là một thách thức lớn đối với Tôn Nam Kim. Đặc biệt, sự gia tăng của nguồn cung từ các quốc gia sản xuất thép lớn như Trung Quốc và Ấn Độ có thể tạo ra áp lực lớn đối với giá cả và lợi thế cạnh tranh của Tôn Nam Kim trên thị trường xuất khẩu. Để vượt qua thách thức này, Tôn Nam Kim cần phát triển chiến lược cạnh tranh hiệu quả, tập trung vào chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đồng thời nâng cao hiệu suất sản xuất và chi phí để giữ vững thị phần của mình.

Nhu cầu tiêu thụ thép thường phụ thuộc vào tình hình kinh tế và xây dựng. Sự giảm đột ngột trong nhu cầu xây dựng hoặc sản xuất công nghiệp có thể làm giảm doanh số bán hàng của Tôn Nam Kim và tạo ra nguy cơ tồn kho cao. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với Tôn Nam Kim trong việc duy trì và tăng cường thị phần của mình trên thị trường. Để đối phó với tình hình này, Tôn Nam Kim cần tăng cường quản lý chuỗi cung ứng và dự báo nhu cầu thị trường kịp thời và chính xác, đồng thời tăng cường quảng bá và tiếp thị để tối ưu hóa việc tiếp cận khách hàng.

3.4 Rủi ro môi trường và quy định pháp lý

Sự thay đổi trong quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động có thể đòi hỏi Tôn Nam Kim phải đầu tư nhiều hơn vào công nghệ và thiết bị mới, đồng thời tăng chi phí sản xuất và tuân thủ pháp luật. Sự không chắc chắn trong việc tuân thủ các quy định mới và chi phí điều chỉnh có thể làm ảnh hưởng đến lợi nhuận và hoạt động của Tôn Nam Kim. Để đối phó, Tôn Nam Kim đã và đang thiết lập một hệ thống quản lý rủi ro và tuân thủ pháp luật, đồng thời tiếp tục đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để phát triển sản phẩm và quy trình sản xuất thân thiện với môi trường.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Với mục đích khẳng định và nâng cao vị thế trên thị trường, cũng như nâng cao năng lực tài chính, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tôn Nam Kim sẽ chào bán thêm cổ phiếu NKG cho các cổ đông hiện hữu, số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ được Tôn Nam Kim sử dụng để góp vốn vào công ty con của Công ty.

Rủi ro của đợt chào bán phụ thuộc vào tỷ lệ cổ đông hiện hữu đăng ký mua cổ phần so với tổng số lượng cổ phần dự kiến phát hành. Đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 001/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024. Đợt chào bán diễn ra trong thời điểm nền kinh tế và thị trường chứng khoán có nhiều biến động, do đó khó tránh khỏi những rủi ro liên quan đến thị trường chứng khoán khiến cổ

đông không thực hiện quyền mua, dẫn đến Công ty sẽ không huy động đủ vốn như dự kiến để triển khai theo phương án ĐHĐCĐ đã thông qua.

Trong trường hợp thị trường không thuận lợi và cổ phiếu không được chào bán hết như dự kiến, tùy thuộc vào tình hình thị trường tại thời điểm chào bán, HĐQT sẽ quyết định tiếp tục chào bán số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không được mua hết và/hoặc từ chối quyền mua, và/hoặc đến hạn đóng tiền mua cổ phiếu mà không đóng tiền mua cho các đối tượng khác (có thể bao gồm cả cổ đông hiện hữu) với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

5. Rủi ro pha loãng

5.1 Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) của Công ty sẽ giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành sẽ chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng.

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

- X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả định thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm, bao gồm lượng cổ phiếu từ phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, là 2 tháng (tính từ thời điểm hoàn tất phát hành giả định: 31/10/2024)

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{263.277.806 * 12 + 184.294.464\ ^{8} * 2}{12} = 293.993.550 \text{ cổ phiếu}$$

[8] Lượng cổ phiếu từ phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tối đa 131.638.903 cổ phiếu và lượng cổ phiếu phát hành thêm từ phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 52.655.561 cổ phiếu.

Bảng 1. So sánh EPS năm 2024 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần

	Nội dung	Đơn vị	Không phát hành	Phát hành
Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim				
1	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	336	336
2	Số cổ phiếu lưu hành bình quân	Cổ phiếu	263.277.806	293.993.550
3	EPS	Đồng/Cổ phiếu	1.276	1.143

Nguồn: Tôn Nam Kim

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận ngay trong năm 2024. Vì vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm tối đa 131.638.903 cổ phiếu từ đợt chào bán, EPS có thể bị pha loãng theo dự kiến như bảng tính trên.

Tuy nhiên việc EPS dự kiến năm 2024 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai dự kiến sẽ đạt được những hiệu quả nhất định để góp phần tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

5.2 Pha loãng giá thị trường cổ phiếu

Giá tham chiếu cổ phần Công ty sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện chào bán cổ phần thêm ra công chúng. Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

Giá tham chiếu (điều chỉnh):

$$\frac{P_{t-1} + I_R * P_R}{1 + I_R}$$

Trong đó:

- Pt-1 là đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền.
- IR là tỷ lệ cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
- PR là giá cổ phần sẽ chào bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành.

Tham khảo:

- P_{t-1} : Giả sử giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 24.750 đồng/cổ phiếu.
- I_R : Tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền là 50%.
- P_R : Giá cổ phần sẽ chào bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành là 12.000 đồng/cổ phiếu.

Giá tham chiếu cổ phiếu NKG trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán thêm cổ phần để tăng vốn là:

$$\frac{24.750 + [50\% * 12.000]}{1 + 50\%} = 20.500 \text{ đồng/cổ phần}$$

5.3 Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp lãnh đạo. Những rủi ro này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng ra quyết định, hiệu suất hoạt động và sự ổn định của doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro quản trị, Tôn Nam Kim tuân thủ các quy định về quản trị Công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán") và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ. Tôn Nam Kim là một doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ rất lâu và được sự hỗ trợ chuyên nghiệp từ cổ đông lớn đồng thời là Ban lãnh đạo Công ty, do đó có thể nói rủi ro quản trị Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)

Giá cổ phiếu của Công ty không thể tránh khỏi những biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chứng khoán thế giới. Đặc biệt khi cổ phiếu NKG đã được đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, các yếu tố trên càng trở nên nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Những rủi ro khác như các hiện tượng thiên tai (động đất, lũ lụt), chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo.... là những rủi ro bất khả kháng và ít có khả năng xảy ra, nhưng khi xảy ra thì những rủi ro này có thể tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể phòng tránh. Công ty luôn nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... cũng như lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch hợp lý nhằm giảm thiểu tối đa những rủi ro này đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện đúng như kế hoạch.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nghĩa như sau:

- Tôn Nam Kim/ NKG/ Công ty/ Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
- SSI/Tổ chức tư vấn	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
- BKS	:	Ban kiểm soát
- BTGĐ	:	Ban Tổng giám đốc
- BCTC	:	Báo cáo tài chính
- CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
- CBNV		Cán bộ nhân viên
- CPI	:	Consumer Price Index/Chỉ số giá tiêu dùng
- ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
- EPS	:	Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần
- ESOP	:	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
- GDP	:	Gross domestic product/Tổng sản phẩm quốc nội
- Giấy CNĐKDN	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- HĐQT	:	Hội đồng quản trị
- HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- KCN		Khu công nghiệp
- HRC	:	Thép tấm cuộn cán nóng
- MTV	:	Một thành viên
- NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- NHTM	:	Ngân hàng thương mại
- TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ	:	Tài sản cố định
- TSLĐ	:	Tài sản lưu động
- Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
- UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VAT/ Thuế GTGT	:	Value Added Tax/Thuế giá trị gia tăng

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản cáo bạch này nhưng không được giải thích, định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích, định nghĩa trong các mục khác của Bản cáo bạch này.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**
- Tên tiếng Anh : **NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt : NAKISCO
- Giấy CNĐKDN : Số 3700477019 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23/12/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 04/08/2022.
- Trụ sở chính : Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (+84) 274 3748 848
- Fax : (+84) 274 3748 868
- Website : www.tonnamkim.com
- Vốn điều lệ : 2.632.778.060.000 đồng *(Bằng chữ: hai nghìn sáu trăm ba mươi hai tỷ, bảy trăm bảy mươi tám triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng)*
- Mã cổ phiếu : NKG
- Sàn niêm yết : HOSE
- Người đại diện theo pháp luật : Ông **Võ Hoàng Vũ** – Tổng giám đốc
- Nhãn hiệu Công ty :

TÔN NAM KIM

Ngành nghề kinh doanh chính:

Bảng 2. Danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất sắt, thép, gang *Chi tiết: Sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm.*	2410
2	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.*	2599 (chính)

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
3	Bán buôn kim loại và quặng kim loại *Chi tiết: Bán buôn sắt, thép các loại.*	4662
4	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (trừ xử lý và tráng phủ kim loại và không gia công tại địa điểm trụ sở chính)	2592
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Mua bán phế liệu (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế tại trụ sở chính)*	4669

Nguồn: Tôn Nam Kim

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Bảng 3. Những cột mốc phát triển quan trọng của Công ty

Thời gian (Năm)	Diễn biến
2002	**THÀNH LẬP** Tôn Nam Kim được thành lập với dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF đầu tiên tại Việt Nam.
2010	**KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1** Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 1 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.
2011	**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU** Tôn Nam Kim niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu NKG.
2012	**NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1 HOẠT ĐỘNG** Nhà máy tôn mạ số 1 hoạt động nâng tổng công suất Tôn Nam Kim lên 350.000 tấn/năm.
2014	**KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2** Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 2 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.
2015	**KHỞI CÔNG NHÀ MÁY ỐNG LONG AN** Khởi công xây dựng Nhà máy ống Long An tại KCN Vĩnh Lộc 2, Long An.
2016	**NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2 HOẠT ĐỘNG** Nhà máy tôn mạ số 2 hoạt động với tổng công suất của Tôn Nam Kim đạt 650.000 tấn/năm.

Thời gian (Năm)	Diễn biến
2018	**TỔNG CÔNG SUẤT 1 TRIỆU TẤN SẢN PHẨM/NĂM** Công suất mạ: 1.000.000 tấn/năm. Công suất tẩy cán: 900.000 tấn/năm. Công suất ống kẽm: 200.000 tấn/năm.
2020	**TÁI CẤU TRÚC HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI** Tôn Nam Kim tái cấu trúc thành công, vượt qua năm 2020 đầy thử thách với kết quả kinh doanh ấn tượng. Ứng dụng hệ thống ERP SAP HANA 4/S.
2021	**KHỞI CÔNG NHÀ MÁY ỐNG MỸ PHƯỚC** Khởi công xây dựng kho hàng tập trung và Nhà máy ống Mỹ Phước tại KCN Mỹ Phước 3, Bình Dương.
2022	**NÂNG CAO GIÁ TRỊ, KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ** Tôn Nam Kim ra mắt dòng sản phẩm AZ200, bảo hành đến 25 năm và kiện toàn toàn bộ bộ máy quản lý giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
2023	**NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH CÔNG CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT TÔN ZINMAG®** Tôn Nam Kim nghiên cứu và phát triển thành công công nghệ sản xuất dòng sản phẩm tôn ZINMAG® – Tôn mạ hợp kim magie, bảo hành trên 50 năm.

Nguồn: Tôn Nam Kim

Các danh hiệu, giải thưởng tiêu biểu được công nhận:

Năm 2024 : Top 5 Công ty Vật liệu xây dựng năm 2024 do Vietnam Report công bố.

Doanh nghiệp đạt giải thưởng Sản phẩm, Dịch vụ sáng tạo, hiệu quả "Product of the Year" 2024.

Top 2 Doanh nghiệp Sáng tạo - Kinh doanh hiệu quả Ngành Vật liệu xây dựng 2024.

Năm 2023 : Doanh nghiệp đạt giải thưởng Sản phẩm, Dịch vụ sáng tạo, hiệu quả "Product of the Year" 2023.

VBE500 - Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam năm 2023.

Top 4 Nhà tuyển dụng hàng đầu trong lĩnh vực Thép - Kim Khí - Kim Loại.

Năm 2022 : Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 từ 2010 đến 2022.

Danh hiệu Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022 do FORBES Việt Nam bình chọn.

Thương hiệu Quốc gia 2022 do Bộ Công Thương trao tặng.

Năm 2021 : Top 2 Doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam.
Đạt Giấy chứng nhận ISO/IEC 17025 của phòng thí nghiệm, với mã số VILAS 1417.
Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 từ 2010 đến 2021.

Năm 2020 : Thương hiệu Quốc gia 2020 do Bộ Công Thương trao tặng.
Top 3 Doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam do Bộ Công Thương bình chọn.

Năm 2019 : Thành tích tốt trong công tác kê khai, nộp thuế và có nhiều đóng góp tích cực vào nhiệm vụ chung của Cục Hải quan Tỉnh Bình Dương năm 2018 do Cục trưởng Cục Hải quan Tỉnh Bình Dương trao tặng.

Năm 2018 : Danh hiệu Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018 do FORBES Việt Nam bình chọn.

Và nhiều danh hiệu, giải thưởng tiêu biểu khác.

Hình 4. Danh hiệu, giải thưởng tiêu biểu của Tôn Nam Kim năm 2022 - 2024



Nguồn: Tôn Nam Kim

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Cơ cấu Công ty Cổ phần Thép Nam Kim và các công ty con được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua. Công ty có trụ sở chính tại Lô A1, Đường Đ2, KCN Đồng An 2, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Công ty có 4 công ty con (Chi tiết được trình bày tại mục IV.5.2).

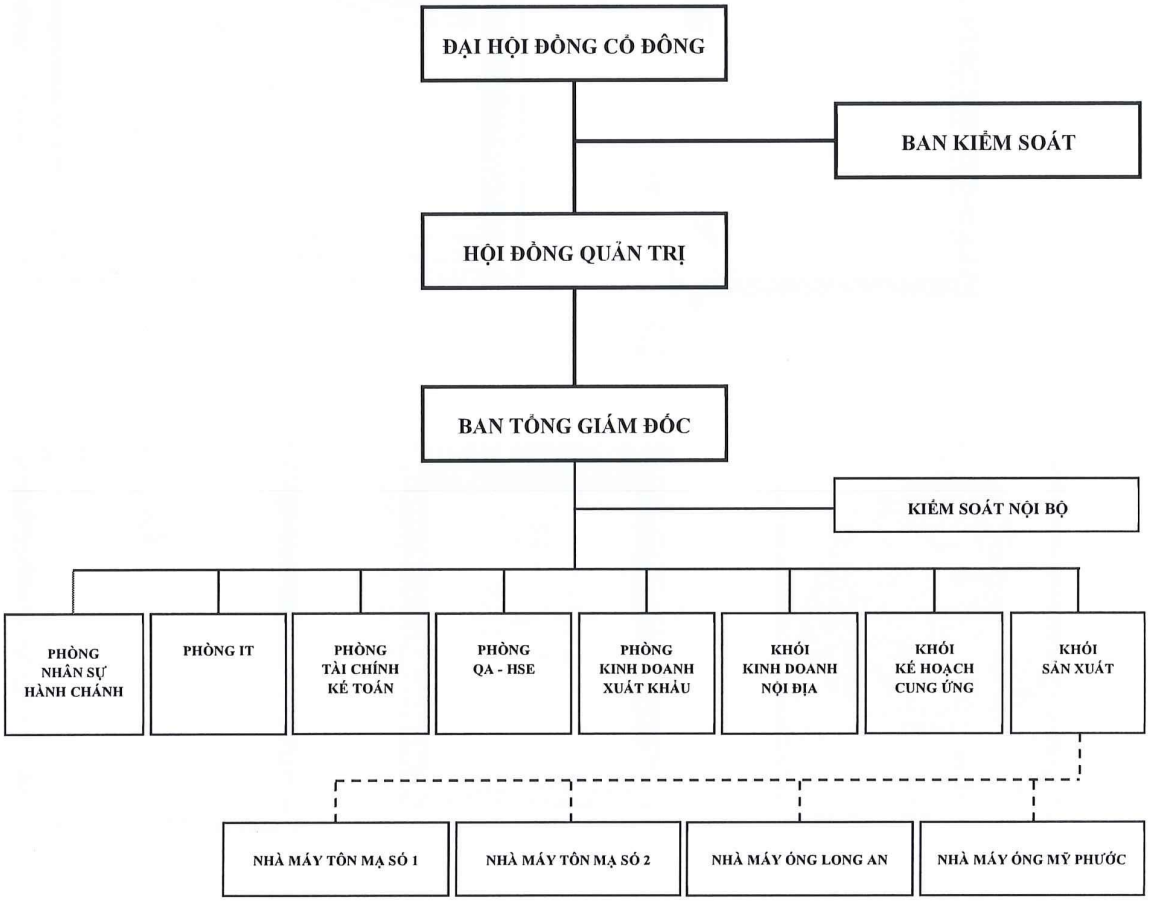
Hình 5. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: Tôn Nam Kim

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 6. Sơ đồ tổ chức của Công ty



Nguồn: Tôn Nam Kim

4.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền được Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan quy định:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, BKS;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2 Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT của Công ty có 05 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm. Cơ cấu HĐQT của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. HĐQT của Công ty có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Ban kiểm toán nội bộ - trực thuộc HĐQT của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim - đơn vị tham mưu, giúp việc cho HĐQT thông qua việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ.

Ngoài Ban kiểm toán nội bộ, HĐQT không thành lập các tiểu ban giúp việc khác.

Bảng 4. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Trung Tín	Thành viên HĐQT
5	Ông Võ Thời	Thành viên độc lập HĐQT

Nguồn: Tôn Nam Kim

4.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác;
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
- Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Bảng 5. Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Võ Thị Vui	Trưởng BKS
2	Ông Đặng Văn Hòa	Thành viên BKS
3	Ông Lê Nhật Tân	Thành viên BKS

Nguồn: Tôn Nam Kim

4.4 Ban Tổng giám đốc

BTGĐ của Công ty gồm có Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Các Phó Tổng giám đốc là người tham mưu, giúp việc cho BTGĐ và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng giám đốc ủy quyền và phân công theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT.

HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Bộ máy giúp việc chung cho BTGĐ là các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho BTGĐ, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của BTGĐ.

Bảng 6. Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Võ Hoàng Vũ	Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Vinh An	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng giám đốc
4	Bà Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính
5	Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng giám đốc
6	Ông Lê Minh Hải	Phó Tổng giám đốc

Nguồn: Tôn Nam Kim

4.5 Các phòng, ban nghiệp vụ

Công ty có các phòng, ban nghiệp vụ với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

❖ **Phòng Nhân sự Hành chánh**

- Tham mưu với BTGĐ trong việc quản lý nguồn nhân lực, quản trị hành chánh và an ninh trật tự hiệu quả;
- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và cải tiến công tác quản lý nguồn nhân lực, quản trị hành chánh và an ninh trật tự theo kế hoạch đã được duyệt;
- Phối hợp với các đơn vị khác giải quyết các công việc theo mục tiêu và định hướng của Công ty.

❖ **Phòng IT**

- Tổ chức xây dựng, trình BTGĐ kế hoạch, các đề án về đầu tư phát triển công nghệ thông tin của Công ty;
- Tổ chức xây dựng, lắp đặt và quản lý toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin toàn Công ty;
- Phối hợp với các đơn vị khác giải quyết các công việc theo mục tiêu và định hướng của Công ty.

❖ **Phòng Tài chính Kế toán**

- Phụ trách toàn bộ hoạt động tài chính, tìm kiếm, phân phối, sử dụng nguồn tiền với mục đích đáp ứng nhu cầu của Công ty bao gồm các hoạt động như quản lý tiền gửi, vay nợ, đầu tư, quản lý ngân sách, thu chi, quản lý rủi ro,...;
- Quản trị tài sản của Công ty, lập báo cáo tài chính tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật về kế toán. Phân tích báo cáo tài chính của Công ty để tham mưu cho BTGĐ những cải tiến, thay đổi nhằm mang tới nhiều lợi ích cho Công ty nhất. Quản lý, kiểm soát hoạt động hạch toán kế toán;

- Phụ trách các phương án chính sách đầu tư và các phương án chính sách huy động nguồn vốn, nguồn tài trợ, các phương án chính sách tăng giá trị tài sản của cổ đông;
- Phối hợp với các đơn vị khác giải quyết các công việc theo mục tiêu và định hướng của Công ty.

❖ **Phòng QA - HSE**

- Hoạch định các chiến lược về quản lý chất lượng sản phẩm sản xuất tại Công ty;
- Tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra chất lượng nguyên liệu đầu vào; kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm trên các chuyền sản xuất và kiểm tra đánh giá lại chất lượng sản phẩm khi có khiếu nại của khách hàng;
- Tổ chức thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng sản phẩm mang thương hiệu Tôn Nam Kim theo các chuẩn mực quy định (tiêu chuẩn khách hàng, tiêu chuẩn của Tôn Nam kim, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn các thị trường mà Công ty bán sản phẩm và các tài liệu của Công ty được phê duyệt…);
- Quản lý thiết bị, dụng cụ kiểm tra - thử nghiệm (có liên quan đến nguyên vật liệu và sản phẩm) trong toàn Công ty và thực hiện lưu trữ mẫu;
- Phụ trách toàn bộ hoạt động môi trường, hệ thống quản lý chất lượng, phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động;
- Phối hợp với các đơn vị khác giải quyết các công việc theo mục tiêu và định hướng của Công ty.

❖ **Phòng Kinh doanh Xuất khẩu**

- Nghiên cứu thị trường, tham mưu với BTGĐ trong việc hoạch định và thiết lập chiến lược kinh doanh tiếp thị cho Công ty;
- Thực hiện việc chào bán hàng của Công ty đang có sẵn và triển khai cho Công ty sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng;
- Giải quyết khiếu nại của khách hàng và thu thập thông tin phản hồi từ khách hàng xây dựng kế hoạch bán hàng hiệu quả;
- Phối hợp với các đơn vị khác giải quyết các công việc theo mục tiêu và định hướng của Công ty.

❖ **Khối Kinh doanh Nội địa**

- Nghiên cứu thị trường, tham mưu với BTGĐ trong việc hoạch định và thiết lập chiến lược kinh doanh tiếp thị cho Công ty;
- Thực hiện việc chào bán hàng của Công ty đang có sẵn và triển khai cho Công ty sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng;
- Giải quyết khiếu nại của khách hàng và thu thập thông tin phản hồi từ khách hàng để xây dựng kế hoạch bán hàng hiệu quả;
- Thực hiện, quản lý và phát triển hoạt động tiếp thị nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu;
- Phối hợp với các đơn vị khác giải quyết các công việc theo mục tiêu và định hướng của Công ty.

❖ **Khối Kế hoạch Cung ứng**

- Phụ trách công tác hoạch định kế hoạch sản xuất trong toàn Công ty;
- Tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát tiến độ sản xuất của các đơn vị trong Công ty;
- Hoạch định hàng tồn kho và tham mưu xử lý tồn kho hiệu quả;
- Phụ trách toàn bộ hoạt động thu mua nguyên vật liệu chính trong và ngoài nước cho toàn Công ty;
- Phụ trách trong công tác giao nhận nguyên vật liệu chính của toàn Công ty;
- Phụ trách toàn bộ hoạt động quản lý vật tư toàn Công ty đáp ứng được nhu cầu sản xuất;
- Tham mưu, phân tích, tổng hợp, đề xuất kiến nghị phù hợp với công tác quản lý vật tư;
- Quản lý toàn bộ các hoạt động liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa;
- Tổ chức thực hiện công tác giao nhận xuất nhập khẩu;
- Phối hợp với các đơn vị khác giải quyết các công việc theo mục tiêu và định hướng của Công ty.

❖ **Khối Sản xuất**

- Phụ trách về việc hoạch định hoạt động sản xuất chính của nhà máy nhằm đạt và vượt mục tiêu về năng suất, sản lượng, chất lượng đã đề ra trong kế hoạch kinh doanh của Công ty và tiết kiệm tối đa mức tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu và vật tư sản xuất;
- Điều hành sản xuất theo kế hoạch sản xuất đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng;
- Kiểm soát việc thực hiện các quy trình, quy định, hướng dẫn,…về thiết bị, máy móc, công nghệ sản xuất, mua máy móc thiết bị thay thế hạng mục dây chuyền sản xuất;
- Phụ trách công tác hoạch định việc sử dụng máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị gia công cơ khí, dụng cụ cầm tay đạt hiệu quả cao nhất theo các mục tiêu đề ra;
- Quản lý và bảo trì máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị gia công cơ khí và dụng cụ cầm tay phục vụ sửa chữa trong các nhà máy;
- Triển khai kế hoạch chế tạo, gia công các sản phẩm cơ khí phục vụ yêu cầu sản xuất, xây dựng nhà xưởng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và tính chính xác trên sản phẩm;
- Phối hợp với các đơn vị khác giải quyết các công việc theo mục tiêu và định hướng của Công ty.

❖ **Bộ phận Kiểm soát nội bộ**

Bộ phận Kiểm soát nội bộ - trực thuộc BTGĐ Công ty có trách nhiệm như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và Công ty; tuân thủ các chủ trương, chỉ đạo từ HĐQT, BTGĐ đến các đơn vị;
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá, tư vấn, kiến nghị và phối hợp xây dựng hệ thống quản lý rủi ro của Công ty và các vấn đề liên quan khác;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán và thống kê;

- Giám sát việc thực hiện đầy đủ trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị;
- Các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định trong từng thời kỳ.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1 Công ty mẹ của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim không có công ty mẹ và không có công ty nào nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

5.2 Công ty con của Tổ chức phát hành

Trong hai năm 2022, 2023 và tính đến thời điểm hiện tại, Tổ chức phát hành có 4 công ty con.

❖ **Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim**

Tên công ty	:	Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim		
Ngày thành lập	:	05/04/2016		
Giấy CNĐKDN số	:	1101817375		
Trụ sở chính	:	Lô C2-16 đến Lô C2-20, Đường VL1, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.		
Ngành, nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.		
Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành	:	Năm 2022: 100%	Năm 2023: 100%	9 tháng/2024: 100%
Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại Tổ chức phát hành	:	Năm 2022: 0%	Năm 2023: 0%	9 tháng/2024: 0%

❖ **Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai**

Tên công ty	:	Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai		
Ngày thành lập	:	13/12/2019		
Giấy CNĐKDN số	:	4001197204		
Trụ sở chính	:	Đường số 01, Khu công nghiệp hậu cần cảng Tam Hiệp, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam.		
Ngành, nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.		
Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành	:	Năm 2022: 100%	Năm 2023: 100%	9 tháng/2024: 100%

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại Tổ chức phát hành	:	Năm 2022: 0%	Năm 2023: 0%	9 tháng/2024: 0%

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/2023/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2023, HĐQT của Công ty đã chấp thuận việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Ống Thép Nam Kim Chu Lai từ ngày 26 tháng 12 năm 2023.

❖ **Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam**

Tên công ty	:	Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam		
Ngày thành lập	:	23/04/2012		
Giấy CNĐKDN số	:	3702046145		
Trụ sở chính	:	Lô A-5F-CN Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.		
Ngành, nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.		
Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành	:	Năm 2022: 100%	Năm 2023: 100%	9 tháng/2024: 100%
Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại Tổ chức phát hành	:	Năm 2022: 0%	Năm 2023: 0%	9 tháng/2024: 0%

❖ **Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ**

Tên công ty	:	Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ		
Ngày thành lập	:	13/04/2022		
Giấy CNĐKDN số	:	3502474312		
Trụ sở chính	:	Đường số 1, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.		
Ngành, nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.		
Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành	:	Năm 2022: 100%	Năm 2023: 100%	9 tháng/2024: 100%
Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại Tổ chức phát hành	:	Năm 2022: 0%	Năm 2023: 0%	9 tháng/2024: 0%

Theo Nghị quyết HĐQT số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 04 năm 2022, Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 3502474312 ngày 13 tháng 04 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và được thay đổi gần nhất lần thứ 1 vào ngày 05 tháng 05 năm 2022 với vốn điều lệ là 500 tỷ đồng. Công ty đã hoàn tất cam kết góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.

5.3 Công ty liên kết của Tổ chức phát hành

Không có

5.4 Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

5.5 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Thành lập kể từ năm 2002, Tôn Nam Kim bắt đầu với tổng số vốn điều lệ là 60 tỷ đồng. Đến nay, vốn điều lệ của Tôn Nam Kim đã có những sự thay đổi như sau:

Bảng 7. Thông tin quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Thời điểm	Vốn điều lệ (đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
Năm 2002	60.000.000.000	-	Thành lập Công ty	- ĐHĐCĐ; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2006	69.000.000.000	9.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	- ĐHĐCĐ; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2007	71.100.000.000	2.100.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông trong Công ty	- ĐHĐCĐ; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2009	150.000.000.000	78.900.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông trong Công ty	- ĐHĐCĐ; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2010	200.000.000.000	50.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	- ĐHĐCĐ; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.

Thời điểm	Vốn điều lệ (đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
Năm 2010	230.000.000.000	30.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	- ĐHĐCĐ; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2011	299.000.000.000	69.000.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2014	399.000.000.000	100.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2015	430.919.200.000	31.919.200.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2015	438.899.200.000	7.980.000.000	Phát hành cổ phiếu ESOP	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2016	500.343.610.000	61.444.410.000	Phát hành cổ phiếu thưởng	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2016	660.343.610.000	160.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.

Thời điểm	Vốn điều lệ (đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
Năm 2017	990.514.550.000	330.170.940.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2017	1.000.000.000.000	9.485.450.000	Phát hành cổ phiếu ESOP	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2017	1.300.000.000.000	300.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2018	1.819.998.680.000	591.998.680.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2021	2.183.985.680.000	363.987.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2022	2.193.985.680.000	10.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ESOP	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
Năm 2022	2.632.778.060.000	438.792.380.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- ĐHĐCĐ; - UBCKNN; - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.

Nguồn: Tôn Nam Kim

- Tổ chức phát hành không có đợt giảm vốn điều lệ nào.
- Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với các đợt tăng vốn trên: Không có.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Giá trị và phương thức thực hiện của các khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện:

Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1 Cổ phiếu phổ thông

Căn cứ Danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") chốt tại thời điểm ngày 21/03/2024, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 8. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 21/03/2024

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	**Tổ chức**	**102**	**41.527.585**	**15,773%**
	- Trong nước	68	3.596.447	1,366%
	- Nước ngoài	34	37.931.138	14,407%
	- Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0%
2	**Cá nhân**	**35.017**	**221.750.221**	**84,226%**
	- Trong nước	34.784	221.082.901	83,973%
	- Nước ngoài	233	667.320	0,253%
TỔNG CỘNG		**35.119**	**263.277.806**	**100%**

Nguồn: Tôn Nam Kim

8.2 Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3 Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 50% theo Công văn số 3950/UBCK-PTTT ngày 26/07/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: Không có.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Tổ chức phát hành tại ngày 21/03/2024: 14,66% (theo Danh sách cổ đông do VSDC chốt tại thời điểm ngày 21/03/2024).

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1 Hệ thống nhà máy, quy trình sản xuất, công nghệ áp dụng, sản phẩm và dịch vụ kinh doanh

Tôn Nam Kim là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong ngành sản xuất tôn mạ. Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tôn Nam Kim bao gồm sản xuất và phân phối tôn kẽm, tôn lạnh, tôn mạ màu, ống kẽm và các sản phẩm thép công nghiệp khác. Doanh thu thuần hợp nhất của Công ty cho năm 2022 và 2023 lần lượt là 23.071 tỷ đồng và 18.595 tỷ đồng. Tôn Nam Kim duy trì và củng cố vị thế trên 06 phương diện:

- **Mở rộng quy mô sản xuất:**

  Tôn Nam Kim luôn chú trọng mở rộng quy mô, nâng cao công suất và cải thiện chất lượng sản phẩm để gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- **Đa dạng hóa sản phẩm:**

  Tôn Nam Kim không chỉ sản xuất tôn kẽm, tôn lạnh, tôn mạ màu, ống kẽm mà còn đầu tư và sản xuất thành công sản phẩm chất lượng cao là ZINMAG® - Tôn mạ hợp kim Magie, bảo hành trên 50 năm, phục vụ cho các công trình, dự án chịu tác động ăn mòn cao ở các môi trường khắc nghiệt nhất.

- **Phát triển mạng lưới phân phối:**

  Tôn Nam Kim liên tục mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm trên phạm vi cả nước và quốc tế, góp phần tăng doanh số bán hàng và thị phần.

- **Chú trọng vào nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ:**

  Tôn Nam Kim luôn đặt chất lượng sản phẩm và dịch vụ lên hàng đầu, từ đó xây dựng lòng tin và sự hài lòng của khách hàng.

- **Cải thiện hiệu suất sản xuất và tối ưu hóa quy trình sản xuất:**

  Tôn Nam Kim không ngừng cải thiện hiệu suất, tối ưu hóa quy trình sản xuất để giảm chi phí, gia tăng năng suất và lợi nhuận.

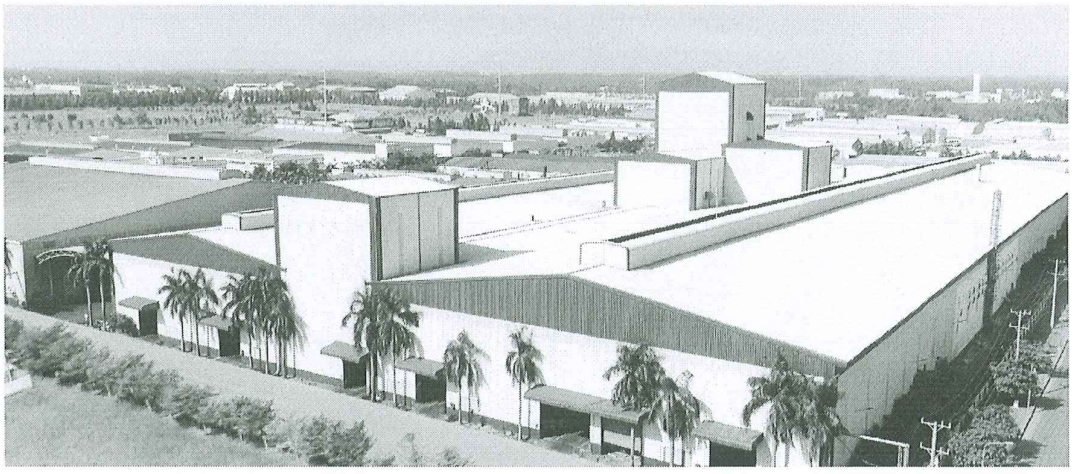
- **Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ:**

  Tôn Nam Kim liên tục đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ, cải thiện quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

(i) Hệ thống nhà máy

Hình 7. Nhà máy Tôn mạ số 1 của Tôn Nam Kim



Nguồn: Tôn Nam Kim

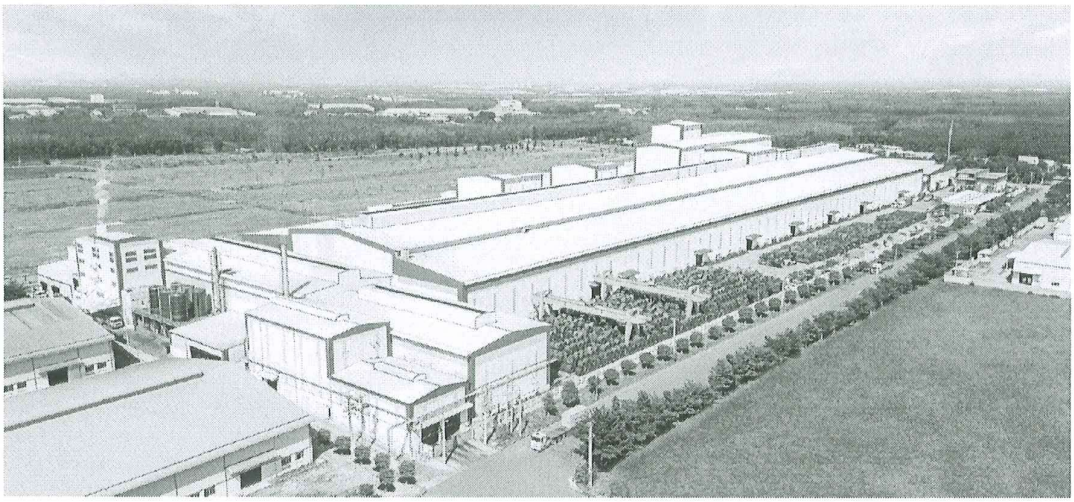
❖ **NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1**

Diện tích : 6,5 ha.

Sản phẩm : Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm.

Địa chỉ : Lô B2.2 – B2.3, Đường Đ3, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Hình 8. Nhà máy Tôn mạ số 2 của Tôn Nam Kim



Nguồn: Tôn Nam Kim

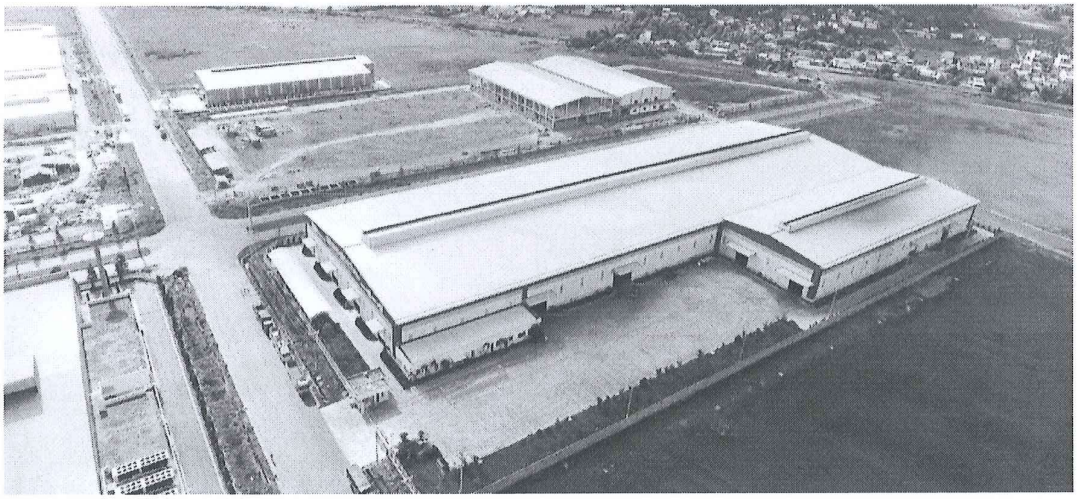
❖ **NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2**

Diện tích : 10 ha.

Sản phẩm : Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu.

Địa chỉ : Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Hình 9. Nhà máy Ống Long An của Tôn Nam Kim



Nguồn: Tôn Nam Kim

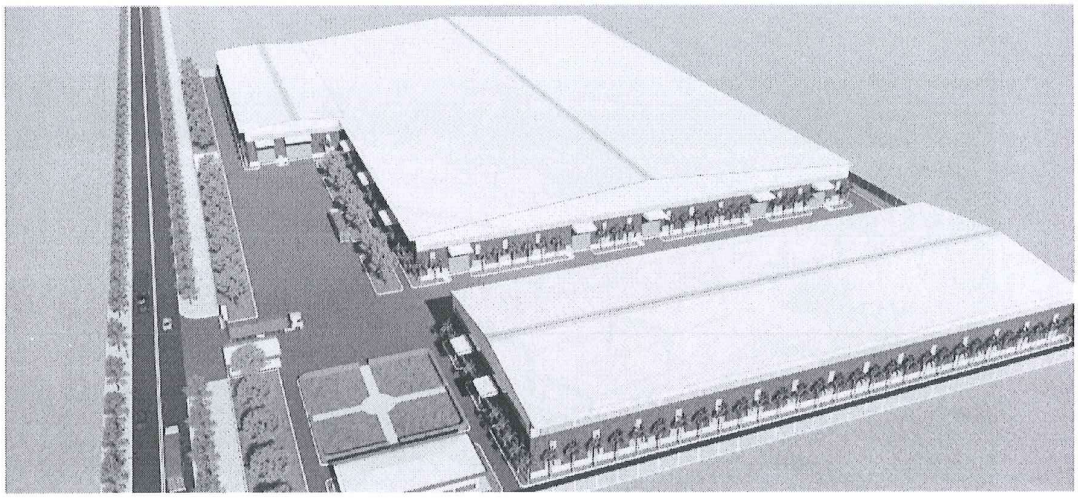
❖ **NHÀ MÁY ỐNG LONG AN**

Diện tích : 3,2 ha.

Sản phẩm : Ống thép.

Địa chỉ : Lô C2-16 đến Lô C2-20, Đường VL1, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Hình 10. Nhà máy Ống Mỹ Phước của Tôn Nam Kim



Nguồn: Tôn Nam Kim

❖ **NHÀ MÁY ỐNG MỸ PHƯỚC**

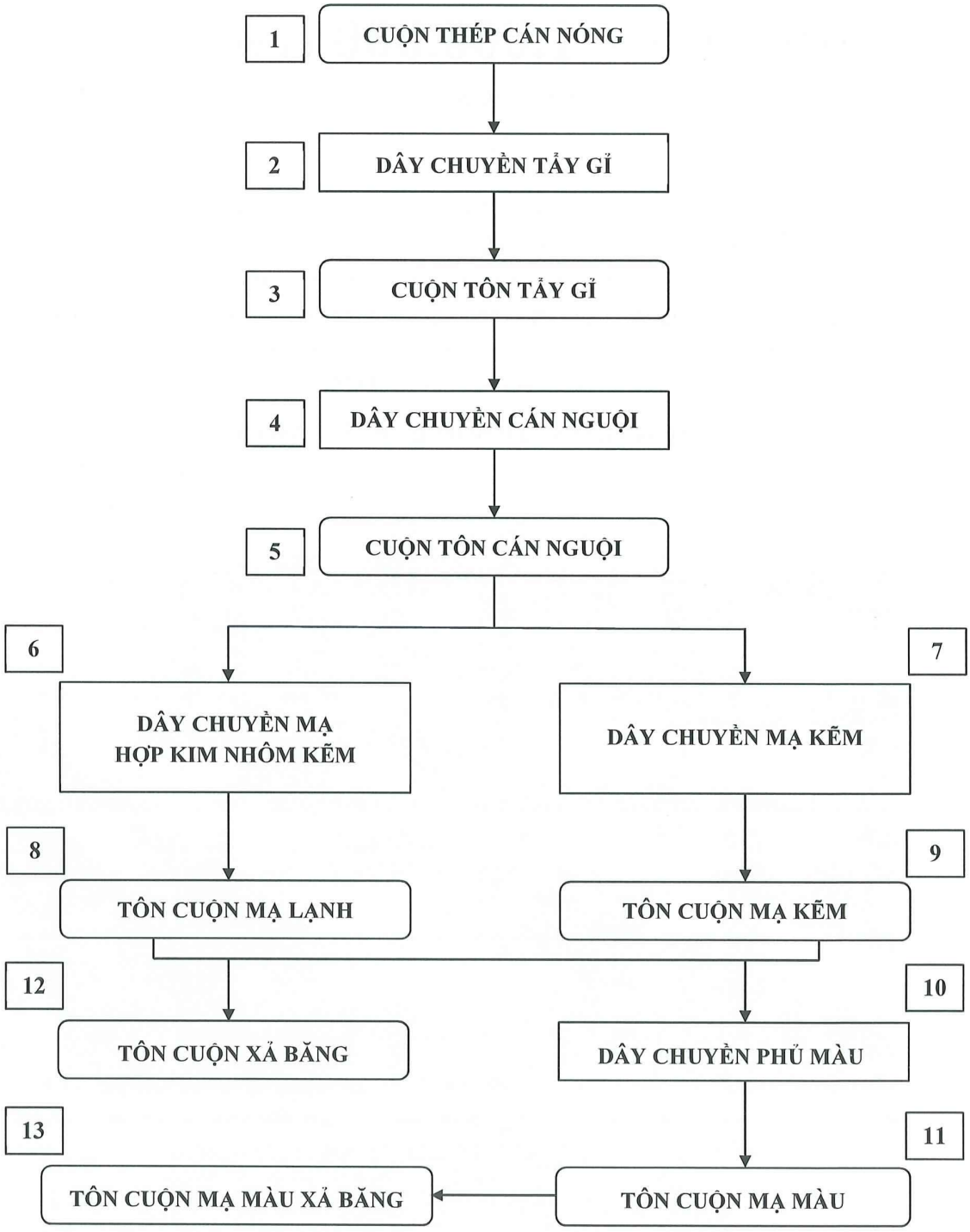
Diện tích : 5 ha.

Sản phẩm : Ống thép.

Địa chỉ : Lô A-5F-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

(ii) Quy trình sản xuất

Hình 11. Quy trình sản xuất tôn mạ tại nhà máy của Tôn Nam Kim



Nguồn: Tôn Nam Kim

(iii) Công nghệ áp dụng

❖ **DÂY CHUYỀN TẨY GỈ**

CÔNG SUẤT TẨY GỈ **1.000.000** **TẤN/NĂM**

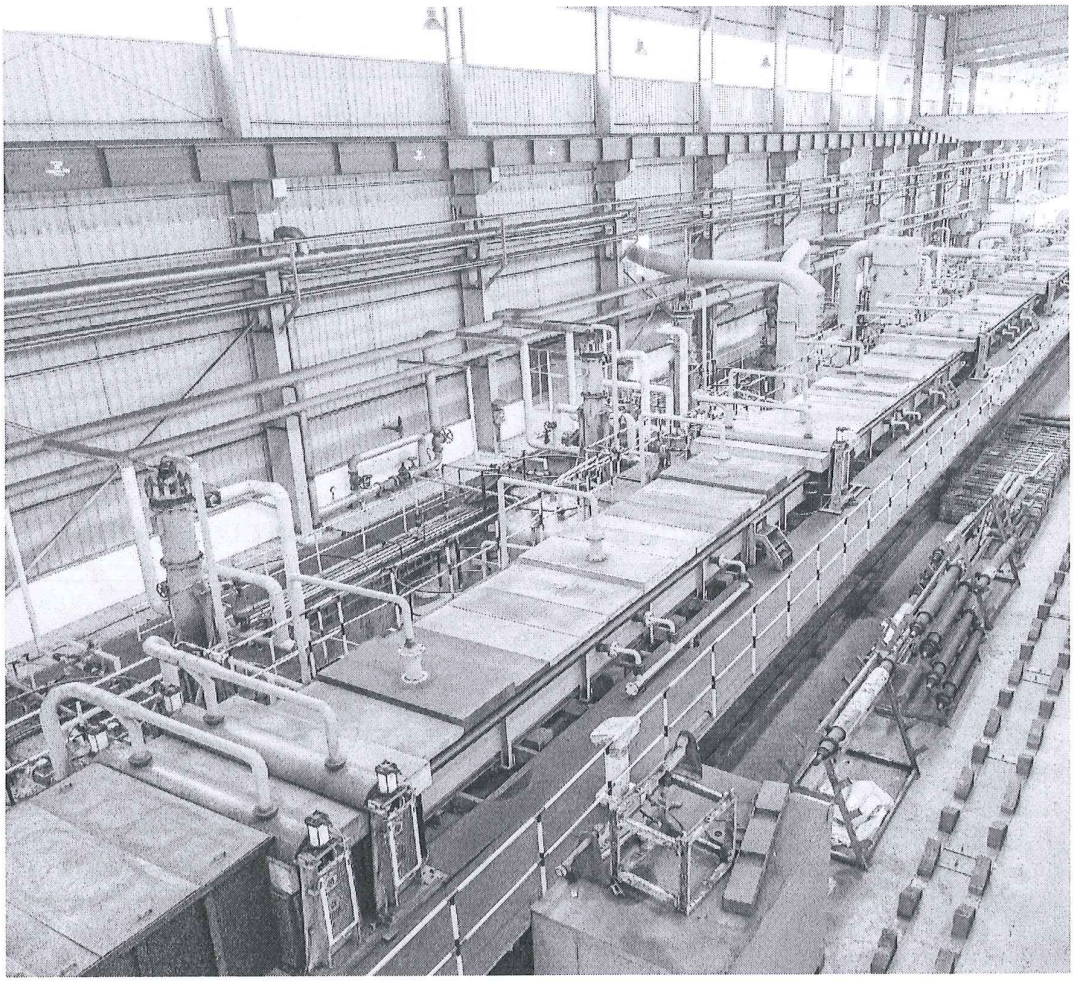
Độ dày thép nguyên liệu: 1.5 mm - 5.0 mm

Khổ rộng: 750 mm – 1300 mm

Thép nguyên liệu được tẩy gỉ trên dây chuyền hiện đại của Tập đoàn SMS Group (CHLB Đức). Đây là dây chuyền tiên tiến hiện nay.

Với quy trình sản xuất khép kín, Tôn Nam Kim luôn chủ động thời gian trong việc phân bổ kế hoạch sản lượng của nhà máy, cũng như nguyên vật liệu sản xuất tẩy gỉ. Với công nghệ FLUIDIZED BED, cho thu hồi hạt sắt với độ tinh khiết cao, là nguyên liệu tái sử dụng cho các nhà máy luyện thép, từ đó góp phần bảo vệ môi trường.

Hình 12. Dây chuyền tẩy gỉ của Tôn Nam Kim



Nguồn: Tôn Nam Kim

❖ **DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI**

CÔNG SUẤT CÁN NGUỘI 1.000.000 TẤN/NĂM

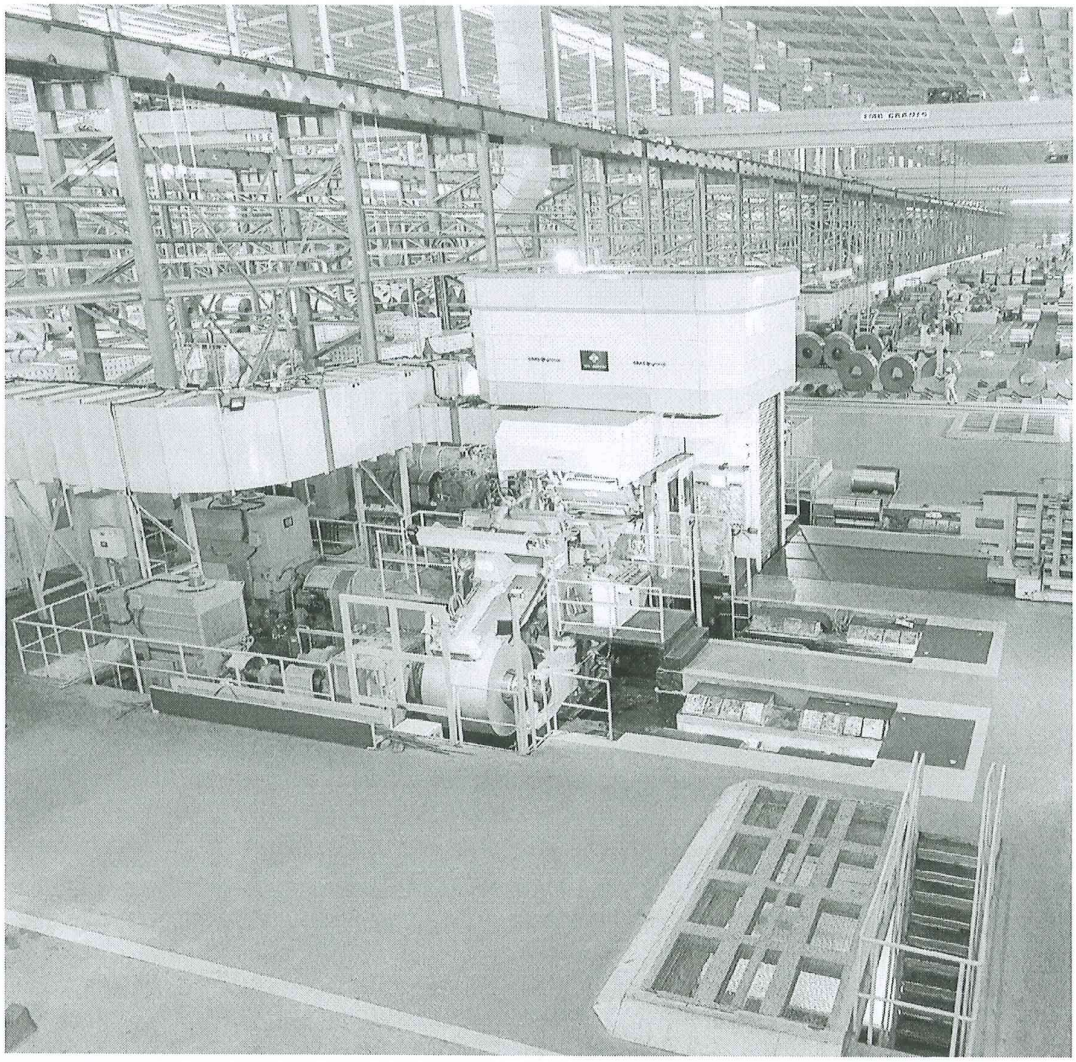
Độ dày đầu ra của thép: 0.15 mm - 3.0 mm

Tốc độ cán: 1.400 mét/phút

Tôn Nam Kim sở hữu dây chuyền cán nguội đôi 2 giá cán, 6 trục CVC đầu tiên của Việt Nam, giúp công suất tăng gấp 2 lần và giảm thiểu nhân lực, chi phí vận hành sản xuất.

Công nghệ cán nguội với hệ thống AFC tự động tính toán cho ra độ phẳng băng tôn tối ưu nhất ngay ở tốc độ cao. Lực kéo khi cán lớn hơn, cán được những mác thép khác có độ cứng cao hơn, cho ra dãy sản phẩm rộng hơn để phục vụ nhu cầu đa dạng của thị trường.

Hình 13. Dây chuyền cán nguội của Tôn Nam Kim



Nguồn: Tôn Nam Kim

❖ **DÂY CHUYỀN MẠ LẠNH HOẶC MẠ KẼM**

CÔNG SUẤT MẠ 1.200.000 TẤN/NĂM

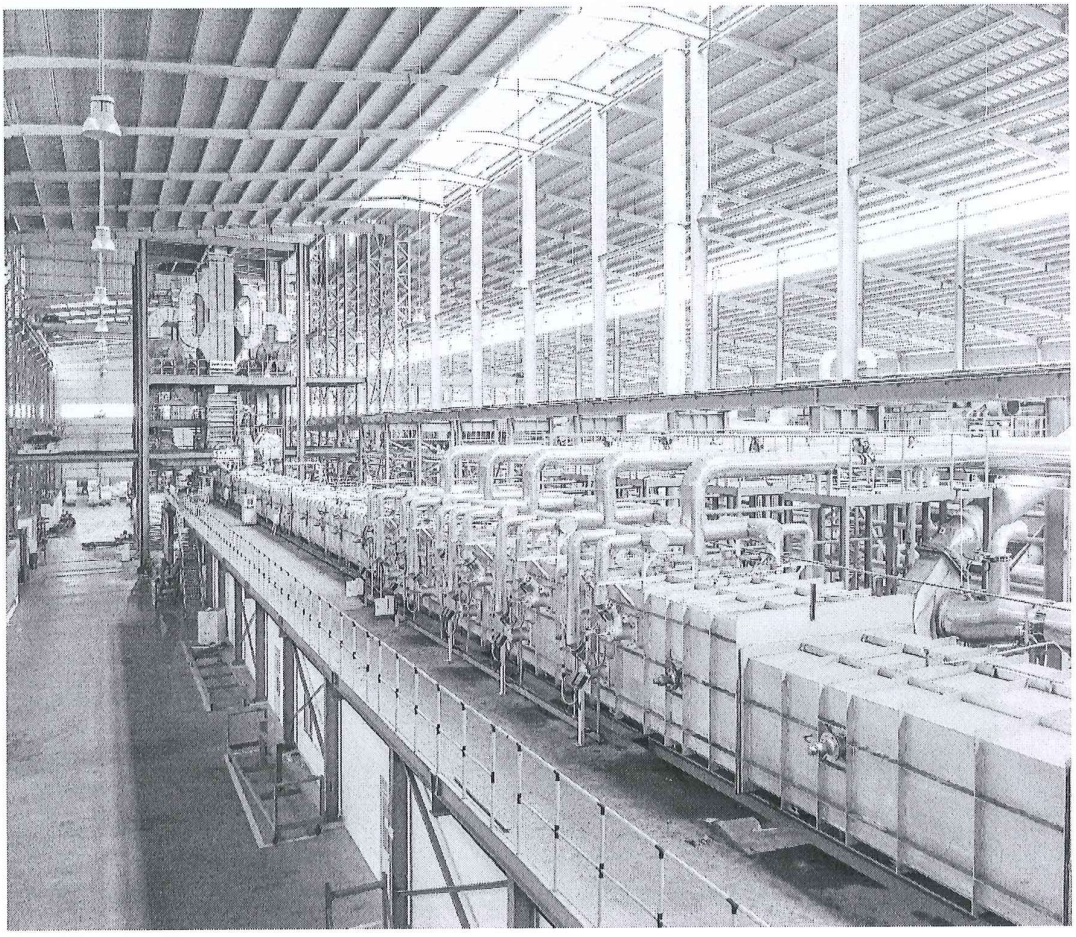
Độ dày tôn mạ: 0.18 mm - 3.5 mm

Lớp mạ hợp kim: AZ200 (Tôn Lạnh) (GL), Z600 (Tôn Kẽm) (GI)

Tôn Nam Kim có 5 dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF có thể sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Các dây chuyền mạ được chế tạo bởi SMS (CHLB Đức) và được tích hợp các công nghệ hiện đại trong ngành như EMG (CHLB Đức), Drever (Bỉ), Ajax (Mỹ - Nhật) có thể kiểm soát tối ưu độ phẳng, độ đồng đều của bề mặt lớp mạ.

Chảo mạ sử dụng công nghệ ceramic và gia nhiệt cảm ứng bằng inductor của Ajax (Mỹ); đặc biệt dây chuyền mạ lò chữ L của Tôn Nam Kim cho phép đốt nhiệt đều 2 mặt tôn tốt hơn và mang lại sản phẩm chất lượng với độ thẩm mỹ cao.

Hình 14. Dây chuyền mạ lạnh/ mạ kẽm của Tôn Nam Kim



Nguồn: Tôn Nam Kim

❖ **DÂY CHUYỀN MẠ MÀU**

CÔNG SUẤT MẠ MÀU **180.000** **TẤN/NĂM**

Độ dày tôn mạ: 0.2 mm - 1.2 mm

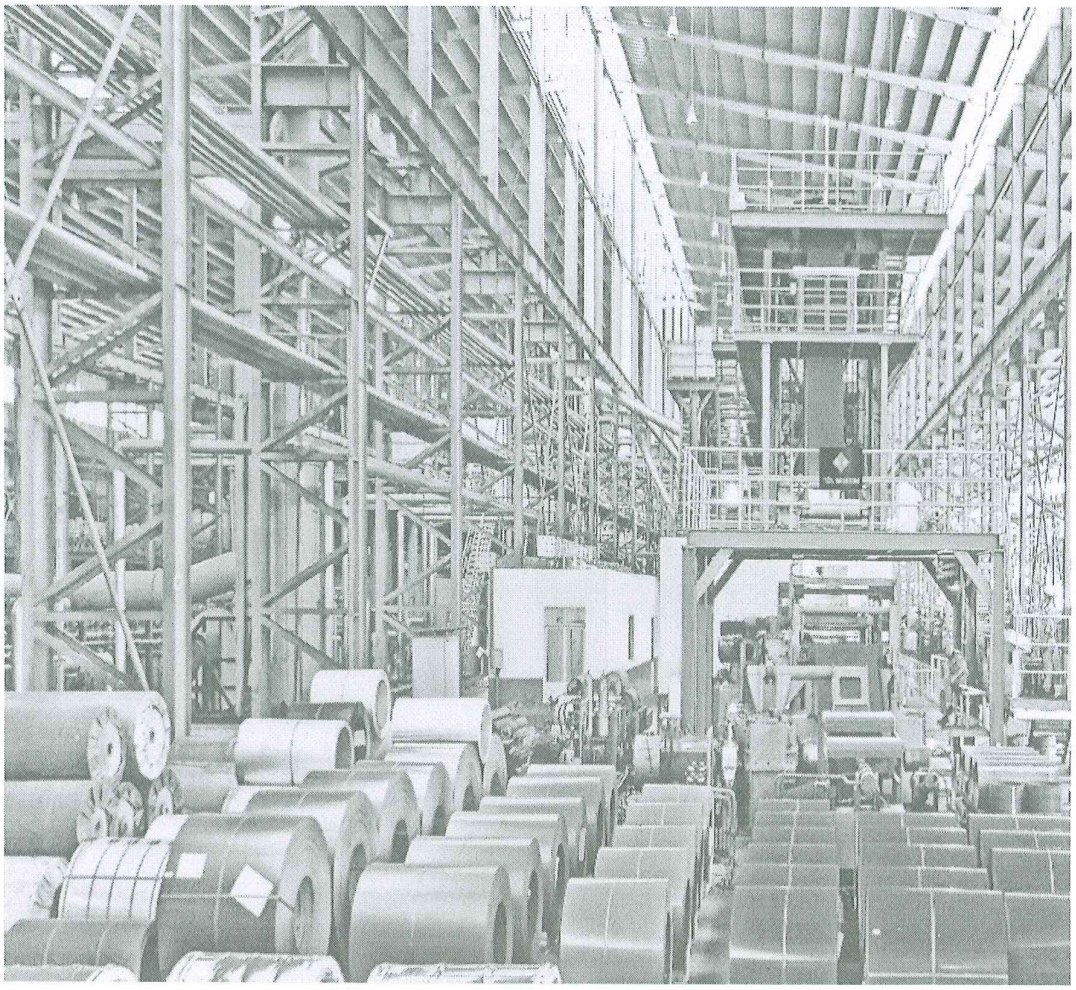
Khổ rộng: 860 mm – 1250 mm

Độ dày sơn: lên đến 100 Micron/2 mặt

Tôn Nam Kim sở hữu 2 dây chuyền mạ màu tiên tiến được cung cấp bởi Paco Engineering (Hàn Quốc) và Shanghai JX với hệ thống điều khiển thông minh nhằm bảo đảm chất lượng sơn phủ đồng đều và bền màu. Dây chuyền có khả năng đáp ứng bất kỳ màu sắc nào do khách hàng yêu cầu.

Tôn mạ màu Nam Kim có thể đáp ứng bất kỳ màu sắc nào theo yêu cầu của khách hàng, với thời gian bảo hành trên 15 năm.

Hình 15. Dây chuyền mạ màu của Tôn Nam Kim

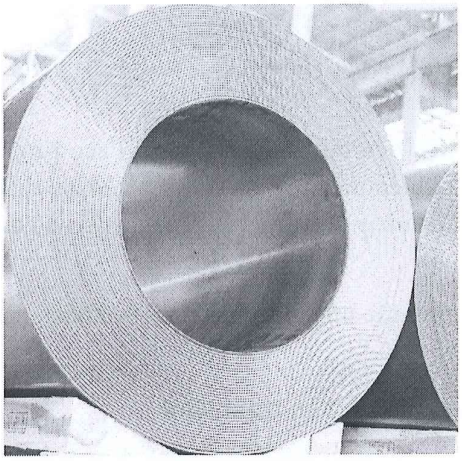


Nguồn: Tôn Nam Kim

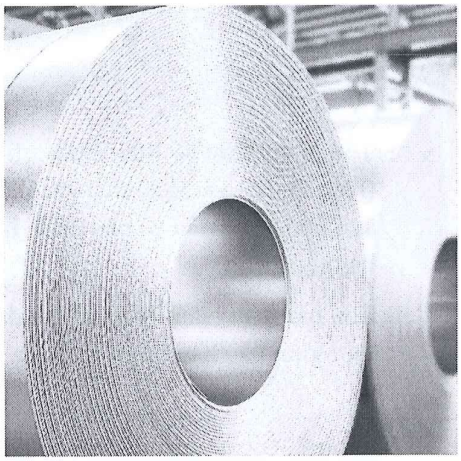
(iv) Một số sản phẩm tiêu biểu

Sản phẩm Tôn Nam Kim đa dạng chủng loại, có độ bền và tính thẩm mỹ cao, sử dụng trong các ứng dụng dân dụng cũng như công nghiệp.

Hình 16. Các sản phẩm tiêu biểu của Tôn Nam Kim



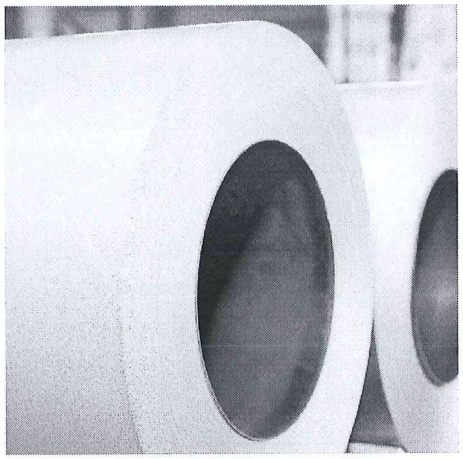
TÔN LẠNH MÀU



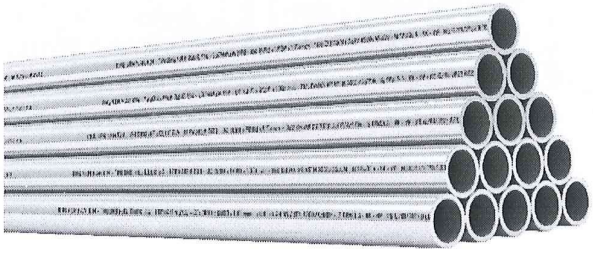
ZINMAG®
TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE



TÔN MẠ KẼM (GI)



TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM KẼM (GL)



ỐNG THÉP

Nguồn: Tôn Nam Kim

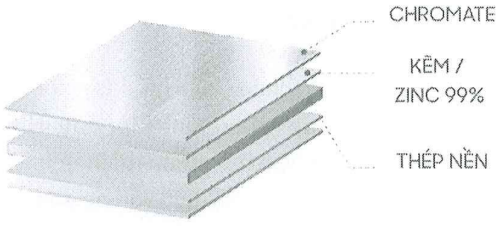
❖ **TÔN MẠ KẼM (GI Z80-Z600)**

Hình 17. Sản phẩm tôn mạ kẽm (GI Z80-Z600) của Tôn Nam Kim



MÔ TẢ

Tôn mạ kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng kẽm nguyên chất (99%), sử dụng công nghệ nhúng nóng liên tục, thông qua nhiệt độ lò NOF để kiểm soát cơ tính phù hợp với các ứng dụng khác nhau.



ỨNG DỤNG

Nhà thép tiền chế, xà gồ kết cấu thép, sàn decking, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.

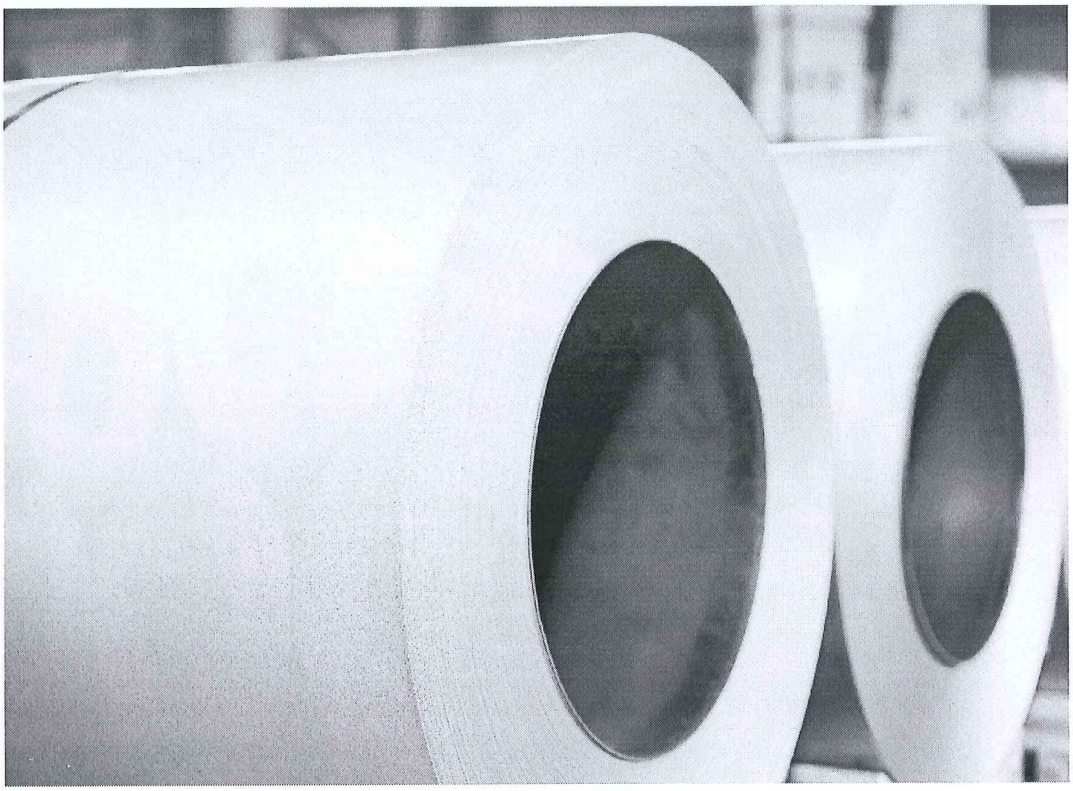
TIÊU CHUẨN

JIS G3302, AS 1397, ASTM A653/A653M, EN 10346.

Nguồn: Tôn Nam Kim

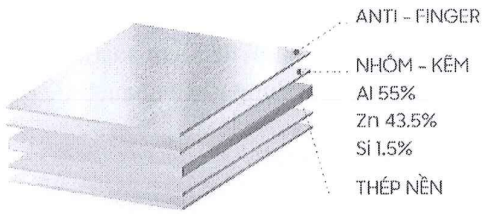
❖ TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM KẼM (GL AZ70 – AZ200)

Hình 18. Sản phẩm tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (GL AZ70 – AZ200) của Tôn Nam Kim



MÔ TẢ

Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng hợp kim (55% Nhôm, 43,5% Kẽm, 1,5% Silic), với khả năng chống ăn mòn vượt trội, lớp mạ có độ dẻo và độ bám dính tốt, đảm bảo khả năng định hình tuyệt vời cho các ứng dụng khác nhau.



ỨNG DỤNG

Khung kèo nhẹ, xà gồ kết cấu thép, sàn decking, tôn vách, tấm lợp, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.

TIÊU CHUẨN

JIS G3321, AS 1397, ASTMA792/A792M, EN 10346.

Nguồn: Tôn Nam Kim

❖ **TÔN LẠNH MÀU (PPGL AZ200 | SPE 25/12 | PVDF 25/12)**

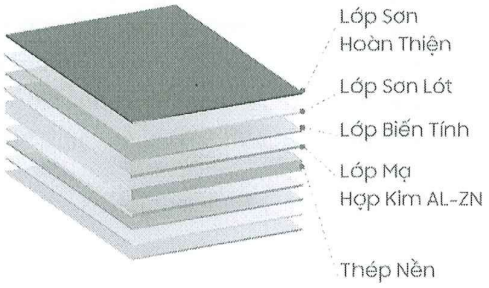
Hình 19. Sản phẩm tôn lạnh màu (PPGL AZ200 | SPE 25/12 | PVDF 25/12) của Tôn Nam Kim



MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn SPE và PVDF đặc biệt với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm là sự lựa chọn tối ưu trong điều kiện môi trường khắc nghiệt.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của Tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.



ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường khắc nghiệt nhất.

TIÊU CHUẨN

JIS G3322, ASTMA755, AS 2728, EN 10169.

Nguồn: Tôn Nam Kim

❖ ZINMAG® - TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE

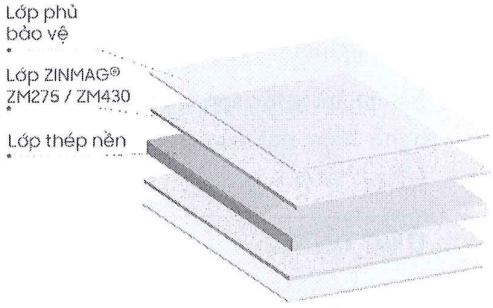
Hình 20. Sản phẩm ZINMAG® - Tôn mạ hợp kim Magie của Tôn Nam Kim



MÔ TẢ

ZINMAG® là loại thép mạ hợp kim Magie được phát triển bởi Tôn Nam Kim với sự hợp tác của đối tác MGK và Van Der Laan International Consultancy B.V.

Tôn ZINMAG® với lớp mạ độc đáo Zn-Al5%-Mg3% cung cấp một giải pháp đột phá trong việc bảo vệ chống ăn mòn bề mặt và bảo vệ mép cắt kim loại, có thể sử dụng ngay cả trong các môi trường khắt nghiệt nhất (C5) như môi trường chăn nuôi, hoá chất, vùng biển.



ỨNG DỤNG

Ứng dụng làm các công trình gần biển, vật liệu dùng để sản xuất silo, công trình chăn nuôi, thiết bị đồ gia dụng, khung đỡ pin năng lượng mặt trời, HVAC, xà gồ, sàn deck, máng xối, thanh hộ lan cao tốc,…

TIÊU CHUẨN

AS 1397, ASTM A1046/A1046M, BS EN 10346, JIS G 3323.

Nguồn: Tôn Nam Kim

❖ ZINMAG® - TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE

ƯU ĐIỂM NỔI BẬT

BỀN HƠN GẤP 5 LẦN TÔN KẼM

So với tôn kẽm cùng độ mạ thử phun sương muối

DÙNG ĐƯỢC MÔI TRƯỜNG C5

Như môi trường biển, chăn nuôi, công nghiệp

KHẢ NĂNG TỰ TRÁM MÉP CẮT

Chống chảy tràn ăn mòn biên, vết xước bề mặt sau một thời gian sử dụng

HẠN CHẾ MỐC TRẮNG HIỆU QUẢ

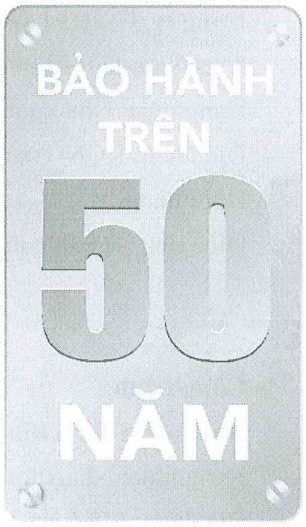
So với tôn kẽm, lạnh

GIẢM TRẦY XƯỚC BỀ MẶT GIA CÔNG

Lớp mạ độ cứng cao hơn tôn lạnh, tôn kẽm

GIẢM CHI PHÍ ĐẦU TƯ, BẢO TRÌ VÀ THAY THẾ

Tuổi thọ cao hơn, giảm chi phí đầu tư, bảo trì, thay thế



❖ ỐNG THÉP MẠ KẼM

Tiêu chuẩn sản xuất: ASTM A500/A500M
Coating Z80 – Z275

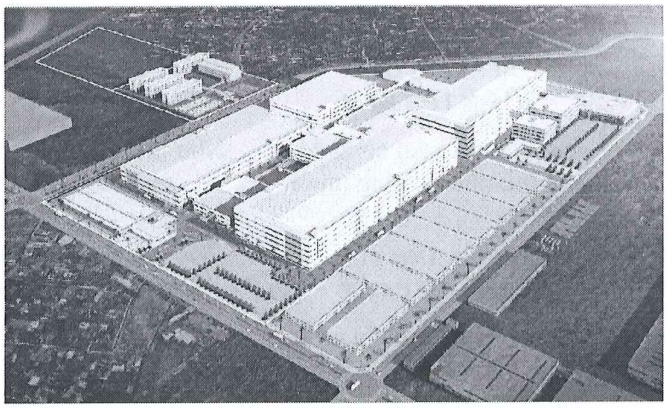
Hình 21. Sản phẩm ống thép mạ kẽm của Tôn Nam Kim



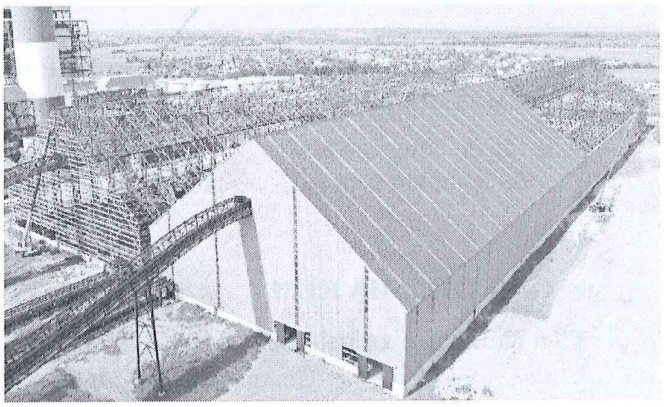
Nguồn: Tôn Nam Kim

Hình 22. Một số dự án tiêu biểu sử dụng sản phẩm của Tôn Nam Kim

❖ **Công trình:**
Công ty TNHH LG Display Việt Nam Hải Phòng
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: KCN Tràng Duệ, Hải Phòng.
Diện tích: 160.000 m²



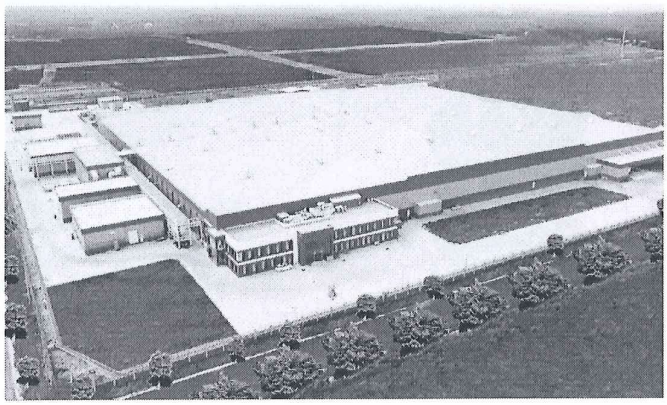
❖ **Công trình:**
Nhiệt điện Thái Bình 2
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: Mỹ Lộc, Thái Thụy, Thái Bình
Diện tích: 45.000 m²



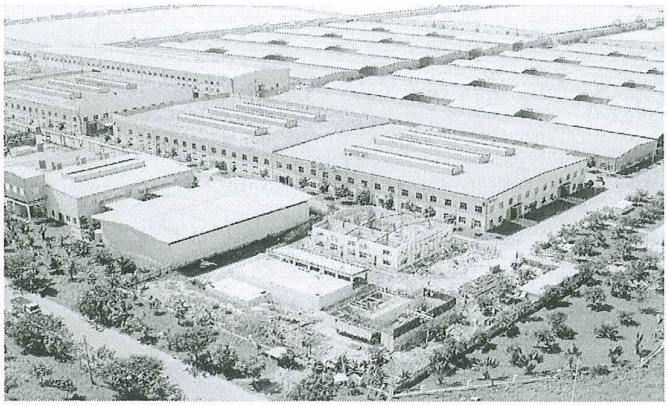
❖ **Công trình:**
Trang trại bò Thagrico
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: Gia Lai
Diện tích: 200.000 m²



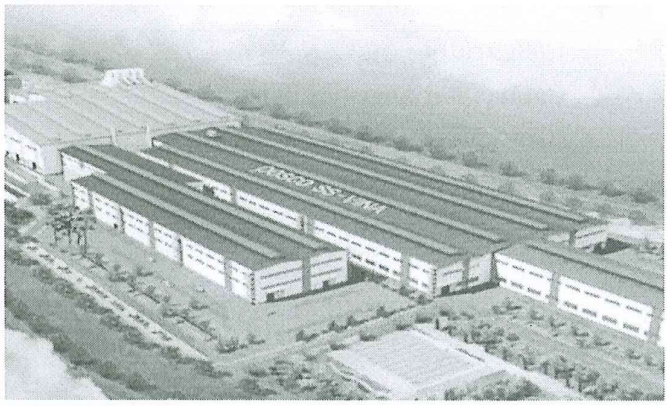
❖ **Công trình:**
Nhà máy Hygiene Công ty Hayat Kimya Việt Nam
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: Bình Phước
Diện tích: 49.300 m²



❖ **Công trình:**
Nhà máy sản xuất sợi màu Brotex
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: KCN Phước Đông, Gò Dầu, Tây Ninh
Diện tích: 1.100.000 m²



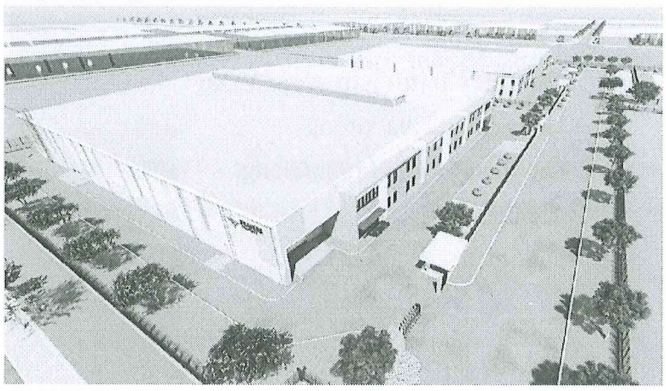
❖ **Công trình:**
Nhà máy Thép Posco SS-Vina
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: KCN Phú Mỹ II, Bà Rịa - Vũng Tàu
Diện tích: 488.800 m²



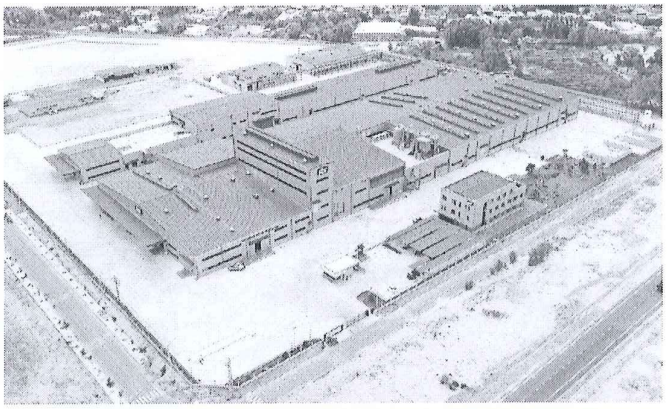
❖ **Công trình:**
Nhà máy MPF Việt Nam
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: KCN Bàu Bàng, Bình Dương
Diện tích: 45.000 m²



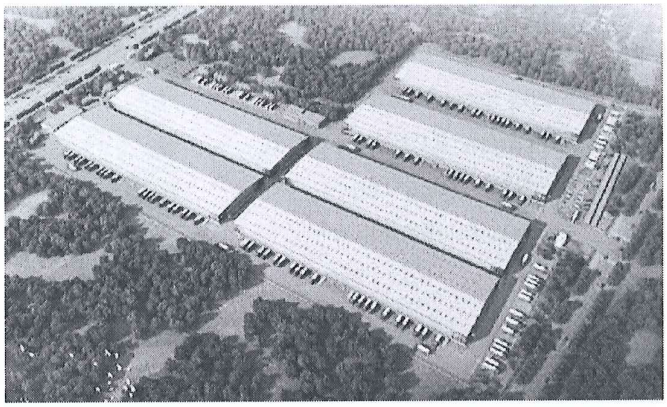
❖ **Công trình:**
Frasers Property Việt Nam
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: KCN BDIP, Bình Dương
Diện tích: 43.500 m²



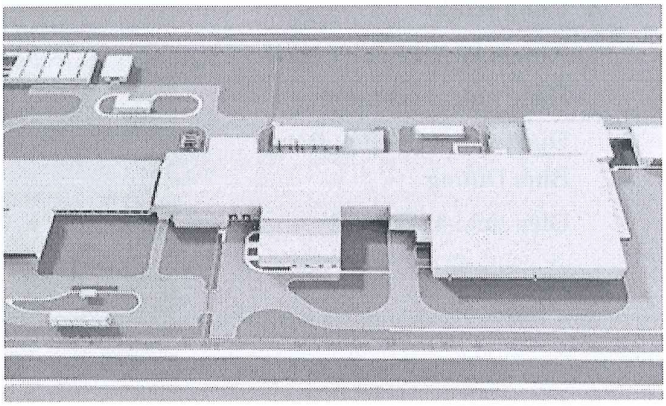
❖ **Công trình:**
Nhà máy sơn KCC - Đồng Nai
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: KCN Nhơn Trạch 6, Đồng Nai
Diện tích: 80.000 m²



❖ **Công trình:**
Cainiao Pat Logistics Park
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: KCN Phú An Thạnh, Bến Lức, Long An
Diện tích: 110.000 m²



❖ **Công trình:**
Nhà máy chế biến thịt mát Meat Deli Masan Long An
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: KCN Tân Đức, Đức Hòa, Long An
Diện tích: 60.000 m²



❖ **Công trình:**
Nhà máy bánh gạo Want Want
Hạng mục: Nhà xưởng
Địa điểm: KCN Long Giang, Tiền Giang
Diện tích: 75.000 m²



Nguồn: Tôn Nam Kim

10.1.2 Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành không có tính thời vụ cao do liên quan chặt chẽ đến nhu cầu thiết yếu của nền kinh tế và xã hội.

10.1.3 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Bảng 9. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp hợp nhất theo loại hình sản phẩm

Đơn vị: tỷ VND

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022		Năm 2023		9 tháng 2024	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Tôn mạ	18.177,70	78,79%	14.953,84	80,41%	14.029,87	86,93%
Ống thép	3.465,91	15,02%	2.278,86	12,25%	1.487,47	9,22%
Dịch vụ	2,51	0,01%	3,26	0,02%	0,32	0,002%
Khác	1.425,13	6,18%	1.360,01	7,31%	622,24	3,86%
TỔNG	**23.071,25**	**100%**	**18.595,97**	**100%**	**16.139,90**	**100%**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm 2022**		**Năm 2023**		**9 tháng 2024**	
	Lợi nhuận gộp	**Tỷ trọng**	**Lợi nhuận gộp**	**Tỷ trọng**	**Lợi nhuận gộp**	**Tỷ trọng**
Tôn mạ	1.528,15	103,18%	1.120,82	100,77%	1.572,82	102,74%
Ống thép	(94,17)	-6,36%	(30,78)	-2,77%	(54,14)	-3,54%
Dịch vụ	1,23	0,08%	2,06	0,19%	0,31	0,02%
Khác	46,15	3,12%	20,16	1,81%	11,94	0,78%
TỔNG	**1.481,36**	**100%**	**1.112,26**	**100%**	**1.530,94**	**100%**

Nguồn: Tôn Nam Kim

Doanh thu thuần hợp nhất tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 của Tôn Nam Kim đạt 18.595,97 tỷ đồng, giảm 19,4% so với cùng kỳ năm 2022. Trong năm 2023, mảng ống thép của Tôn Nam Kim chịu ảnh hưởng mạnh từ sự suy giảm của thị trường xây dựng khiến sản lượng ống thép giảm mạnh hơn so với dự đoán, giá tôn mạ cũng giảm theo xu hướng mà các doanh nghiệp đang đối mặt chung như hiện nay.

Bảng 10. Cấu trúc doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty mẹ

Đơn vị: tỷ VND

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022		Năm 2023		9 tháng 2024	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Tôn mạ	20.796,07	90,04%	16.022,49	87,03%	14.755,52	91,52%
Ống thép	890,85	3,86%	1.032,72	5,61%	753,54	4,67%
Dịch vụ	2,13	0,01%	2,51	0,01%	0,02	0.0001%
Khác	1.407,27	6,09%	1.351,74	7,34%	613,41	3,8%
TỔNG	**23.096,32**	**100%**	**18.409,46**	**100%**	**16.122,49**	**100%**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm 2022**		**Năm 2023**		**9 tháng 2024**	
	Lợi nhuận gộp	**Tỷ trọng**	**Lợi nhuận gộp**	**Tỷ trọng**	**Lợi nhuận gộp**	**Tỷ trọng**
Tôn mạ	1.435,02	92,42%	1.120,82	95,19%	1.572,82	103,64%
Ống thép	61,92	3,99%	31,31	2,66%	(68,36)	-4,5%
Dịch vụ	0,86	0,06%	1,31	0,11%	0,01	0,001%
Khác	54,85	3,53%	23,96	2,03%	13,15	0,87%
TỔNG	**1.552,65**	**100%**	**1.177,39**	**100%**	**1.517,62**	**100%**

Nguồn: Tôn Nam Kim

10.2 Tài sản

Bảng 11. Tình hình tài sản của Công ty (tại ngày 31/12/2022)

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	**4.661**	**2.077**	**4.927**	**2.264**
Nhà cửa vật kiến trúc	631	304	750	403
Máy móc, thiết bị	3.765	1.638	3.880	1.700
Phương tiện vận tải	249	128	279	154
Thiết bị quản lý	15	6	17	7
Tài sản cố định khác	1	0	1	0
Tài sản cố định vô hình	**223**	**184**	**330**	**283**
Quyền sử dụng đất	213	178	320	277
Nhãn hiệu, tên thương mại	-	-	-	-
Phần mềm, bản quyền	10	6	10	6

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của Tôn Nam Kim

Bảng 12. Tình hình tài sản của Công ty (tại 31/12/2023)

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	**4.745**	**1.821**	**5.012**	**1.989**
Nhà cửa vật kiến trúc	651	282	771	375
Máy móc, thiết bị	3.824	1.418	3.939	1.469
Phương tiện vận tải	254	116	285	140
Thiết bị quản lý	16	5	17	5
Tài sản cố định khác	1	0	1	0
Tài sản cố định vô hình	**284**	**236**	**391**	**332**
Quyền sử dụng đất	274	231	381	328
Nhãn hiệu, tên thương mại	-	-	-	-
Phần mềm, bản quyền	10	4	10	4

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Tôn Nam Kim

10.3 Thị trường hoạt động

Bảng 13. Thị trường hoạt động của Công ty

Đơn vị: tỷ VND

Diễn giải	2022		2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
DOANH THU				
Doanh thu nội địa	9.477	41,08%	7.556	40,63%
Doanh thu xuất khẩu	13.592	58,91%	11.036	59,35%
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3	0,01%	3	0,02%
Tổng cộng	**23.071**	**100%**	**18.596**	**100%**
LỢI NHUẬN GỘP				
Lợi nhuận gộp nội địa	155	10,49%	(32,50)	-2,92%
Lợi nhuận gộp xuất khẩu	1.325	89,42%	1.143	102,74%
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	1	0,08%	2	0,19%
Tổng cộng	**1.481**	**100%**	**1.112**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Tôn Nam Kim

Hiện nay, ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, Tôn Nam Kim còn xuất khẩu hơn 65 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Úc, Mỹ, Châu Âu, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông và Châu Phi. Thị trường Bắc Mỹ và EU hiện chiếm 70% sản lượng xuất khẩu của Công ty.

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Năm 2023, kinh tế Việt Nam đối diện với những rủi ro và ảnh hưởng từ cả trong và ngoài nước. Đối với các vấn đề trong nước, tỷ giá tăng cao và sự suy yếu của thị trường bất động sản đã khiến cho các doanh nghiệp trong nước đều sụt giảm đơn hàng. Với nền kinh tế thế giới cũng không phải là ngoại lệ khi lạm phát đã khiến lãi suất tăng cao kỷ lục, dẫn đến sức mua của các nền kinh tế lớn như EU, Nhật Bản, Úc,... sụt giảm đáng kể. Theo Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2023 ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm 2022. Riêng với ngành thép năm 2023, mặc dù khó khăn do ảnh hưởng của suy giảm nhu cầu thép vẫn tiếp tục diễn ra nhưng thời điểm khó khăn nhất đã qua. Giá thép tấm cuộn cán nóng ("HRC") đã hồi phục trong quý I/2023 lên mức USD 650/tấn và giúp các công ty thép có thể giảm trích lập dự phòng trong quý II/2023. Các quý tiếp theo giá HRC tương đối ổn định quanh mức USD 550/tấn, các công ty ngành thép – tôn mạ đã hoạt động có lợi nhuận trở lại từ quý II/2023, nhưng biên lợi nhuận vẫn ở mức rất mỏng do tình trạng dư cung của ngành thép nội địa. Cho đến hết năm 2023, sản xuất thép thành phẩm đạt 27,76 triệu tấn, giảm 5% so với năm 2022. Bán hàng thép thành phẩm đạt gần 26,3 triệu tấn, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 8 triệu tấn, tăng 29% so với năm trước.

Riêng mảng tôn mạ năm 2023 cũng đã có những dấu hiệu phục hồi nhẹ đầu tiên với sản lượng sản xuất 4,6 triệu tấn, tăng 1,4% so với năm 2022. Bán hàng năm 2023 đạt 4,27 triệu tấn, tăng 2% so với năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt gần 2,2 triệu tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Năm 2024, Công ty nhận định ngành thép tiếp tục hồi phục nhưng mức tăng vẫn sẽ rất khiêm tốn, đặc biệt trong bối cảnh Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) vẫn đang duy trì nền lãi suất cao. Do đó, Công ty đánh giá chiến lược kinh doanh năm 2024 ngoài gia tăng lợi nhuận, việc củng cố thị trường cũng như mở rộng các đối tác mới sẽ là yếu tố then chốt trong hoạch định tương lai dài hạn của Tôn Nam Kim.

(i) Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh

Năm 2023, ngành thép Việt Nam đối diện với nhiều khó khăn, đặc biệt là áp lực cạnh tranh từ các đối thủ nước ngoài. Trong năm này, Tôn Nam Kim tiêu thụ tổng cộng 722.516 tấn sản phẩm tôn mạ và 138.712 tấn ống thép các loại. Công ty không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trong ngành. Đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến đến từ Hàn Quốc, Đài Loan, Đức và các nước Châu Âu nhằm nâng cao năng suất.

So với 2022, sản lượng bán hàng mảng tôn mạ tăng 2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, mảng ống thép chịu ảnh hưởng từ thị trường bất động sản trong nước suy giảm, dẫn đến sản lượng tiêu thụ năm 2023 giảm 18% so với cùng kỳ. Tôn Nam Kim chủ trương theo sát và tiết giảm chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp năm 2023 xuống mức 739 tỷ đồng (-47% so với cùng kỳ). Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế của Tôn Nam Kim năm 2023 đã đạt 177 tỷ (so với âm 106 tỷ trong năm 2022), dù chỉ đạt 44% so với kế hoạch nhưng là mức rất đáng khích lệ trong bối cảnh hiện nay. Công ty vẫn tiếp tục một bảng cân đối kế toán lành mạnh khi không có nợ dài hạn, các chỉ số an toàn về vốn đều tăng cao, đặc biệt đã giảm thời gian thu tiền mặt từ 98 ngày trong năm 2022 xuống 87 ngày trong năm 2023.

(ii) Đánh giá hiệu quả bán hàng

Với mục tiêu tối ưu hiệu quả kinh doanh, giữ vững và phát triển thị phần, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau đối với hoạt động bán hàng:

- Thường xuyên nghiên cứu thị trường để nắm bắt kịp thời nhu cầu của khách hàng.
- Liên tục cập nhật những biến động của thị trường để nhanh chóng đưa ra kế hoạch.
- Đáp ứng được yêu cầu về nguồn gốc nguyên vật liệu khi xuất khẩu, với nguồn nguyên vật liệu sản xuất mua từ Formosa và Nippon Steel (đây đang là ưu thế của Công ty).
- Tiếp tục tìm tòi, nghiên cứu để đưa ra thị trường những sản phẩm mới đạt chất lượng cao với mẫu mã bắt mắt.
- Đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu các sản phẩm của Tôn Nam Kim, tìm kiếm khách hàng mới ở cả thị trường quốc tế lẫn nội địa.
- Năm 2023, Tôn Nam Kim thành công trong việc đưa sản phẩm Zinmag xuất khẩu vào thị trường Châu Úc, tạo tiền đề để xuất khẩu vào các thị trường khó tính khác như Châu Âu hay Bắc Mỹ.

10.5 Các hợp đồng lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Trong năm 2022, Công ty đã ký kết các hợp đồng lớn tiêu biểu bao gồm:

Bảng 14. Các hợp đồng lớn đã thực hiện năm 2022 (*)

STT	Tên đối tác	Nội dung hợp đồng	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ
I	**HỢP ĐỒNG BÁN HÀNG/ MUA HÀNG TRONG NƯỚC**				*(Đơn vị tính: Triệu VND)*	
1	Công ty CP Trung tâm Gia công Posco Việt Nam	Hợp đồng bán hàng số: 1441/2022/HĐ-KDNĐ	14.12.2022	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	63.004	Sản phẩm đầu ra: Tôn lạnh
2	Công ty TNHH Nhà Thép PEB	Hợp đồng bán hàng số: 569C/2022/HĐ-KDNĐ	26.01.2022	Từ ngày ký kết đến 31.12.2022	24.216	Sản phẩm đầu ra: Băng kẽm
3	Công ty TNHH XNK Vật tư và Kim khí Sài Gòn	Hợp đồng bán hàng số: 608/2022/HĐ-KDNĐ	17.02.2022	Từ ngày ký kết đến 31.12.2022	15.365	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
4	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	Hợp đồng mua hàng số: 36.2022/HPDQ-NK (Bảng XN: 188.2022/HPDQ-NK)	31.12.2021	Từ ngày ký kết đến 31.12.2022	99.000	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
5	Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Hợp đồng mua hàng số: 2H40100	04.05.2022	Từ ngày ký kết đến 31.12.2022	307.955	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
6	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	Hợp đồng mua hàng số: 36.2022/HPDQ-NK (Bảng XN: 01-151.2022/HPDQ-NK)	31.12.2021	Từ ngày ký kết đến 31.12.2022	116.138	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng

STT	Tên đối tác	Nội dung hợp đồng	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ
II	**HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU/ NHẬP KHẨU**				***(Đơn vị tính: USD)***	
1	Duferco Sa	Hợp đồng bán hàng số: BEDF141222/75	14.12.2022	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	3.480.250	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
2	Davro Steel Ltd	Hợp đồng bán hàng số: GBDVS120322/09	12.03.2022	Từ ngày ký kết đến 31.12.2022	3.243.100	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
3	Duferco Sa	Hợp đồng bán hàng số: GBDF040822/63	04.08.2022	Từ ngày ký kết đến 31.12.2022	7.043.560	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
4	Nippon Steel Trading Corporation	Hợp đồng mua hàng số: AHR1958	08.08.2022	Từ ngày ký kết đến 31.12.2022	15.089.900	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
5	Young Poong Corporation Sukpu Zinc Refinery	Hợp đồng mua hàng số: NAMKIM-YP-010622	01.06.2022	Từ ngày ký kết đến 31.12.2022	3.980.600	Sản phẩm đầu vào: Kẽm thỏi
6	Nippon Steel Trading Corporation	Hợp đồng mua hàng số: AHR1930	28.01.2022	Từ ngày ký kết đến 31.12.2022	11.387.000	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng

Nguồn: Tôn Nam Kim

(*) Ghi chú:

1. Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn: Không có.
2. Thông tin các hợp đồng lớn đã được ký kết trong năm 2022 và chưa thực hiện: Không có.
3. Đối tác tham gia khác: Không có.
4. Các điều khoản quan trọng khác trong các hợp đồng: Không có.
5. Sản phẩm đầu vào: Đối tác cung cấp sản phẩm cho Công ty.
6. Sản phẩm đầu ra: Công ty cung cấp sản phẩm cho đối tác.

Trong năm 2023, Công ty đã ký kết các hợp đồng lớn tiêu biểu bao gồm:

Bảng 15. Các hợp đồng lớn đã thực hiện năm 2023 (**)

STT	Tên đối tác	Nội dung hợp đồng	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ
I	**HỢP ĐỒNG BÁN HÀNG / MUA HÀNG TRONG NƯỚC**				*(Đơn vị tính: Triệu VND)*	
1	Công ty CP Trung tâm Gia công Posco Việt Nam	Hợp đồng bán hàng số: 476/2023/HĐ-KDNĐ	08.02.2023	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	79.905	Sản phẩm đầu ra: Tôn lạnh
2	Công ty CP Trung tâm Gia công Posco Việt Nam	Hợp đồng bán hàng số: 563/2023/HĐ-KDNĐ	09.03.2023	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	47.428	Sản phẩm đầu ra: Tôn lạnh
3	Công ty TNHH Ngọc Dần	Hợp đồng bán hàng số: 1369E/2023/HĐ-KDNĐ	20.11.2023	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	15.340	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
4	Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Hợp đồng mua hàng số: 3H30005	02.03.2023	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	191.920	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
5	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	Hợp đồng mua hàng số: 38.2023/HPDQ-NK (Bảng XN: 180.2023/HPDQ-NK)	01.01.2023	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	230.175	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
6	Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Hợp đồng mua hàng số: 3HA0032	07.11.2023	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	136,721	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng

STT	Tên đối tác	Nội dung hợp đồng	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ
II	**HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU/ NHẬP KHẨU**				***(Đơn vị tính: USD)***	
1	Aceros Y Overollings	Hợp đồng bán hàng số: MXAOM181123/54	18.11.2023	Từ ngày ký kết đến 30.06.2024	10.928.500	Sản phẩm đầu ra: Tôn lạnh
2	Network Steel	Hợp đồng bán hàng số: BENSSA290423/20	29.04.2023	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	1.082.000	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
3	Gonvarri	Hợp đồng bán hàng số: ESGON140623/23	14.06.2023	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	1.496.980	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
4	JFE Shoji Corporation	Hợp đồng mua hàng số: C30420972	24.03.2023	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	6.928.860	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
5	Xiangyu (Singapore) Pte Ltd	Hợp đồng mua hàng số: NAM-XY-2023-001	10.02.2023	Từ ngày ký kết đến 31.12.2023	3.075.000	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
6	Young Poong Corporation Sukpu Zinc Refinery	Hợp đồng mua hàng số NAMKIM-YP-231228	28.12.2023	Từ ngày ký kết đến 31.03.2024	3.042.996	Sản phẩm đầu vào: Kẽm thỏi

Nguồn: Tôn Nam Kim

(**) Ghi chú:

1. Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn: Không có.
2. Thông tin các hợp đồng lớn đã được ký kết trong năm 2023 và chưa thực hiện: Không có.
3. Đối tác tham gia khác: Không có.
4. Các điều khoản quan trọng khác trong các hợp đồng: Không có.
5. Sản phẩm đầu vào: Đối tác cung cấp sản phẩm cho Công ty
6. Sản phẩm đầu ra: Công ty cung cấp sản phẩm cho đối tác.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Công ty đã ký kết các hợp đồng lớn tiêu biểu bao gồm:

Bảng 16. Các hợp đồng lớn đã thực hiện trong 9 tháng đầu năm 2024 (***)

STT	Tên đối tác	Nội dung hợp đồng	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ
I	**HỢP ĐỒNG BÁN HÀNG / MUA HÀNG TRONG NƯỚC**				***(Đơn vị tính: Triệu VND)***	
1	Công ty TNHH Thép Bình Phát	Hợp đồng bán hàng số: 876/2024/HĐ-KDND	18.06.2024	Từ ngày ký kết đến 31.07.2024	36.469	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
2	Công ty CP Trung tâm Gia công Posco Việt Nam – CN Hải Phòng	Hợp đồng bán hàng số: 684B/2024/HĐ-KDND	07.05.2024	Từ ngày ký kết đến 31.07.2024	84.186	Sản phẩm đầu ra: Tôn lạnh
3	Công ty Cổ phần Systeel Vina	Hợp đồng bán hàng số: 207C/2024/HĐ-KDND	08.02.2024	Từ ngày ký kết đến 31.03.2024	12.682	Sản phẩm đầu ra: Tôn lạnh
4	Marubeni - Itochu Steel Vietnam Co., Ltd - Ho Chi Minh branch	Hợp đồng bán hàng số: 1283C/2024/HĐ-KDND	09.08.2024	Từ ngày ký kết đến 10.10.2024	15.300	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
5	Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Hợp đồng mua hàng số: 4H50109	04.06.2024	Từ ngày ký kết đến 31.07.2024	217.161	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
6	Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Hợp đồng mua hàng số: 4H10047	04.03.2024	Từ ngày ký kết đến 31.03.2024	105.065	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
7	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	Hợp đồng mua hàng số: 56.2024/HPDQ-NK (Bảng XN: 93.T06.2024/HPDQ-NK)	30.05.2024	Từ ngày ký kết đến 31.08.2024	315.700	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
8	Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Hợp đồng mua hàng số: 4H70091	03.08.2024	Từ ngày ký kết đến 30.09.2024	153.658	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng

STT	Tên đối tác	Nội dung hợp đồng	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ
II	**HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU/ NHẬP KHẨU**				***(Đơn vị tính: USD)***	
1	Carl Spaeter	Hợp đồng bán hàng số: BECST270124/09	27.01.2024	Từ ngày ký kết đến 31.03.2024	4.434.260	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
2	Gonvarri	Hợp đồng bán hàng số: PTGON070624/20	07.06.2024	Từ ngày ký kết đến 15.08.2024	2.594.072	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
3	Steel & Alloy	Hợp đồng bán hàng số: UKSAP290324/24	29.03.2024	Từ ngày ký kết đến 30.06.2024	2.191.525	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
4	Almacenadora	Hợp đồng bán hàng số: MXAAS170424/01	17.04.2024	Từ ngày ký kết đến 30.06.2024	1.879.600	Sản phẩm đầu ra: Tôn lạnh
5	Arcelormittal	Hợp đồng bán hàng số : PLAIL250724/17	25.07.2024	Từ ngày ký kết đến 16.09.2024	2.095.680	Sản phẩm đầu ra: Tôn kẽm
6	Nippon Steel Trading Corporation	Hợp đồng mua hàng số: AHR1087	14.06.2024	Từ ngày ký kết đến 31.08.2024	11.472.250	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
7	Sharpmax International (Hong Kong) Co., Ltd	Hợp đồng mua hàng số: 24YD0002	02.01.2024	Từ ngày ký kết đến 31.03.2024	6.120.000	Sản phẩm đầu vào: Thép cán nóng
8	Young Poong Corporation Sukpo Zinc Refinery	Hợp đồng mua hàng số: NAMKIM-YP-240501	01.05.2024	Từ ngày ký kết đến 30.06.2024	4.440.600	Sản phẩm đầu vào: Kẽm thỏi

Nguồn: Tôn Nam Kim

(***) Ghi chú:

1. Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn: Không có.
2. Thông tin các hợp đồng lớn đã được ký kết trong 9 tháng đầu 2024 và chưa thực hiện: Không có.
3. Đối tác tham gia khác: Không có.
4. Các điều khoản quan trọng khác trong các hợp đồng: Không có.
5. Sản phẩm đầu vào: Đối tác cung cấp sản phẩm cho Công ty.
6. Sản phẩm đầu ra: Công ty cung cấp sản phẩm cho đối tác.

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Danh sách khách hàng và nhà cung cấp lớn của Công ty trong năm 2022 như sau:

Bảng 17. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn đã ký kết trong năm 2022 (*)

STT	Tên đối tác	Sản phẩm dịch vụ	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị giao dịch/ Doanh thu, Doanh số mua hàng
I	**KHÁCH HÀNG TRONG NƯỚC (Triệu VND/Năm)**				
1	Công ty TNHH TM - DV - XD Phú Mỹ	Tôn thép các loại	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	1%
2	Công ty TNHH Tôn Thép KOKORO	Tôn thép các loại	Từ ngày 28.12.2021 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	4%
3	Công ty TNHH Thép Hạnh Hiếu	Tôn thép các loại	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	2%
II	**KHÁCH HÀNG NƯỚC NGOÀI (USD/Năm)**				
1	Duferco Sa	Tôn thép các loại	Từ ngày 20.01.2021 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	3%
2	Aceros Y Overollings	Tôn thép các loại	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	3%
3	Ivancore	Tôn thép các loại	Từ ngày 20.10.2021 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	2%

STT	Tên đối tác	Sản phẩm dịch vụ	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị giao dịch/ Doanh thu, Doanh số mua hàng
III	**NHÀ CUNG CẤP TRONG NƯỚC (Triệu VND/Năm)**				
1	Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	Sơn	Từ ngày 03.11.2021 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	1%
2	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	Thép cán nóng	Từ ngày 24.09.2021 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	4%
IV	**NHÀ CUNG CẤP NƯỚC NGOÀI (USD/Năm)**				
1	Young Poong Corporation Sukpu Zinc Refinery	Kẽm thỏi	Từ ngày 28.09.2021 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	4%
2	Nippon Steel Trading Corporation	Thép cán nóng	Từ ngày 01.09.2021 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	2%
3	Nippon Steel Trading Corporation	Thép cán nóng	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	4%
4	Win Faith Trading Limited	Thép cán nóng	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2022 đến 31.12.2022	13%

Nguồn: Tôn Nam Kim

(*) Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn: Không có.

Danh sách khách hàng và nhà cung cấp lớn của Công ty trong năm 2023 như sau:

Bảng 18. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn đã ký kết trong năm 2023 (**)

STT	Tên đối tác	Sản phẩm dịch vụ	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị giao dịch/ Doanh thu, Doanh số mua hàng
I	**KHÁCH HÀNG TRONG NƯỚC (Triệu VND/Năm)**				
1	Công ty TNHH Thép Hạnh Hiếu	Tôn thép các loại	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	2%
2	Công ty TNHH Tôn Thép KOKORO	Tôn thép các loại	Từ ngày 04.12.2022 đến 31.12.2023	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	5%
3	Công ty TNHH SX TM DV Sắt Thép Thiên Kim	Tôn thép các loại	Từ ngày 31.12.2022 đến 31.12.2023	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	1%
II	**KHÁCH HÀNG NƯỚC NGOÀI (USD/Năm)**				
1	Aceros Y Overollings	Tôn thép các loại	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	4%
2	Australian Steel	Tôn thép các loại	Từ ngày 14.09.2022 đến 31.12.2023	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	4%
3	Duferco Sa	Tôn thép các loại	Từ ngày 24.11.2022 đến 31.12.2023	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	4%

STT	Tên đối tác	Sản phẩm dịch vụ	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị giao dịch/ Doanh thu, Doanh số mua hàng
III	**NHÀ CUNG CẤP TRONG NƯỚC (Triệu VND/Năm)**				
1	Công ty TNHH KCC (Việt Nam)	Sơn	Từ ngày 14.10.2022 đến 31.12.2022	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2022	1%
2	Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Thép cán nóng	Từ ngày 01.12.2022 đến 31.12.2023	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	20%
3	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	Thép cán nóng	Từ ngày 01.12.2022 đến 31.12.2023	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	8%
IV	**NHÀ CUNG CẤP NƯỚC NGOÀI (USD/Năm)**				
1	Nippon Steel Trading Corporation	Thép cán nóng	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	4%
2	Young Poong Corporation Sukpo Zinc Refinery	Kẽm	Từ ngày 04.11.2022 đến 31.12.2023	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	4%
3	Win Faith Trading Limited	Thép cán nóng	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	Từ ngày 01.01.2023 đến 31.12.2023	1%

Nguồn: Tôn Nam Kim

(**) Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Cổ đông lớn: Không có.

Danh sách khách hàng và nhà cung cấp lớn của Công ty trong 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

Bảng 19. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn đã ký kết hợp đồng trong 9 tháng đầu năm 2024 (***)

STT	Tên đối tác	Sản phẩm dịch vụ	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị giao dịch/ Doanh thu, Doanh số mua hàng
I	**KHÁCH HÀNG TRONG NƯỚC (Triệu VND/Năm)**				
1	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Huyền	Tôn thép các loại	Từ ngày 23.08.2023 đến 30.09.2024	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	1%
2	Công ty TNHH Thép Hạnh Hiếu	Tôn thép các loại	Từ ngày 07.10.2023 đến 30.09.2024pp	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	1%
3	Công ty TNHH Tôn Thép KOKORO	Tôn thép các loại	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	3%
II	**KHÁCH HÀNG NƯỚC NGOÀI (USD/Năm)**				
1	Aceros Y Overollings	Tôn thép các loại	Từ ngày 18.11.2023 đến 30.09.2024	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	6%
2	Australian Steel	Tôn thép các loại	Từ ngày 01.08.2023 đến 30.09.2024	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	3%
3	USP Holdings	Tôn thép các loại	Từ ngày 27.09.2023 đến 30.09.2024	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	5%

STT	Tên đối tác	Sản phẩm dịch vụ	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị giao dịch/ Doanh thu, Doanh số mua hàng
III	**NHÀ CUNG CẤP TRONG NƯỚC (Triệu VND/Năm)**				
1	Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Thép cán nóng	Từ ngày 04.11.2023 đến 30.09.2024	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	29%
2	Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	Sơn	Từ ngày 27.11.2023 đến 30.09.2024	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	1%
3	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	Thép cán nóng	Từ ngày 28.11.2023 đến 30.09.2024	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	17%
IV	**NHÀ CUNG CẤP NƯỚC NGOÀI (USD/Năm)**				
1	Young Poong Corporation Sukpo Zinc Refinery	Kẽm	Từ ngày 27.11.2023 đến 30.09.2024	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	8%
2	Win Faith Trading Limited	Thép cán nóng	Từ ngày 20.11.2023 đến 30.09.2024	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	4%
3	Sharpmax International (Hong Kong) Co., Ltd	Thép cán nóng	Từ ngày 13.12.2023 đến 30.09.2024	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.09.2024	14%

Nguồn: Tôn Nam Kim

(***) Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Cổ đông lớn: Không có.

10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

10.7.1 Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ **Thương hiệu đã được ghi nhận và đánh giá cao**

Với ngành tôn mạ ở Việt Nam, vốn đang dư thừa công suất, công tác bán hàng là yếu tố sống còn của doanh nghiệp. Trong giai đoạn vừa qua, hoạt động xuất khẩu thuận lợi nhưng cũng đang gặp vấn đề lớn về mặt nhu cầu khi các nước trên thế giới đều cắt giảm mạnh chi tiêu. Công ty đánh giá đây là khó khăn chung toàn cầu và chủ động xây dựng chiến lược cạnh tranh dựa trên ba trụ cột như sau: (1) cạnh tranh bằng sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm; (2) cạnh tranh bằng sự hài lòng của khách hàng; (3) cạnh tranh bằng mức giá hấp dẫn.

Lấy đòn bẩy từ thương hiệu Tôn Nam Kim có lịch sử hơn 20 năm, là thương hiệu quốc gia với chất lượng sản phẩm được khẳng định ở nhiều thị trường như Mỹ, Nhật, EU, Indonesia, Mexico..., Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu gia tăng chất lượng sản phẩm để tạo ra giá trị vượt trội cho khách hàng. Bằng chứng là trong năm 2023, thị phần tôn mạ của Tôn Nam Kim vẫn duy trì trong Top 3 toàn ngành, đạt 16.9%, bằng với cùng kỳ năm 2022. Đối với mảng ống thép, thị phần gia tăng từ 6.4% trong năm 2022 lên 6.5% trong năm 2023 [9].

❖ **Lợi thế về mạng lưới phân phối và tiêu thụ sản xuất**

Hiện nay, sản phẩm của Công ty được tin dùng tại cả thị trường nội địa và xuất khẩu đến hơn 65 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Úc, Châu Âu và Mỹ, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông, Châu Phi. Ngoài ra, Công ty còn hợp tác với các tập đoàn, công ty cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu uy tín hàng đầu thế giới như SMS Group (CHLB Đức), Drever International (Bỉ), Nippon Steel (Nhật Bản),... Công ty đã xây dựng được mối quan hệ lâu năm với nhiều khách hàng lớn trong nước và quốc tế, đồng thời cung cấp các sản phẩm tôn thép chất lượng cao cho các công trình trên toàn quốc.

Hình 23. Tôn Nam Kim xuất khẩu những lô hàng tôn ZINMAG® đầu tiên sang thị trường Úc và Châu Âu



Nguồn: Tôn Nam Kim

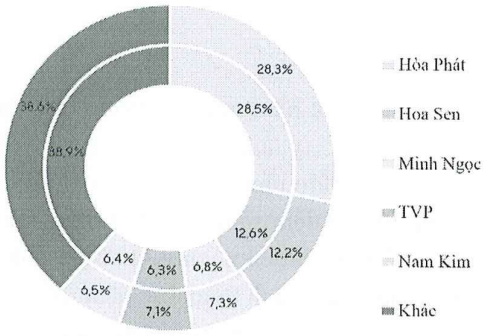
[9] Hiệp hội Thép Việt Nam, năm 2022 và 2023.

❖ **Đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm và nguồn hỗ trợ tài chính mạnh**

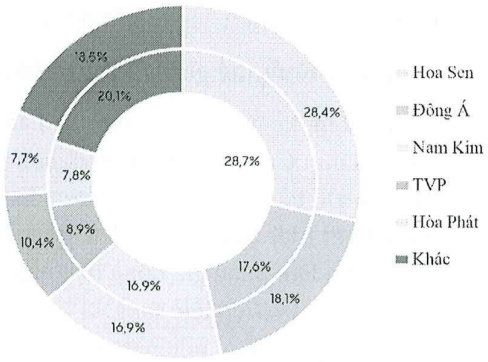
Công ty sở hữu đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm và nguồn hỗ trợ tài chính mạnh mẽ. Với sự lãnh đạo của các nhà quản lý có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp thép và tài chính, Tôn Nam Kim đã tạo dựng một đội ngũ quản lý đáng tin cậy và hiệu quả. Sự tập trung vào chiến lược dài hạn và khả năng đa dạng hóa về nguồn vốn đã giúp Công ty xây dựng một nền tảng tài chính vững chắc, tự tin đối mặt với thách thức từ môi trường kinh doanh biến đổi liên tục. Điều này cũng giúp Công ty nắm bắt được các cơ hội mới và tối ưu hóa hiệu suất kinh doanh, từ đó mang lại giá trị lâu dài cho cả cổ đông và cộng đồng đầu tư.

❖ **Thị phần của Tôn Nam Kim trong ngành**

Hình 24. So sánh thị phần mảng ống thép Việt Nam năm 2022 – 2023



Hình 25. So sánh thị phần mảng tôn mạ Việt Nam năm 2022 - 2023



Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam/ Vòng trong năm 2022, Vòng ngoài năm 2023

10.7.2 Triển vọng phát triển của ngành

❖ **Thị trường nội địa**

Năm 2023, thị trường thép Việt Nam suy giảm do suy thoái kinh tế và thị trường bất động sản đóng băng. Theo thống kê của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), ước tính sản lượng thép thô và thép thành phẩm trong năm 2023 lần lượt là 19 triệu tấn và 27 triệu tấn, giảm 5,4% và 8% so với cùng kỳ năm 2022. Bên cạnh đó, sản lượng thép xây dựng và thép cán nguội cũng giảm mạnh, lần lượt là 10,6 triệu tấn và 3,3 triệu tấn, giảm 12,2% và 15% so với cùng kỳ năm trước.

Điểm sáng phát triển cho ngành thép nội địa nằm ở việc cơ chế bất động sản đã dần được tháo gỡ, đặc biệt Luật Đất đai sửa đổi đã được thông qua vào tháng 11/2023. Dự báo về thị trường bất động sản 2024, khoảng 20 cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ thị trường bất động sản đã được ban hành trong năm 2023 sẽ có độ ngấm và phát huy tác động tích cực tới thị trường bất động sản trong năm 2024, qua đó trực tiếp thúc đẩy tiêu thụ sản lượng thép.

Ngoài ra, kỳ vọng phục hồi cho ngành thép Việt Nam đến từ đầu tư công và FDI. Theo Công văn số 14447/BTC-ĐT ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính Phủ, ước tính cho đến ngày 31/12/2023, giải ngân đầu tư công đạt 579.848,8 tỷ đồng, đạt 73,5% kế hoạch (~81,87% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao), trong khi cùng kỳ năm 2022 chỉ đạt 67,27% kế hoạch (~75,11% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Rất nhiều các dự án trọng điểm về

hạ tầng và cao tốc liên tục được khởi công, qua đó đã giúp cải thiện mạnh sản lượng tiêu thụ thép của Việt Nam trong quý IV/2023. Việc các hạ tầng quan trọng tiếp tục được xây dựng ngoài ý nghĩa thúc đẩy đầu tư cũng sẽ hình thành nên các quỹ đất mới, trực tiếp giúp ngành bất động sản vượt qua khó khăn nhanh hơn, đặc biệt tiêu biểu như Dự án Vành đai 3 của Thành phố Hồ Chí Minh, kiến trực tiếp tạo thêm 2.500 ha quỹ đất mới cho cả dân cư lẫn sản xuất công nghiệp.

Năm 2023, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt hơn 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với cùng kỳ. Đáng lưu ý, năm 2023 cũng ghi nhận mức vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài tăng 3,5% so với cùng kỳ, ước tính đạt hơn 23,1 tỷ USD, mức cao nhất từ trước đến nay. Đây là tín hiệu tích cực cho sự phục hồi khi các ngành đầu tư mới vào Việt Nam đã chú trọng hơn rất nhiều về chất lượng, trọng tâm thu hút cũng nằm ở các ngành nghề như điện tử, bán dẫn... vốn có đóng góp lớn hơn về thu nhập chung của xã hội so với các ngành nghề thu hút FDI truyền thống như dệt may, lắp ráp linh kiện.

❖ **Thị trường thế giới và xuất khẩu**

Theo thống kê của Worldsteel [10], năm 2023 tiếp tục là một năm mà sản lượng thép toàn cầu không tăng. Cụ thể, sản lượng ngành thép thế giới đạt 1,85 tỷ tấn, giảm 0,1% so với cùng kỳ. Trừ Ấn Độ và Nga, sản lượng của các nước sản xuất thép lớn nhất trên thế giới như Pháp, các nước khối EU, Nhật Bản... đều sụt giảm trong năm 2023. Điểm sáng lớn nhất trong năm 2023 đến từ Ấn Độ, quốc gia đông dân nhất trên thế giới. Ấn Độ được kỳ vọng sản lượng năm 2023 có thể đạt 138 triệu tấn, tăng 11% so với cùng kỳ, nhờ chính sách thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng khổng lồ. Tuy nhiên, trong vòng 5 năm tới, Ấn Độ cũng đồng thời tăng sản lượng thép nội địa lên thêm 20 – 30 triệu tấn, tạo sức ép dư cung lên bàn đồ thép toàn cầu. Sản lượng thép trên toàn cầu dự kiến trong năm 2024 sẽ hồi phục ở mức rất nhẹ, dưới 2% do áp lực từ thắt chặt chi tiêu và nền lãi suất cao trên toàn cầu vẫn còn hiện hữu.

Theo số liệu của Steel Radar [11], dự phòng lượng cung quặng sắt cung cấp năm 2023 đạt 2,2 tỷ tấn, tương đương với cùng kỳ năm 2022. Trong kế hoạch chung của các công ty sản xuất quặng sắt lớn trên thế giới, các công ty đều cố gắng không mở thêm mỏ mới nhằm giữ giá quặng sắt không rớt quá sâu dưới 100 USD/tấn và cố gắng kiểm soát mức tăng sản lượng quặng sắt ở mức thấp, từ 2% – 3% trong giai đoạn 2024 – 2027.

Tổng sản lượng khai thác dự kiến trong năm 2023 của ba nhà xuất khẩu quặng sắt lớn nhất thế giới là Tio Rio Tinto, Vale và FMG ước tính đạt 831 triệu tấn, tăng 2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên do nhu cầu thép trên thế giới không tăng mạnh nên giá dự phòng quặng sắt trong năm 2024 có thể tiếp tục hạ dần về mức 80 USD/tấn.

Riêng với than cốc, xu hướng giảm giá được dự báo sẽ tiếp tục duy trì không chỉ trong năm 2024 mà còn trong các thập kỷ tiếp theo. Nguyên nhân chính đến từ việc hiện nay các nước đều trong quá trình giảm phát thải CO_2 và cố gắng đánh thuế carbon. Theo khảo sát ở thị trường Châu Âu vào tháng 11/2023, giá 1 tấn phát thải carbon đã lên mức 92 EUR/tấn, cao gần gấp

[10] Hiệp hội Thép Việt Nam, Tháng 01/2024, *"https://vsa.com.vn/tong-quan-thi-truong-thep-toan-cau-thang-12-2023/"*

[11] Hiệp hội Thép Việt Nam, Tháng 01/2024, *"https://vsa.com.vn/tong-quan-thi-truong-thep-toan-cau-thang-12-2023/"*

đôi so với năm 2022. Đồng thời, từ năm 2026, EU sẽ chính thức áp thuế carbon lên các sản phẩm nhập khẩu ngoài EU, dẫn đến xu hướng giảm sử dụng than trên toàn cầu. Hiện nay giá than luyện cốc đã giảm về mức 200 USD/tấn, giảm 60% so với đỉnh năm 2022.

Đối với HRC, giá toàn cầu cũng được dự báo sẽ tiếp tục giảm trong năm 2024, do ảnh hưởng của cuộc suy thoái bất động sản ở Trung Quốc. Tỷ lệ hoạt động/công suất thiết kế các nhà máy ở Trung Quốc tiếp tục duy trì quanh mức 81 – 82%. Ngoài ra, dưới áp lực của các khoản thuế carbon, chi phí nhân công tăng cao đã khiến cho các nhà sản xuất hầu như bán hàng dưới giá vốn. Theo ước tính của S&P Global, trên mỗi tấn HRC sản xuất ra trong năm 2023, các nhà sản xuất thép Trung Quốc lỗ từ USD 25 – 30/tấn. Qua đó, giá HRC tiếp tục bị giảm mạnh và khó có thể đảo ngược xu hướng trong ngắn hạn trong bối cảnh các nhà sản xuất Trung Quốc có khả năng huy động thêm ít nhất 10% - 15% sản lượng HRC hiện tại.

10.7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

❖ **Chiến lược phát triển**

Tôn Nam Kim luôn tập trung vào phương châm "Cải tiến và đổi mới không ngừng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp", đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cùng với chính sách chăm sóc chu đáo và giá cả cạnh tranh. Ngoài ra, không ngừng tích lũy, nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, đổi mới năng lực quản lý, mô hình kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm theo chuẩn quốc tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Thông qua đó, giữ vững vị trí là một trong ba đơn vị đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc, với mục tiêu đạt và duy trì ở mức trên 20%.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng ngành và xu thế thế giới**

Năm 2023 đánh dấu một năm cực kỳ trầm lắng của nền kinh tế. Việc lãi suất tăng cao trên toàn cầu đã khiến nhu cầu tiêu dùng toàn cầu thắt chặt lại. Theo báo cáo của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), tổng giá trị thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu ước tính đạt 30,7 nghìn tỷ USD, giảm 5% trong năm 2023. Những cuộc biểu tình diễn ra khắp Châu Âu, chiến sự trên thế giới leo thang căng thẳng, bất động sản Trung Quốc trì trệ càng khiến cho chi tiêu trên toàn cầu giảm sút.

Tuy nhiên, bức tranh kinh tế Việt Nam đã chứng minh nội lực khi lạm phát năm 2023 ở mức 3,25%, tạo tiền đề cho NHNN giảm lãi suất ngay từ cuối quý I/2023 để hỗ trợ nền kinh tế. Ngành tôn mạ - ống thép, vốn có mối liên kết chặt chẽ với kinh tế cũng không nằm ngoài ngoại lệ. Quý I/2023 ghi nhận những gam màu xám của toàn ngành nhưng dần phục hồi tốt hơn từ quý II/2023 với động lực dẫn dắt từ thị trường xuất khẩu và đầu tư công ở thị trường nội địa. Đặc biệt, các nhà sản xuất tôn mạ Việt Nam đã tận dụng được khoảng trống ở thị trường Châu Âu khi lệnh cấm vận và chiến tranh đã hạn chế sản lượng của các nhà sản xuất Đông Âu.

Bước sang năm 2024, Công ty đánh giá đây là năm bản lề khi Tôn Nam Kim quyết định sẽ đi sâu vào chuỗi giá trị ngành thông qua dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ trong bối cảnh nhiều biến động khó lường sẽ xảy ra. Từ đó, trọng tâm của Tôn Nam Kim trong năm 2024 sẽ xoay quanh những định hướng sau:

- Tối ưu quy trình sản xuất, duy trì chất lượng ổn định và tiết giảm tối đa hao phí.

- Nghiên cứu phương án phù hợp, tối ưu nhất để đầu tư Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ.
- Nâng cao vị thế cạnh tranh ở thị trường nội địa, giữ vững mối liên kết hiện có ở thị trường xuất khẩu hiện hữu và mở rộng ra các thị trường mới.
- Nghiên cứu các sản phẩm từ hợp kim magie, kẽm... nghiên cứu thêm các sản phẩm phù hợp với thị hiếu và tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao tính cạnh tranh của Tôn Nam Kim trên thị trường xuất khẩu.
- Tiếp tục duy trì sự ổn định trong bộ máy tổ chức, đảm bảo an sinh cho CBCNV hoạt động sản xuất và kinh doanh phát triển theo mô hình kinh tế bền vững, tạo ra giá trị cho xã hội và cộng đồng.
- Kế hoạch sản xuất và kinh doanh tiếp tục bom sát với thực tiễn, duy trì sự an toàn trong cơ cấu tài chính; gia tăng nội lực, tạo tiền đề phát triển trong tương lai.

Các mục tiêu phát triển của Công ty được Ban lãnh đạo hoạch định nhằm theo sát nhất với các triển vọng ngành nghề mà Tôn Nam Kim đang tham gia đầu tư, phù hợp với chính sách và xu thế phát triển của nền kinh tế nói chung.

10.8 Hoạt động Marketing

Hoạt động Marketing của Công ty tập trung vào nghiên cứu nhu cầu thị trường và khách hàng nhằm hỗ trợ cho định hướng phát triển các sản phẩm thép của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động Marketing còn nhằm xây dựng và phát triển nhận diện thương hiệu Tôn Nam Kim. Chiến lược Marketing cụ thể của Công ty gồm các nội dung chính như sau:

(i) Hoạt động phát triển và phân phối sản phẩm

Trải qua chặng đường hơn 20 năm hình thành và phát triển, thương hiệu Tôn Nam Kim ngày càng khẳng định vị thế vững vàng của một nhà sản xuất tôn mạ hàng đầu tại thị trường Việt Nam và quốc tế. Với hệ thống nhà máy hiện đại và công nghệ sản xuất tiên tiến, Tôn Nam Kim tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Các sản phẩm do Tôn Nam Kim nghiên cứu và phát triển hướng tới hội tụ 4 yếu tố chuẩn mực cần có của một sản phẩm vật liệu xây dựng tiêu biểu: (1) chất lượng cao, độ bền và tính ổn định của sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và địa phương; (2) giá bán hợp lý và sát với giá thành; (3) có nhiều loại và kích thước khác nhau, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng trong các công trình xây dựng và sản xuất; (4) đi kèm với dịch vụ hỗ trợ khách hàng chuyên nghiệp và hiệu quả, từ tư vấn cho đến hỗ trợ sau bán hàng, từ đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm và am hiểu sâu về ngành thép.

Đa dạng sản phẩm: Công ty sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng và phong phú, mang đến cho khách hàng giải pháp toàn diện và chất lượng nhất cho mọi dự án xây dựng và công nghiệp. Danh mục sản phẩm của Công ty bao gồm:

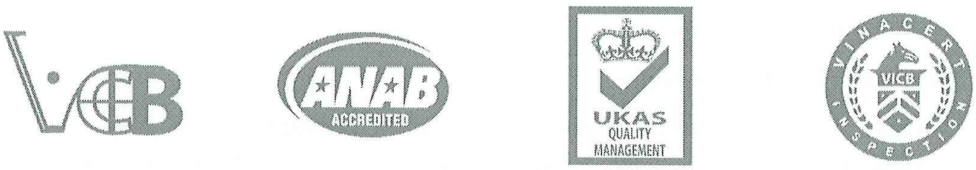
- Tôn mạ: Bao gồm tôn màu, tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm và tôn mạ hợp kim magie. Các sản phẩm này có lớp mạ bền vững, chống ăn mòn và gỉ sét, phù hợp cho các công trình xây dựng và sản xuất.
- Ống thép: Được sản xuất từ nguyên liệu chất lượng, đảm bảo độ bền và tính ổn định, sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp và xây dựng.

Uy tín về chất lượng, đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe nhất trên thế giới: Công ty sử dụng trang thiết bị công nghệ hiện đại của các tập đoàn hàng đầu thế giới trong ngành công nghiệp thép như SMS (Đức), Drever (Bỉ). Nguồn nguyên liệu thép được lựa chọn từ các tập đoàn lớn nổi tiếng như Nippon Steel (Nhật Bản), Hyundai Steel (Hàn Quốc), CSC (Đài Loan), Formosa (Việt Nam),... Tất cả các công đoạn sản xuất, sản phẩm đều phải trải qua các quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt. Vì vậy, Tôn Nam Kim đã đạt được các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe như JIS (Nhật Bản), AS (Úc), ASTM (Mỹ) và EN (Châu Âu), ISO 9001 và ISO 14001.

Hình 26. Tôn Nam Kim đã được các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe



ĐƯỢC CẤP BỞI CÁC TỔ CHỨC

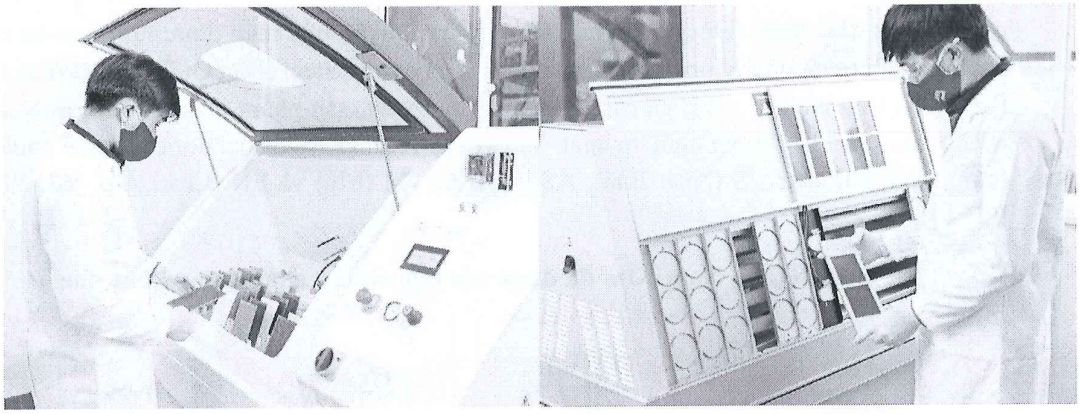


Nguồn: Tôn Nam Kim

Tôn Nam Kim đặc biệt chú trọng kiểm soát chất lượng. Ở mọi công đoạn, sản phẩm phải trải qua các quy trình kiểm tra nghiêm ngặt để đảm bảo được chất lượng tốt nhất. Phòng LAB của Tôn Nam Kim đã được Văn phòng Công nhận chất lượng BoA – Bộ Khoa học và Công nghệ cấp chứng chỉ công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 trong lĩnh vực Cơ, Hóa (VILAS 1417).

- Sản phẩm được kiểm tra độ bền kéo, độ cứng, quang phổ phân tích thành phần kim loại, hợp kim.
- Kiểm tra độ bám dính giữa lớp mạ và thép nền.
- Kiểm tra các chỉ số về màu sắc, độ lệch màu giữa mẫu chuẩn với mẫu sản phẩm tôn mạ màu.
- Mô phỏng sự tác động của tia cực tím và các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.
- Kiểm tra khả năng chống ố, mốc, phản ứng ăn mòn, kháng gỉ của tôn mạ màu, mạ kẽm hoặc mạ lạnh trong điều kiện tiêu chuẩn và điều kiện môi trường khắc nghiệt khác nhau.

Hình 27. Phòng LAB của Tôn Nam Kim



Nguồn: Tôn Nam Kim

(ii) Đội ngũ chuyên viên tư vấn và chính sách bán hàng

- Đội ngũ chuyên viên tư vấn chuyên nghiệp:

Đội ngũ chuyên viên tư vấn của Tôn Nam Kim là những chuyên gia có kinh nghiệm và am hiểu sâu về ngành công nghiệp thép. Với sự hiểu biết chuyên sâu về sản phẩm và quy trình sản xuất, đội ngũ tư vấn luôn sẵn lòng hỗ trợ khách hàng trong mọi yêu cầu, cung cấp cho khách hàng những giải pháp toàn diện và hiệu quả nhất.

- Chính sách bán hàng linh hoạt:

Công ty luôn chủ động điều chỉnh chính sách bán hàng và tồn kho để linh hoạt ứng biến với các xu hướng của thị trường.

(iii) Phát triển thương hiệu

Tôn Nam Kim thực hiện chiến lược Marketing đa kênh (Multi-channel) tập trung vào việc tiếp thị khách hàng trên nhiều kênh, cả trực tuyến lẫn ngoại tuyến. Bằng cách sử dụng chiến lược này, thương hiệu Tôn Nam Kim đã tạo sự hiện diện nhất quán trên diện rộng và tiếp cận đối tượng mục tiêu rộng rãi.

Việc phát triển thương hiệu của Công ty tập trung vào các kênh như sau:

- Kênh báo chí: Là một doanh nghiệp niêm yết thì các thông tin được công bố trên các báo chí uy tín là rất quan trọng trong việc thu hút được các nhà đầu tư và khách hàng lớn. Tôn Nam Kim thường xuyên đăng tải bài trên các báo điện tử như: cafef.vn, cafebiz.vn, vnexpress.net, tuoitre.vn, vietnambiz.vn, tapchikientruc.com.vn, vietstock.vn, ndh.vn, thanhnien.vn, vietnamnet.vn, baodautu.vn, … Các báo giấy/ tạp chí: Báo Thanh niên, Tạp chí Doanh nhân Việt, Báo người lao động và Công Đoàn, Báo Bình Dương, ….
- Chạy quảng cáo video (TVC - Television Video Commercials) trên các đài truyền hình lớn được đông đảo người xem như VTV6, Truyền hình Vĩnh Long, Truyền hình Cần Thơ. Ở các chương trình thu hút được lượng rating cao: Bóng đá World Cup, AFF Cup, Ngoại Hạng Anh, chương trình thời sự, phim truyện, Táo quân,….và các bản thu quảng cáo trên kênh radio VOV giao thông.

- Website: tonnamkim.com có đầy đủ thông tin về Công ty và cập nhật ngay khi có thông tin mới để khách hàng, các nhà đầu tư nắm bắt thông tin một cách kịp thời. Đây cũng là công cụ truyền thông quan trọng để lan tỏa thương hiệu Tôn Nam Kim trên mạng internet.
- Mạng xã hội và các ứng dụng trực tuyến: Tôn Nam Kim đã tham gia các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo, Youtube, …các ứng dụng hệ sinh thái của Google. Đây không chỉ là một kênh để quảng bá mà còn là kênh tương tác cao để nắm bắt nhu cầu của khách hàng và ghi nhận các phản hồi từ bên ngoài cho Tôn Nam Kim.
- Tham gia và đạt các giải thưởng uy tín như Top 2 Doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam 2021 do Bộ Công Thương bình chọn, Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 từ 2010 đến 2022, Thương hiệu Quốc gia 2022 do Bộ Công Thương trao tặng, Danh hiệu Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2022 do FORBES Việt Nam bình chọn, Doanh nghiệp đạt giải thưởng Sản phẩm, Dịch vụ sáng tạo, hiệu quả "Product of the Year" 2023, Top 5 Công ty Vật liệu xây dựng năm 2024 và Top 2 Doanh nghiệp Sáng tạo - Kinh doanh hiệu quả Ngành Vật liệu xây dựng 2024.
- Bảng/biển: Tôn Nam Kim hỗ trợ 100% chi phí thi công lắp đặt bảng biển cho các khách hàng là Nhà phân phối/ Đại lý bán các sản phẩm của Tôn Nam Kim bằng chính các vật tư và nguyên liệu chất lượng cao do Tôn Nam Kim sản xuất. Đồng bộ về thiết kế và hình ảnh về nhận diện thương hiệu trên toàn quốc từ nam ra bắc.
- Lắp đặt các pano ngoài trời tăng quảng bá về sản phẩm, nhận diện thương hiệu Tôn Nam Kim tại các trục tuyến giao thông lớn tại các khu vực đông người qua lại như tuyến quốc lộ chính, ngã 3, ngã 4, tuyến cao tốc,...

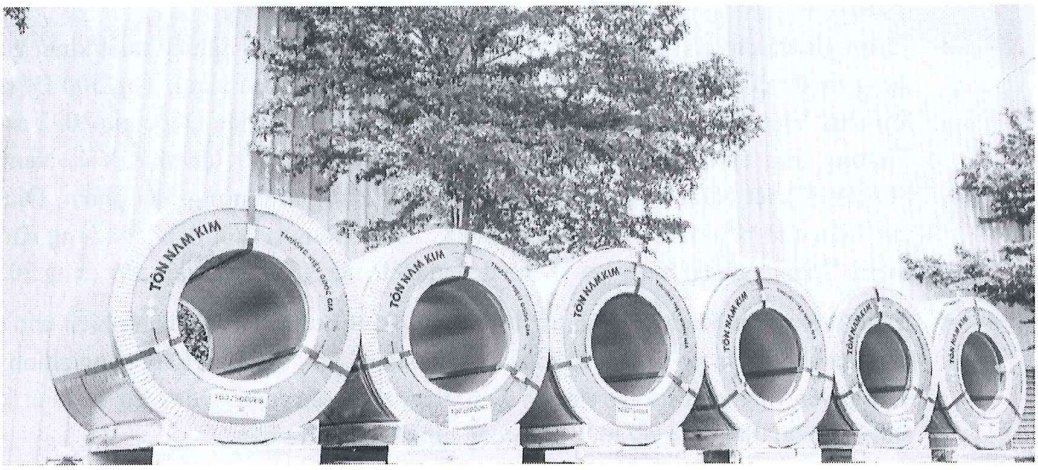
Hình 28. Pano ngoài trời tăng quảng bá về sản phẩm của Tôn Nam Kim



Nguồn: Tôn Nam Kim

❖ Tất cả bao bì sản phẩm đồng nhất quy cách và kỹ thuật đóng gói tuân theo tiêu chuẩn đóng gói và hệ thống nhận diện riêng của Tôn Nam Kim với đầy đủ tem nhãn thông tin về sản phẩm. Mặt khác trên từng sản phẩm ống thép hoặc bề mặt sản phẩm tôn cuộn thành phẩm đều được in phun thương hiệu và thông tin chi tiết của sản phẩm theo đúng quy định để giúp khách hàng kiểm định chất lượng và chọn mua đúng sản phẩm của Tôn Nam Kim.

Hình 29. Sản phẩm tôn mạ được đóng gói của Tôn Nam Kim



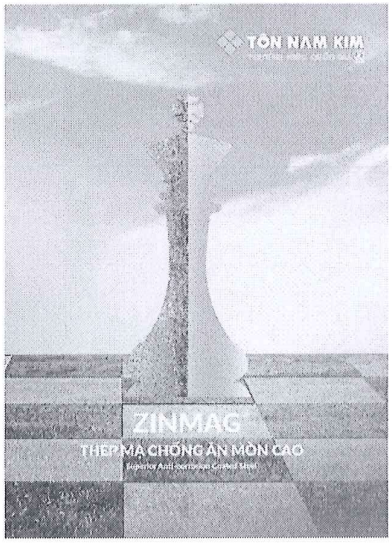
Nguồn: Tôn Nam Kim

❖ Các công cụ hỗ trợ bán hàng tại các điểm bán (POSM): Tôn Nam Kim phát hành các catalogue, brochure, hồ sơ năng lực, tờ rơi (leaflet), sổ tay, bút, lịch bloc, lịch để bàn, áo thun, nón bảo hiểm, phiếu bảo hành, quạt tay,… nhằm hỗ trợ cho quá trình giới thiệu – tư vấn – bán hàng của các nhà phân phối/ đại lý của Tôn Nam Kim. Và cùng khách hàng xây dựng một hình ảnh thương hiệu Tôn Nam Kim chuẩn mực, chuyên nghiệp trong tâm trí của khách hàng.

Hình 30. Hồ sơ năng lực Tôn Nam Kim



Hình 31. Catalogue tôn ZINMAG®



Xem chi tiết tại: www.tonnamkim.com

Hình 32. Hội nghị khách hàng – Chia sẻ kiến thức của Tôn Nam Kim



Nguồn: Tôn Nam Kim

- Tôn Nam Kim cũng đẩy mạnh thương hiệu bằng cách trao tặng các chứng nhận nhà phân phối/ đại lý cho các khách hàng chủ lực của Công ty.
- Tổ chức hội nghị/hội thảo/sự kiện giới thiệu về sản phẩm và Tôn Nam Kim đồng thời hướng dẫn ứng dụng sản phẩm cho đại lý, nhà phân phối, chủ đầu tư.
- Tổ chức các buổi hội thao nhằm nâng cao và quảng bá rộng rãi hình ảnh Tôn Nam Kim.
- Tham gia tích hoạt các hoạt động vì cộng đồng, xã hội đóng góp vào phát triển kinh tế, giáo dục, an sinh tại địa phương và hỗ trợ đồng bào vùng khó khăn, thiên tai…..
- Và tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên ngành và một số ngành có liên quan.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Từ khi xuất hiện trên thị trường, thương hiệu Tôn Nam Kim đã tạo được lòng tin đối với khách hàng và là một trong những thương hiệu có uy tín cao trên thị trường.

Hiện tại, Tôn Nam Kim đang sử dụng nhãn hiệu sau:

TÔN NAM KIM

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Để tiến sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, công tác nghiên cứu và phát triển đóng vai trò xương sống trong định hướng phát triển của Ban lãnh đạo Tôn Nam Kim. Trong những năm qua, Tôn Nam Kim đã liên tục nghiên cứu thành công các sản phẩm mới, tiến sâu vào chuỗi giá trị. Tiêu biểu như năm 2022, Tôn Nam Kim nghiên cứu và phát triển thành công sản phẩm tôn mạ lạnh có độ mạ cao, dòng sản phẩm tôn mạ lạnh AZ200 phủ sơn cao cấp có độ bền đến 25 năm, phù hợp với những công trình trong môi trường có tính ăn mòn cao. Năm 2023, Tôn Nam Kim cho ra đời dòng sản phẩm Zinmag, được phủ hợp kim magie và đất hiếm, có độ bền lên trên 50 năm và được thị trường Châu Úc đón nhận ngay lập tức, cụ thể trong tháng 10/2023, Công ty đã giao những lô hàng thương mại cho dòng sản phẩm tôn Zinmag với số lượng hơn 4.000 tấn sang thị trường Châu Âu và Australia trong tháng 10, ghi nhận tích cực cho kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Những thành công trong hoạt động nghiên cứu và phát triển này một lần nữa chứng minh nội lực của Công ty, khẳng định vị thế của Tôn Nam Kim trong ngành tôn thép Việt Nam và khu vực. Trong định hướng tương lai, với Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mạnh vào công tác nghiên cứu và phát triển nhằm hướng tới các dòng sản phẩm cao hơn, phục vụ cho những ngành công nghiệp chế tạo máy, đồ gia dụng ở các tiêu chuẩn cao nhất.

Dự án trọng điểm – Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ sẽ tập trung sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất công nghiệp, ô tô và đồ gia dụng. Các sản phẩm này vốn có biên lợi nhuận tốt hơn các sản phẩm tôn mạ xây dựng hiện nay, đồng thời, giúp Tôn Nam Kim giảm sự phụ thuộc vào tính chu kỳ của thị trường xây dựng - bất động sản.

10.11 Chiến lược kinh doanh

Tôn Nam Kim định hướng mục tiêu giữ vững vị trí là một trong 03 đơn vị đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc, với mục tiêu đạt và duy trì ở mức trên 20% thị phần ngành.

Chiến lược kinh doanh năm 2024 để thực hiện mục tiêu của Tôn Nam Kim, hướng đến "Củng cố nội lực, hướng sâu vào chuỗi giá trị":

- Tập trung giữ vững thị phần thị trường nội địa, nâng cao sản lượng mảng ống thép.
- Khai thác hiệu quả nhất nguồn lực hiện có.
- Tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mạ màu và hợp kim. Hướng tới các dòng sản phẩm có thể phục vụ cho sản xuất đồ gia dụng, chi tiết máy, cơ khí chính xác, phục vụ cả cho các nhà máy hiện hữu và chiến lược xây dựng Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ trong tương lai. Tôn Nam Kim dự kiến sẽ sử dụng đa dạng các nguồn vốn vay tổ chức tài chính, huy động vốn chủ sở hữu, và lợi nhuận giữ lại để tài trợ cho các dự án đầu tư trọng điểm này, với mục tiêu mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông công ty.
- Tiếp tục hạ tỷ lệ hàng tồn kho về mức phù hợp, giảm chi phi lãi vay và giảm thiểu rủi ro phải trích lập các khoản dự phòng.
- Tiếp tục tăng tính thanh khoản cho doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh xuất khẩu với mũi nhọn là sản phẩm Zinmag, hướng tới mục tiêu tiến sâu vào chuỗi giá trị mảng tôn mạ ở thị trường EU và Bắc Mỹ.

Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến để thực hiện chiến lược kinh doanh:

- Nguồn vốn: Công ty dự kiến sẽ tiếp tục giữ lại lại nhuận sau thuế, sau khi trích lập quỹ theo quy định pháp luật, nhằm bổ sung cho các dự án mới và tăng vốn chủ sở hữu, đáp ứng các quy định pháp luật trong việc triển khai dự án. Đồng thời, Công ty sẽ tìm kiếm và đàm phán với các đối tác lớn gồm các ngân hàng thương mại và nhà đầu tư vốn tiềm năng để đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông hiện hữu, duy trì tính minh bạch và tạo uy tín trên thị trường vốn.
- Nguồn lực: Công ty thực hiện phát triển nguồn nhân lực qua mục tiêu tăng cường quản trị tốt ngân sách nhân sự và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa các vị trí chủ chốt, đặc biệt là cán bộ quản lý cấp trung.

Nội dung kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong thời gian tới của Công ty như sau:

❖ Kế hoạch thực hiện mục tiêu: Tăng cường quản trị tốt ngân sách nhân sự.

- Kiểm soát tốt định biên nhân sự, đúng người đúng việc, tối ưu hóa năng lực CBCNV.
- Kiểm soát chặt chẽ hệ số chi phí nhân viên để quỹ chi phí chia ra cho số CBCNV được tối ưu nhất, đồng nghĩa với việc thu nhập và phúc lợi của từng CBCNV sẽ được tăng.

❖ Kế hoạch thực hiện mục tiêu: Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa các vị trí chủ chốt, đặc biệt là cán bộ quản lý cấp trung.

- Chú trọng công tác đào tạo trong công việc, cấp trên đào tạo cho cấp dưới, nhân viên cũ hướng dẫn, kèm cặp nhân viên mới, đặc biệt là trong công tác chuyên môn kỹ thuật.
- Đánh giá năng lực nhân sự, từ đó sàng lọc và xác định các nhân sự hạt nhân có tố chất phù hợp để đào tạo kế thừa.
- Tạo điều kiện cho nhân viên được phát triển nghề nghiệp và thăng tiến bằng cách ưu tiên đánh giá năng lực nhân viên hiện tại để đào tạo và đề bạt bổ nhiệm lên vị trí công việc cao hơn.

10.12 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Công ty không hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng và cơ cấu

Bảng 20. Cơ cấu trình độ lao động của Công ty

Chỉ tiêu	Số lượng lao động					
	Năm 2022	Tỷ lệ	Năm 2023	Tỷ lệ	30/09/2024	Tỷ lệ
I. Theo trình độ lao động						
Đại học và trên Đại học	275	19,71%	277	20,73%	294	22,09%
Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp trở lên	392	28,1%	371	27,77%	353	26,52%
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	46	3,3%	45	3,37%	59	4,43%
Lao động phổ thông	682	48,9%	643	48,13%	625	46,96%
II. Theo giới tính						
Nam	1.268	90,9%	1.208	90,42%	1.207	90,68%
Nữ	127	9,1%	128	9,58%	124	9,32%
III. Theo hợp đồng lao động						
Toàn thời gian	1.395	100%	1.336	100%	1.331	100%
Bán thời gian	0	0%	0	0%	0	0%
Tổng cộng	**1.395**	**100%**	**1.336**	**100%**	**1.331**	**100%**

Nguồn: Tôn Nam Kim

Tính đến hết năm 2023, Công ty có 1.336 CBCNV và tại thời điểm ngày 30/09/2024, Công ty có 1.331 CBCNV đang làm việc. Do đặc tính ngành nghề, số lượng nam giới chiếm đa số với hơn 90% tổng số lượng người lao động. Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động về đào tạo sản phẩm, về kiến thức chuyên môn cho toàn thể CBCNV. Ngoài ra, Công ty rất chú trọng đến tính an toàn trong làm việc cũng như đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động. Đặc biệt, bộ phận quản trị rủi ro của Công ty rất chú trọng việc đảm bảo an toàn lao động và thực hiện đúng các nguyên tắc phòng cháy chữa cháy, đặc biệt ở các CBCNV trực tiếp sản xuất.

11.2 Chính sách đối với người lao động

❖ **Chính sách tuyển dụng**

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng phù hợp riêng, song tất cả các vị trí công việc đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, ý thức phát triển nghề nghiệp, thái độ đạo đức tốt vì mục tiêu đơn vị/Công ty, có tính chuyên nghiệp trong công việc và tính kỷ luật cao. Tôn Nam Kim trân trọng sự đa dạng và đảm bảo Công khai - Công bằng - Bình đẳng cho mọi đối tượng phù hợp.

❖ **Chính sách đào tạo**

Tôn Nam Kim chú trọng đào tạo nâng cao trình độ, kiến thức và kinh nghiệm cho đội ngũ nhân sự, đặc biệt là kỹ sư, chuyên viên và công nhân trẻ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực để vận hành dây chuyền, nắm bắt và làm chủ công nghệ sản xuất, mở rộng quy mô. Đào tạo trong công việc liên tục được tổ chức, không chỉ đội ngũ kỹ sư, công nhân mà cả đội ngũ cán bộ quản lý và Ban lãnh đạo để nắm bắt công nghệ sản xuất, học hỏi về quản trị và điều hành.

Điều này được thể hiện qua việc Công ty liên tục tổ chức các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo, hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ nhân viên Công ty trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật; tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, thúc đẩy phong trào học tập đi đối với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

❖ **Chính sách an toàn lao động**

Với mục tiêu bảo vệ an toàn cho người lao động tránh khỏi những ảnh hưởng của những yếu tố nguy hiểm có hại và tạo ra điều kiện làm việc thuận lợi nhằm bảo đảm sức khoẻ cho người lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả góp phần thúc đẩy quá trình phát triển chung của Công ty, việc bảo đảm an toàn lao động là một chính sách lớn của Công ty, là một phần quan trọng, là bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển của Công ty.

❖ **Chính sách môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả**

Tôn Nam Kim nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi của Công ty được thực hiện đầy đủ, hợp lý, minh bạch dựa trên năng suất lao động và mức độ đóng góp cho Công ty. Mỗi năm Công ty đều tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho toàn thể cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn đặt công tác bảo đảm an toàn lao động lên hàng đầu. Môi trường làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho lao động, đặc biệt là thiết bị bảo hộ và phòng cháy chữa cháy.

❖ **Chính sách chăm sóc sức khỏe cho người lao động**

Nhằm thu hút và giữ chân những người tài năng nhất, giảm tình trạng vắng mặt, giảm tình trạng làm việc khi bị ốm và tăng sự gắn kết của nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, qua kết quả khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên, Công ty sẽ bố trí việc làm phù hợp cho nhân viên và kịp thời phát hiện những bất thường của cơ thể. Đây chính là biện pháp hiệu quả nhất để bảo đảm "Nguồn vốn sức khỏe" cho Công ty, tham gia chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ người lao động.

❖ **Hoạt động gắn kết nhân viên**

Bên cạnh các thi đua khen thưởng của Công ty, Ban chấp hành Công đoàn Tôn Nam Kim thường xuyên phát động các phong trào thi đua theo tùy thuộc vào tình hình sản xuất, kinh doanh và có các phần thưởng khen thưởng cho người lao động có thành tích xuất sắc trong phong trào để động viên, khích lệ người lao động. Hàng năm, Công đoàn cũng xem xét đánh giá thi đua để khen thưởng các giải như: Cá nhân Đoàn viên xuất sắc, Cá nhân Đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, Tập thể Đoàn viên xuất sắc. Tổ chức tặng quà Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 và 20/10, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân ngày 1/6, tặng quà Tết bằng hiện vật và hoạt động Chuyến xe về Tết cho toàn bộ đoàn viên Công ty.

❖ **Chính sách khen thưởng, đãi ngộ**

Chính sách khen thưởng, chế độ đãi ngộ của Tôn Nam Kim nhằm tạo động lực khuyến khích cá nhân và tập thể phát huy tối đa khả năng của bản thân nhằm gia tăng hiệu quả công việc của từng cá nhân và của tập thể từng đơn vị. Đồng thời, nhằm ghi nhận và thưởng xứng đáng với năng lực làm việc, sự nỗ lực và thành tích đóng góp vào hiệu quả chung và sự phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện công tác đánh giá thi đua để chi thêm lương bổ sung cho người lao động. Từ kết quả hàng tháng này, Công ty tổng hợp và Hội đồng thi đua xem xét phê duyệt kết quả cả năm của cá nhân và đơn vị để xét thưởng vào cuối năm, trong đó đặc biệt là giải thưởng cá nhân xuất sắc và tập thể xuất sắc. Hiện tại, Tôn Nam Kim đang thực hiện các chính sách khen thưởng và chế độ đãi ngộ cho CBCNV gồm:

- Chính sách khen thưởng hàng tháng, hàng quý theo hiệu quả công việc; Chính sách khen thưởng năm dành cho cá nhân và tập thể theo hiệu quả công việc;
- Chính sách khen thưởng ngày lễ Tết, ngày thành lập Công ty;
- Chính sách khen thưởng cá nhân có quá trình cống hiến, đóng góp vào sự phát triển Công ty (theo thâm niên làm việc);
- Chính sách khen thưởng đột xuất: có sáng kiến ý tưởng, giải pháp sáng tạo trong việc phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích vượt trội trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chương trình, dự án do HĐQT hoặc BTGĐ giao phó;
- Chính sách khen thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP");
- Thu nhập cạnh tranh theo vị trí công việc, bao gồm tiền lương thời gian, tiền lương sản phẩm, hỗ trợ nhà ở, sức khỏe, đi lại. Tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo pháp luật lao động: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;
- Chế độ suất ăn giữa ca;
- Chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 hoàn toàn miễn phí dành cho toàn bộ người lao động
- Dây chuyền công nghệ sản xuất của nhà máy hiện đại, được đào tạo thường xuyên trong công việc để nâng cao tay nghề;
- Nhiều cơ hội thăng tiến, phát triển lâu dài trong công việc. Chính sách khen thưởng, đãi ngộ sẽ được thiết kế để phù hợp với khả năng cũng như tiềm lực cụ thể của Công ty cũng như các mục tiêu mà Công ty mong muốn đạt được.

❖ **Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động**

Trong năm 2024, ĐHĐCĐ Công ty đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024. Khối lượng dự kiến phát hành là 2,5 triệu cổ phiếu ESOP, tương ứng 0,95% tổng số cổ phiếu đang lưu hành với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

12. Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức của Công ty được thực hiện căn cứ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và được HĐQT Công ty trình ĐHĐCĐ phê duyệt. Theo đó:

- Công ty chỉ thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã trích lập

các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

- Cổ đông được chia cổ tức căn cứ theo phần vốn góp tại Công ty. Tỷ lệ chi trả cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ trên đề xuất của HĐQT và căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động, kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm tiếp theo.

Bảng 21. Chính sách cổ tức của Công ty

Thời gian	Tỷ lệ trả cổ tức	Hình thức chi trả
Năm 2015	15%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
Năm 2016	35%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
Năm 2017	50%	Chia cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu
Năm 2018	Không trả cổ tức	-
Năm 2019	Không trả cổ tức	-
Năm 2020	10%	Chia cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu.
Năm 2021	30%	Chia cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu
Năm 2022	Không trả cổ tức	-
Năm 2023	Không trả cổ tức	-
Năm 2024	Không trả cổ tức	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên các năm 2015 - 2024 của Tôn Nam Kim

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Tôn Nam Kim không có đợt chào bán cổ phiếu nào trong 02 năm gần nhất.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

❖ **Cam kết thuê hoạt động:** Tổ chức phát hành phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai, chốt tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán gần nhất như sau:

Đơn vị: VND

Thời hạn hợp đồng thuê hoạt động	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Dưới 1 năm	1.068.162.102	236.372.640	4.240.747.140
Từ 1 đến 5 năm			15.161.889.643
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	**1.068.162.102**	**236.372.640**	**19.402.636.783**

Nguồn: Tôn Nam Kim

❖ **Cam kết vốn:** Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định, dự án đã ký hợp đồng nhưng chưa thực hiện, chốt tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán gần nhất như sau như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu tạo lập TSCĐ, dự án	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Chi phí xây dựng cơ bản TSCĐ dở dang	54.480.991.698	53.191.241.058	2.297.258.197.193
Tổng cộng	**54.480.991.698**	**53.191.241.058**	**2.297.258.197.193**

Nguồn: Tôn Nam Kim

❖ **Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn và các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi của Tổ chức phát hành**

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim cam kết: Tại thời điểm nộp hồ sơ phát hành chào bán thêm cổ phiếu năm 2024, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 22. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm 2023/2022	Lũy kế 9 tháng 2024
Tổng tài sản	12.902.198	12.475.198	-3,31%	13.587.015
Doanh thu thuần	23.096.323	18.409.460	-20,29%	16.122.489
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.135)	270.836	2.772%	542.535
Lợi nhuận (lỗ) khác	219	237	8.62%	664
Lợi nhuận trước thuế	(9.916)	271.074	2.833%	543.199
Lợi nhuận sau thuế	(9.916)	210.318	2.221%	434.320
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0,0%	0,0%	N/A	0,0%
Tỷ lệ cổ tức (theo mệnh giá)	0,0%	0,0%	N/A	0,0%

Các chỉ tiêu khác: Không có.

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng tự lập quý III/2024 của Công ty

Bảng 23. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm 2023/2022	Lũy kế đến 9T/2024
Tổng tài sản	13.460.760	12.235.401	-9,10%	13.782.080
Doanh thu thuần	23.071.247	18.595.974	-19,40%	16.139.898
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(106.845)	177.072	265,73%	541.886
Lợi nhuận (lỗ) khác	(68)	238	450,00%	658
Lợi nhuận trước thuế	(106.913)	177.311	265,85%	542.544
Lợi nhuận sau thuế	(124.685)	117.409	194,16%	434.593
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0,0%	0,0%	N/A	0,0%
Tỷ lệ cổ tức (theo mệnh giá)	0,0%	0,0%	N/A	0,0%

Các chỉ tiêu khác: Không có.

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất tự lập quý III/2024 của Công ty

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2022**

  Nội dung đã được trình bày chi tiết tại mục V. 3.1 của Bản cáo bạch.

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm 2022**

  Nội dung đã được trình bày chi tiết tại mục V. 3.2 của Bản cáo bạch.

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2023**

  Nội dung đã được trình bày chi tiết tại mục V. 3.3 của Bản cáo bạch.

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm 2023**

  Nội dung đã được trình bày chi tiết tại mục V. 3.4 của Bản cáo bạch.

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty 6 tháng đầu năm 2024**

  Nội dung đã được trình bày chi tiết tại mục V. 3.5 của Bản cáo bạch.

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty 6 tháng đầu năm 2024**

  Nội dung đã được trình bày chi tiết tại mục V. 3.6 của Bản cáo bạch.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

1.2.1 Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

❖ **Nhân tố thuận lợi**

Giai đoạn năm 2018 đến năm 2023 đánh dấu nền kinh tế được phục hồi và có nhiều chuyển biến tích cực về kinh tế vĩ mô. Cụ thể, theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam tương đối khả quan với mức tăng lần lượt là 7,08% (năm 2018), 7,02% (năm 2019),

2,91% (năm 2020), 2,58% (năm 2021), 8,02% (năm 2022) và 5,05% (năm 2023). Nhìn chung, sự tăng trưởng trong GDP trong thời gian gần đây cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đang dần phục hồi, sức mua được cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh ở hầu hết các lĩnh vực đều có những chuyển biến tích cực. Tình hình kinh tế Việt Nam trong quý I năm 2024 đang có nhiều tín hiệu tích cực và đang thuộc top 20 nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới.

Những dấu hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô trong năm vừa qua tạo tiền đề hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nước phát triển mạnh mẽ và toàn diện. Thị trường bất động sản cũng chứng kiến sự phục hồi từ năm 2023. Điều này sẽ tạo tiền đề thúc đẩy hoạt động kinh doanh sản phẩm sắt thép của Công ty.

❖ **Nhân tố không thuận lợi**

Trong lĩnh vực Thép – Kim khí – Kim loại, các doanh nghiệp phải đối mặt với rất nhiều thách thức về mặt quản trị, đòi hỏi bộ máy lãnh đạo có chuyên môn cao và có trình độ quản trị giỏi để chèo lái công ty. Ngoài ra, việc phát triển các dự án như mở rộng nhà máy cũng đòi hỏi Công ty phải huy động nguồn vốn có quy mô khá lớn.

Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép phụ thuộc nhiều vào thị trường xuất khẩu. Sự biến động của thị trường xuất khẩu có thể ảnh hưởng đến doanh số bán hàng và lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, giá nguyên vật liệu đầu vào cũng có thể là một nhân tố không thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty sử dụng nhiều nguyên liệu như quặng sắt, thép phế liệu, cán nguội để sản xuất sản phẩm thép. Sự biến động của giá cả các nguyên liệu này có thể ảnh hưởng đến biên lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngành công nghiệp thép Việt Nam đang phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các nhà sản xuất thép nước ngoài cũng như từ các đối thủ nội địa. Điều này có thể làm giảm giá bán và biên lợi nhuận của Công ty.

Bên cạnh đó, sự biến động trong chính sách chính phủ, quy định về thương mại quốc tế, hay các biện pháp chống bán phá giá có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.2.2 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm 31/12/2023

Theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), dự báo nhu cầu thép sẽ tiếp tục tăng trong năm 2024 và 2025, lần lượt đạt tỷ lệ 1,7% và 1,2% [12]. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thị thép trong hai năm gần nhất bao gồm:

- Nền kinh tế thế giới được dự đoán có khả năng sẽ hạ cánh mềm sau chu kỳ thắt chặt tiền tệ của các quốc gia. Worldsteel dự đoán tăng trưởng nhu cầu thép toàn cầu vẫn yếu và biến động thị trường vẫn ở mức cao do tác động chậm trễ của việc thắt chặt tiền tệ, chi phí cao và bất ổn địa chính trị".
- Các khu vực mới nổi khác trên thế giới như Trung Đông – Bắc Phi (MENA) và Đông Nam Á (ASEAN) dự kiến sẽ cho thấy nhu cầu thép tăng nhanh trong giai đoạn 2024 - 2025 sau khi sụt giảm đáng kể trong giai đoạn 2022 - 2023.

[12] Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam, Tháng 05/2024, "https://vsa.com.vn/worldsteel-trien-vong-ngan-han-nganh-thep/"

- Ấn Độ trở thành là động lực tăng trưởng nhu cầu thép mạnh nhất kể từ năm 2021 và nhu cầu thép của Ấn Độ được cho là sẽ tiếp tục tăng với mức tăng 8% năm 2024 và 2025, nhờ sự tăng trưởng liên tục ở tất cả các lĩnh vực sử dụng thép và đặc biệt là nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ liên tục trong đầu tư cơ sở hạ tầng.
- Khu vực phát triển cũng được cho là sẽ phục hồi ở mức 1,3% trong năm 2024 và 2,7% năm 2025, do được kỳ vọng nhu cầu thép cuối cùng sẽ tăng đáng kể ở EU trong năm 2025 và khả năng phục hồi tiếp tục ở Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc.
- Đối với thị trường trong nước, thị trường bất động sản trong nước có ảnh hưởng khá đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, gián tiếp thông qua nhu cầu tiêu thụ sắt thép vật liệu xây dựng. Hoạt động cơ cấu nợ, xoay sở vượt qua khó khăn của khá nhiều các doanh nghiệp bất động sản vẫn diễn ra nhộn nhịp, trong bối cảnh xuất hiện những lo ngại mới khi nhu cầu chưa thực sự có những dấu hiệu hồi phục rõ ràng. Các yếu tố chính có tác động trong ngắn hạn đến ngành bao gồm:
  - Luật Đất đai mới có hiệu lực: Luật Đất đai mới có nhiều điểm tích cực nhưng việc tận dụng như thế nào mới là điểm đáng quan tâm. Điểm mới chưa đảm bảo đầy đủ, cách hiểu còn chưa thống nhất lại gây ra xung đột, gây ra rủi ro mới.
  - Biến động thị trường bất động sản: Thị trường bất động sản có thể thay đổi do yếu tố kinh tế, chính trị, dịch bệnh, hay thậm chí là thay đổi quy định pháp lý.
  - Tình hình cung cầu: Sự cạnh tranh và tình hình cung cầu trong ngành bất động sản có thể ảnh hưởng đến giá bán và khả năng tiếp cận khách hàng.
  - Phương án tiếp cận vốn: mặt bằng lãi suất cho vay, đặc biệt đối với doanh nghiệp bất động sản vẫn rất cao, trong khi nhóm doanh nghiệp này sức khỏe tài chính đã yếu đi nhiều, tài sản mất thanh khoản, ngân hàng ngần ngại cấp hạn mức mới.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

Tôn Nam Kim luôn sử dụng, quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Bảng 24. Báo cáo về vốn của Công ty

Đơn vị: tỷ VND

Vốn kinh doanh	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Vốn điều lệ	2.632,78	2.632,78	2.632,78	2.632,78	2.632,78	2.632,78
Vốn chủ sở hữu	5.053,90	5.319,65	5.250,24	5.423,07	5.679,86	5.852,97

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC tự lập quý III/2024 của Công ty

❖ **Trích khấu hao tài sản cố định**

Các tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty và công ty con được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Các loại tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	02 - 25 năm
Phương tiện vận tải	06 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	33 - 44 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
TSCĐ hữu hình khác	10 - 40 năm

Nguồn: Tôn Nam Kim

Công ty luôn thực hiện trích lập khấu hao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

❖ **Mức lương bình quân**

Thu nhập của bình quân người lao động trong năm 2023 là 14,7 triệu đồng/người/tháng. Công ty không có thông tin so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

❖ **Tình hình công nợ**

Các khoản phải thu:

Bảng 25. Tình hình các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Các khoản phải thu ngắn hạn	**1.643.105**	**2.122.248**	**2.338.357**	**1.516.694**	**1.926.737**	**2.561.421**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.185.218	1.934.342	2.190.086	1.060.729	1.741.024	1.940.026
Trả trước cho người bán ngắn hạn	436.119	175.190	20.228	438.035	179.231	623.816
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	121.000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	28.464	20.164	15.531	26.734	17.179	11.856
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.695)	(7.448)	(8.489)	(8.804)	(10.697)	(14.276)

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Các khoản phải thu dài hạn	**2.311**	**5,5**	**1.170**	**2.311**	**5.5**	**1.170**
Phải thu dài hạn của khách hàng	2.311	5,5	1.170	2.311	5,5	1.170
Tổng cộng	**1.645.416**	**2.122.254**	**2.339.527**	**1.519.005**	**1.926.743**	**2.562.591**

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC tự lập quý III/2024 của Công ty

Các khoản phải thu quá hạn:

Tại ngày 30/09/2024, 31/12/2023 và ngày 31/12/2022, số dư hợp nhất tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi lần lượt là 14.276.332.484 đồng, 10.697.209.468 đồng và 8.804.043.060 đồng đã được lập dự phòng toàn bộ.

Bảng 26. Chi tiết các khoản nợ phải thu quá hạn tại thời điểm 31/12/2022

Đơn vị: VND

Đối tượng	Giá trị công nợ	Giá trị đã trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
1. Số liệu hợp nhất					
Khách hàng khác	1.776.134.439	1.776.134.439	Quá hạn từ năm 2013	Công ty đã giải thể	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	4.501.466.435	2.947.048.238	Quá hạn từ năm 2020	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	779.873.375	779.873.375	Quá hạn từ năm 2013	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	2.563.076.331	2.284.277.165	Quá hạn từ năm 2014	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	1.510.648.530	1.016.709.843	Quá hạn từ năm 2019	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi
Tổng cộng	**11.131.199.110**	**8.804.043.060**			

Đối tượng	Giá trị công nợ	Giá trị đã trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
2. Số liệu Công ty mẹ					
Khách hàng khác	1.776.134.439	1.776.134.439	Quá hạn từ năm 2013	Công ty đã giải thể	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	826.273.922	812.353.758	Quá hạn từ năm 2013	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	1.205.673.797	805.135.498	Quá hạn từ năm 2020	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	2.563.076.331	2.284.277.165	Quá hạn từ năm 2014	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	1.510.648.530	1.016.709.843	Quá hạn từ năm 2019	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi
Tổng cộng	**7.881.807.019**	**6.694.610.703**			

Nguồn: Tôn Nam Kim

Bảng 27. Chi tiết các khoản nợ phải thu quá hạn tại thời điểm 31/12/2023

Đơn vị: VND

Đối tượng	Giá trị công nợ	Giá trị đã trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
1. Số liệu hợp nhất					
Khách hàng khác	1.776.134.439	1.776.134.439	Quá hạn từ năm 2013	Công ty đã giải thể	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	779.873.375	779.873.375	Quá hạn từ năm 2013	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	4.642.758.180	4.492.758.181	Quá hạn từ năm 2020	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi

Đối tượng	Giá trị công nợ	Giá trị đã trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	2.563.076.331	2.563.076.331	Quá hạn từ năm 2014	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	1.169.356.785	1.085.367.142	Quá hạn từ năm 2019	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi
Tổng cộng	**10.931.199.110**	**10.697.209.468**			
2. Số liệu Công ty mẹ					
Khách hàng khác	1.776.134.439	1.776.134.439	Quá hạn từ năm 2013	Công ty đã giải thể	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	779.873.375	779.873.375	Quá hạn từ năm 2013	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	1.243.366.089	1.243.366.089	Quá hạn từ năm 2020	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	1.149.356.785	1.085.367.142	Quá hạn từ năm 2019	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	2.563.076.331	2.563.076.331	Quá hạn từ năm 2014	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Tổng cộng	**7.511.807.019**	**7.447.817.376**			

Nguồn: Tôn Nam Kim

Bảng 28. Chi tiết các khoản nợ phải thu quá hạn tại thời điểm 30/09/2024

Đơn vị: VND

Đối tượng	Giá trị công nợ	Giá trị đã trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
1. Số liệu hợp nhất					
Khách hàng khác	1.776.134.439	1.776.134.439	Quá hạn từ năm 2013	Công ty đã giải thể	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	7.507.243.500	4.461.666.455	Quá hạn từ năm 2013	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	4.642.758.180	4.492.758.181	Quá hạn từ năm 2020	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	1.046.686.721	982.697.078	Quá hạn từ năm 2019	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	2.563.076.331	2.563.076.331	Quá hạn từ năm 2014	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Tổng cộng	**17.535.899.171**	**14.276.332.484**			
2. Số liệu Công ty mẹ					
Khách hàng khác	1.776.134.439	1.776.134.439	Quá hạn từ năm 2013	Công ty đã giải thể	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	3.062.647.124	1.923.260.250	Quá hạn từ năm 2013	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng Thép hộp	1.243.366.089	1.243.366.089	Quá hạn từ năm 2020	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi

Đối tượng	Giá trị công nợ	Giá trị đã trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	1.046.686.721	982.697.078	Quá hạn từ năm 2019	Khách hàng gặp khó khăn nên thanh toán chậm	Có khả năng thu hồi
Khách hàng Tôn cuộn	2.563.076.331	2.563.076.331	Quá hạn từ năm 2014	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi
Tổng cộng	**9.691.910.704**	**8.488.534.187**			

Nguồn: Tôn Nam Kim

Các khoản phải trả:

Bảng 29. Tình hình các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Nợ phải trả ngắn hạn	**7.844.321**	**7.224.061**	**7.906.254**	**8.108.871**	**6.784.015**	**7.901.725**
Phải trả người bán ngắn hạn	2.539.959	1.628.727	1.297.716	2.544.341	1.631.419	1.300.897
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	241.273	146.226	104.264	258.339	146.991	105.297
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.795	59.565	237.061	15.798	59.573	237.128
Phải trả người lao động	22.618	26.626	23.264	25.259	29.242	25.141
Chi phí phải trả ngắn hạn	34.277	23.309	62.018	34.314	23.318	64.592
Phải trả ngắn hạn khác	18.682	26.888	24.848	5.373	13.682	11.587
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.857.570	5.200.585	6.044.365	5.111.300	4.767.655	6.044.364

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	114.147	112.136	112.718	114.147	112.136	112.718
Nợ phải trả dài hạn	**3.973**	**900**	**900**	**32.239**	**28.313**	**27.384**
Phải trả dài hạn khác	900	900	900	900	900	900
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.073	-	-	3.073	-	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	28.266	27.413	26.484
Tổng cộng	**7.848.293**	**7.224.961**	**7.907.155**	**8.141.110**	**6.812.327**	**7.929.109**

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC tự lập quý III/2024 của Công ty

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn: Tôn Nam Kim luôn thực hiện thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán cho nhà cung cấp và đối tác. Các khoản nợ vay ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn từ tổ chức tín dụng đều được Tôn Nam Kim thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi trong suốt thời gian hoạt động của Công ty.
- Trường hợp quá hạn: Không có.
- Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm các vi phạm của Tổ chức phát hành và công ty con: Không có.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Các khoản phải nộp cho Nhà nước: thuế và bảo hiểm thực hiện kê khai đầy đủ và nộp đúng kỳ hạn, tuân thủ theo đúng quy định pháp luật.

Bảng 30. Tình hình thuế và các khoản phải nộp của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Thuế GTGT hàng bán trong nước	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	15.248	5.283	126.710
Thuế xuất, nhập nhẩu	5	149	215
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	53.375	108.879
Thuế thu nhập cá nhân	541	758	1.221
Thuế khác	-	-	36
Tổng cộng	**15.795**	**59.565**	**237.061**

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng tự lập quý III/2024 của Công ty

Bảng 31. Tình hình thuế và các khoản phải nộp của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Thuế GTGT hàng bán trong nước	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	15.248	5.283	126.710
Thuế xuất, nhập nhẩu	5	149	215
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	53.375	108.879
Thuế thu nhập cá nhân	545	766	1.281
Thuế khác	-	-	43
Tổng cộng	**15.798**	**59.573**	**237.128**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất tự lập quý III/2024 của Công ty

❖ **Trích lập các quỹ:**

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Hàng năm, Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 32. Số dư các quỹ

Đơn vị: tỷ VND

Số dư các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	114	114	112	112	113	113
Quỹ đầu tư phát triển	186	186	186	186	192	192
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	87	87	87	87	89	89
Lợi nhuận chưa phân phối	1.362	1.628	1.559	1.731	1.980	2.153

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC tự lập quý III/2024 của Công ty

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 33. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023	
	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn [TSLĐ/Nợ ngắn hạn]	1,28	1,28	1,37	1,28
Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	0,42	0,45	0,53	0,52
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,60	0,61	0,56	0,58
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,53	1,55	1,26	1,38
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản [Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân]	1,60	1,66	1,45	1,45
Vòng quay vốn lưu động [Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân]	2,04	2,09	1,88	1,90
Vòng quay hàng tồn kho [Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân]	2,83	2,98	2,75	2,85
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) [Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần]	-0,54%	-0,04%	0,63%	1,14%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) [Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân]	-2,26%	-0,19%	2,19%	4,08%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) [Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản bình quân]	-0,86%	-0,07%	0,91%	1,66%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (VND)	-474	-38	446	799

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán của Tôn Nam Kim

Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty:

Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 02 năm gần nhất và báo cáo tài chính soát xét bán niên năm đăng ký chào bán của Tổ chức phát hành.

3.1 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2022

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Theo ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm 2022

Báo cáo tài chính riêng năm 2022 của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Theo ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3.3 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2023

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Theo ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.4 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm 2023

Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Theo ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3.5 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty năm 2024

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2024 của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được soát xét bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty năm 2024

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2024 của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được soát xét bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 34. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2024

Chỉ tiêu	Năm 2024	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2023
Tổng doanh thu	21.000 tỷ VNĐ	Tăng 12,8% so với thực hiện năm 2023
Doanh thu thuần (*)	20.900 tỷ VND	Tăng 12,4% so với thực hiện năm 2023
Lợi nhuận trước thuế	420 tỷ VND	Tăng 137% so với thực hiện năm 2023
Lợi nhuận sau thuế (*)	336 tỷ VND	Tăng 186% so với thực hiện năm 2023
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (*)	1,6%	
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (*)	12,8%	
Tỷ lệ cổ tức	0%	

Nguồn: Tôn Nam Kim

(*): Số liệu được tính toán dựa trên kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận được ĐHĐCĐ thông qua

4.1 Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên

Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2024 nêu trên đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

4.2 Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên

Trong năm nay, chiến lược kinh doanh chủ chốt của Công ty là củng cố thị trường, tận dụng cơ hội để gia tăng lợi nhuận và mở rộng đối tác mới, nhằm đạt được lợi thế chiến lược trong dài hạn. Công ty kỳ vọng vào triển vọng tích cực của ngành thép khi kinh tế toàn cầu dần hồi phục dẫn đến việc các hoạt động đầu tư và tiêu dùng của thị trường quốc tế sẽ tốt lên kể từ năm sau. Do đó, đây là thời điểm tốt để Tôn Nam Kim đầu tư mở rộng sản xuất nhằm tận dụng cơ hội này.

Dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ, có tổng vốn đầu tư lên đến 4.500 tỷ đồng trong giai đoạn đầu, đã được phê duyệt và dự kiến sẽ đi vào hoạt động từ quý IV/2025 hoặc quý I/2026, với kế hoạch tăng công suất dần và đạt 100% vào năm 2027. Kế hoạch này khi đi vào hoạt động đầy đủ sẽ nâng tổng công suất sản xuất của Tôn Nam Kim lên 1,6 triệu tấn/năm so với mức 1 triệu tấn hiện nay. Để chuẩn bị nguồn lực cho việc xây dựng nhà máy, HĐQT Công ty đã trình và được cổ đông thông qua phương án chào bán tối đa 131,6 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để huy động 1.579 tỷ đồng.

Trong bối cảnh nhu cầu nội địa hiện vẫn rất thấp khi mà doanh nghiệp không mặn mà đầu tư xây dựng nhà xưởng của doanh nghiệp cũng như nhu cầu xây dựng, sửa sang nhà cửa của người dân còn thấp, Tôn Nam Kim đang tập trung khai thác thị trường quốc tế, đặc biệt là thị trường Châu Âu và Bắc Mỹ vốn chiếm tổng cộng 70% doanh số xuất khẩu. Công ty đã đảm bảo được lượng hàng xuất khẩu cho quý II/2024. Mặc dù giá bán thấp hơn quý I/2024 nhưng sản lượng bán hàng tốt hơn.

Đáng chú ý, hiện tại mức chênh lệch giữa giá HRC tại EU và Mỹ với khu vực Châu Á ở mức 200 - 250 USD/tấn và đây được xem là mức khá hấp dẫn để khiến các nhà nhập khẩu tăng cường tìm kiếm nguồn cung từ khu vực Châu Á.

4.3 Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ là nhà tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Chúng tôi nhận thấy Công ty có đội ngũ CBCNV giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và tâm huyết đối với doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tương đối tốt.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim phụ thuộc vào tình hình vĩ mô trong nước và thế giới. Tuy nhiên chúng tôi đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty đưa ra có thể thực hiện được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty. Tổ chức tư vấn không đánh giá kế hoạch cổ tức của Tổ chức phát hành do Tổ chức phát hành dự kiến không thực hiện chi trả cổ tức năm 2024.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán. Do đó, các ý kiến nhận xét nêu trên không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đăng ký thành lập lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần ngày 23 tháng 12 năm 2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700477019 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp. Theo quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (từ ngày 23/12/2002 đến ngày 23/12/2005). Do đó Bản cáo bạch này sẽ không đề cập tới danh sách cổ đông sáng lập.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1 Danh sách cổ đông lớn

Bảng 35. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán

TT	Tên	Chức vụ tại Tổ chức phát hành	Mối quan hệ đối với cổ đông lớn	Thời điểm trở thành cổ đông lớn		Thời điểm hiện tại (1)		Dự kiến sau đợt chào bán (2)	
				Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	**Hồ Minh Quang**	Chủ tịch HĐQT		94.600	63,07%	37.391.097	14,2%	56.086.645	14,2%
1.1	Trần Xảo Cơ		Cha vợ	23.000	15,33%	-	-	-	-
1.2	Trần Tuấn Nghiệp		Em vợ	16.400	10,93%	-	-	-	-
1.3	Trần Uyển Nhàn		Vợ	16.000	10,67%	-	-	-	-
2	**Unicoh Specialty Chemicals Co., Ltd**	-	-	6.000.000	9,09%	13.248.000	5,03%	19.872.000	5,03%

Nguồn: Tôn Nam Kim

Ghi chú:

(1): Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại: Công ty căn cứ theo Danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất (ngày 21/03/2024) do VSDC cung cấp và các công bố thông tin về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn mà Công ty nhận được đến thời điểm hiện tại.

(2): Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự kiến sau đợt chào bán: tạm tính với giả định Công ty chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu của họ trước thời điểm chào bán.

2.2 Thông tin cổ đông lớn là cá nhân

❖ **Ông Hồ Minh Quang**

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán: Như mô tả tại mục VI.2.1 của Bản cáo bạch.

Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: Không có.

Lợi ích có liên quan tại Tổ chức phát hành: Như mô tả tại mục VI.3.1 của Bản cáo bạch.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

2.3 Thông tin cổ đông lớn là tổ chức

❖ **Unicoh Specialty Chemicals Co., Ltd**

Năm thành lập: 1988

Giấy CNĐKDN/Tài liệu tương đương khác: 506-81-06229

Quốc tịch: Hàn Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: 25, Seoman- Ro 46 Beon - Gil, Nam - Gu, Pohang - Si, Gyeongsangbuk - Do, Republic of Korea.

Vốn điều lệ: 305,000,000 KRW

Người đại diện theo pháp luật: Song Bang Cha Rang – Chức vụ: Chủ tịch công ty.

Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành: Không có.

Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán: Như mô tả tại mục VI.2.1 của Bản cáo bạch.

Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: Không có.

Lợi ích có liên quan tại Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

Bảng 36. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
I. Hội đồng quản trị		
1	Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Trung Tín	Thành viên HĐQT
5	Ông Võ Thời	Thành viên độc lập HĐQT
II. Ban kiểm soát		
6	Bà Võ Thị Vui	Trưởng BKS
7	Ông Đặng Văn Hòa	Thành viên BKS
8	Ông Lê Nhật Tân	Thành viên BKS
III. Ban Tổng giám đốc		
9	Ông Võ Hoàng Vũ	Tổng giám đốc
10	Ông Nguyễn Vinh An	Phó Tổng giám đốc
11	Ông Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng giám đốc
12	Bà Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính
13	Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng giám đốc
14	Ông Lê Minh Hải	Phó Tổng giám đốc
IV. Kế toán trưởng		
15	Bà Vũ Thị Huyền	Kế toán trưởng

3.1 Thông tin thành viên Hội đồng quản trị

❖ **Ông Hồ Minh Quang - Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên khai sinh	: **Hồ Minh Quang**
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1970
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ học vấn	: Đại học
Trình độ chuyên môn	: Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	: Năm 2010 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành	: Năm 2010 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác	: - Năm 2023 – nay: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH NIHO CORPORATION; - Tháng 05/2024 – nay: Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân	: 37.391.097 cổ phiếu, chiếm 14,2% vốn điều lệ
Sở hữu đại diện	: Không có
Sở hữu của người có liên quan	: Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Chủ tịch HĐQT và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Thù lao:	532	366	532
Tiền lương:	2.025	2.028	1.754
Lợi ích khác:	0,5	1	2

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Ông Võ Hoàng Vũ – Thành viên HĐQT**

Họ và tên khai sinh	: **Võ Hoàng Vũ**
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1978
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ học vấn	: Đại học
Trình độ chuyên môn	: Quản trị kinh doanh Ngoại thương
Quá trình công tác	: Năm 2019 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành	: Năm 2019 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác	: - Năm 2019 – nay: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai; - Năm 2021 – nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam; - Năm 2022 – nay: Giám đốc Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân	: 9.374.400 cổ phiếu, chiếm 3,56% vốn điều lệ
Sở hữu đại diện	: Không có
Sở hữu của người có liên quan	: Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Thù lao:	440	295	440
Tiền lương:	1.764	1.764	1.527
Lợi ích khác:	0,5	1	2

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Ông Nguyễn Vinh An - Thành viên HĐQT**

Họ và tên khai sinh : **Nguyễn Vinh An**

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1979

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kỹ thuật Công nghiệp

Quá trình công tác : Năm 2011 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành : - Năm 2011: Trợ lý Phó Ban Quản lý Dự án;
- Năm 2012: Giám đốc Dự án;
- Năm 2013: Giám đốc điều hành;
- Năm 2013 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác : Năm 2019 – nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân : 325.796 cổ phiếu, chiếm 0,12% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện : Không có

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Thù lao:	243	171	243
Tiền lương:	900	882	764
Lợi ích khác:	46	37	70

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Ông Nguyễn Trung Tín - Thành viên HĐQT**

Họ và tên khai sinh	: **Nguyễn Trung Tín**
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1979
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ học vấn	: Cao đẳng
Trình độ chuyên môn	: Công nghệ thông tin
Quá trình công tác	: - Năm 2002 – 2012: Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (MCK: HAX); - Năm 2012 – 2021: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (MCK: AGG); - Năm 2021 – nay: Công ty Cổ phần Đầu tư TT Capital và Công ty CP Đầu tư Phúc Lộc Khang; - Tháng 04/2024 – nay: Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành	: Tháng 04/2024 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.
Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác	: - Năm 2021 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Lộc Khang; - Năm 2021 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư TT Capital.

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân	: Không có
Sở hữu đại diện	: Không có
Sở hữu của người có liên quan	: Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại: Tính đến nay chưa phát sinh do Ông Nguyễn Trung Tín được bầu làm Thành viên HĐQT từ ngày 26/04/2024.

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Ông Võ Thời - Thành viên Độc lập HĐQT**

Họ và tên khai sinh : **Võ Thời**

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1969

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác : - Năm 2013 - nay: Công tác tại Công ty TNHH Nam Hàn;
- Năm 2020 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành : Năm 2020 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác : Năm 2013 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Nam Hàn

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân : Không có

Sở hữu đại diện : Không có

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên độc lập HĐQT và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Thù lao:	100	100	100
Tiền lương:	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác:	Không có	Không có	Không có

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.2 Thông tin thành viên Ban kiểm soát

❖ **Bà Võ Thị Vui – Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên khai sinh : **Võ Thị Vui**
Giới tính : Nữ
Năm sinh : 1986
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ học vấn : Đại học
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác : Năm 2010 - nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành : - Năm 2010 - 02/2019: CBNV Phòng Nhân sự Hành chánh;
- Tháng 3/2019 - 05/2023: Phó Giám đốc Nhân sự Hành chánh;
- Tháng 06/2023 - nay: Giám đốc Nhân sự Hành chánh;
- Tháng 04/2024 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

Chức vụ hiện tại đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân : 46.320 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện : Không có

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Trưởng Ban kiểm soát và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Thù lao:	30	30	59
Tiền lương:	307	335	309
Lợi ích khác:	15	13	24

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Ông Đặng Văn Hòa – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên khai sinh : **Đặng Văn Hòa**

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1990

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác : Năm 2017 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành : - Tháng 02/2017 - 08/2022: Chuyên viên Khối Kế hoạch Cung ứng;
- Tháng 08/2022 - nay: Trưởng phòng Kế hoạch Cung ứng;
- Tháng 04/2024 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân : Không có

Sở hữu đại diện : Không có

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban kiểm soát và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại: Ông Đặng Văn Hòa được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 26/04/2024, do đó tính trong giai đoạn từ 26/04/2024 – 30/09/2024:
  - Thù lao: Không có
  - Tiền lương: 111 triệu đồng
  - Lợi ích khác: 10 triệu đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Ông Lê Nhật Tân – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên khai sinh	: **Lê Nhật Tân**
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1990
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ học vấn	: Đại học
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	: Năm 2013 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành	: - Năm 2013 – 08/2019: CBNV Khối Kế hoạch Cung ứng; - Tháng 09/2019 - 07/2022: Phó bộ phận Kế hoạch Sản xuất; - Tháng 08/2022 - nay: Trưởng Phòng Kế hoạch; - Năm 2020 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.
Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân	: 4.800 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Sở hữu đại diện	: Không có
Sở hữu của người có liên quan	: Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban kiểm soát và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Thù lao:	30	30	30
Tiền lương:	227	239	201
Lợi ích khác:	41	26	37

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.3 Thành viên Ban Tổng giám đốc

❖ **Ông Võ Hoàng Vũ - Tổng giám đốc**

Nội dung đã được trình bày chi tiết tại mục VI. 3.1 của Bản cáo bạch.

❖ **Ông Nguyễn Vinh An – Phó Tổng giám đốc**

Nội dung đã được trình bày chi tiết tại mục VI. 3.1 của Bản cáo bạch.

❖ **Ông Quảng Trọng Lăng – Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên khai sinh : **Quảng Trọng Lăng**
Giới tính : Nam
Năm sinh : 1974
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ học vấn : Đại học
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí
Quá trình công tác : Năm 2011 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành : - Năm 2011 - 2013: Phó giám đốc Chi nhánh, Phụ trách Sản xuất;
- Năm 2013 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.
Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân : 90.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện : Không có

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Phó Tổng giám đốc và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Thù lao:	143	71	143
Tiền lương:	881	883	762
Lợi ích khác:	46	37	70

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Bà Trần Ngọc Diệu – Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính**

Họ và tên khai sinh	: **Trần Ngọc Diệu**
Giới tính	: Nữ
Năm sinh	: 1977
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ học vấn	: Đại học
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	: Năm 2003 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	: - Năm 2003 - 2011: CBNV Phòng Tài chính Kế toán; - Năm 2012: Giám đốc Kiểm soát nội bộ; - Năm 2013 - 2017: Kế toán trưởng; - Năm 2018 - nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.
Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân	: 1.417.428 cổ phiếu, chiếm 0,53% vốn điều lệ
Sở hữu đại diện	: Không có
Sở hữu của người có liên quan	: Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Phó Tổng giám đốc và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Thù lao:	143	71	143
Tiền lương:	895	896	771
Lợi ích khác:	46	37	70

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên khai sinh : **Nguyễn Thị Ngọc Liên**

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1979

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình công tác : Năm 2011 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : - Năm 2011 - 05/2014: Giám đốc Kinh doanh Xuất khẩu;
- Tháng 06/2014 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân : 274.456 cổ phiếu, chiếm 0,10% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện : Không có

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Phó Tổng giám đốc và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Thù lao:	143	61	123
Tiền lương:	3.393	3.589	3.469
Lợi ích khác:	0,5	1	2

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Ông Lê Minh Hải – Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên khai sinh	: **Lê Minh Hải**
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1981
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ học vấn	: Đại học
Trình độ chuyên môn	: Thiết kế máy
Quá trình công tác	: Năm 2009 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành	: - Năm 2009 - 2011: Kỹ sư Dự án; - Năm 2012: Trưởng phòng Bảo trì; - Năm 2013 - 2016: Phó Giám đốc Kỹ thuật Cơ; - Năm 2017 - 2018: Giám đốc Kỹ thuật; - Năm 2019 - 03/2022: Giám đốc Nhà máy Nam Kim; - Tháng 04/2022 - 05/2024: Phụ trách Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ; - Tháng 05/2024 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.
Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân	: Không có
Sở hữu đại diện	: Không có
Sở hữu của người có liên quan	: Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Phó Tổng giám đốc và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại: Ông Lê Minh Hải được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc từ ngày 17/05/2024, do đó tính trong giai đoạn từ 17/05/2024 – 30/09/2024:
  - Thù lao: Không có
  - Tiền lương: 372 triệu đồng
  - Lợi ích khác: 25 triệu đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.4 Kế toán trưởng

❖ **Bà Vũ Thị Huyền – Kế toán trưởng**

Họ và tên khai sinh : **Vũ Thị Huyền**

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1984

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác : Năm 2013 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành : - Năm 2013 - 2014: Nhân viên Kế toán Tổng hợp;
- Năm 2015: Kế toán Tổng hợp và Phó phòng Kế toán;
- Năm 2016 - 2017: Phó phòng Kế toán;
- Năm 2018 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

Chức vụ đã và đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan đến thời điểm hiện tại:

Sở hữu cá nhân : 6.900 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện : Không có

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Thù lao:	99	49	99
Tiền lương:	615	618	431
Lợi ích khác:	23	19	25

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán thêm là 131.638.903 *(Bằng chữ: một trăm ba mươi mốt triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm lẻ ba)* cổ phiếu.

4. Giá chào bán

12.000 đồng/cổ phiếu

5. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá

1.316.389.030.000 đồng (*Bằng chữ: một nghìn ba trăm mười sáu tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng*)

6. Phương pháp tính giá

Mức giá chào bán cổ phiếu là mức giá do ĐHĐCĐ thông qua.

7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, cụ thể:

1. Đối tượng chào bán	:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông được nhận quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
2. Tỷ lệ thực hiện quyền	:	2:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu, cổ đông sở hữu 02 quyền mua sẽ được quyền mua thêm 01 cổ phiếu mới).
3. Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ và xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết	:	Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT tiếp tục chào bán số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không được mua hết và/hoặc từ chối quyền mua, và/hoặc đến hạn đóng tiền mua cổ phiếu mà không đóng tiền mua cho các đối tượng khác (có thể bao gồm cả cổ đông hiện hữu) ("Cổ Phiếu Cần Phân Phối") với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. – Việc phân phối số cổ phiếu chưa chào bán hết cho nhà đầu tư khác phải tuân thủ quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

– Trường hợp hết thời gian phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu chào bán vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu này sẽ bị hủy bỏ và HĐQT kết thúc đợt chào bán.

Nếu chào bán thành công, toàn bộ số Cổ Phiếu Cần Phân Phối nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

4. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 01 (một) lần duy nhất cho các đối tượng khác. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không có.
- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: Đảm bảo tối thiểu 20 ngày theo quy định. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu: Cổ đông đăng ký mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền, tiền mua cổ phiếu được nộp vào tài khoản phong tỏa của Tôn Nam Kim theo nội dung tại Mục 11 – Phần VII của Bản cáo bạch này.

9. Lịch trình phân phối dự kiến

Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: quý IV năm 2024 và trong vòng 90 ngày sau khi được UBCKNN chấp thuận hồ sơ chào bán.

Bảng 37. Lịch trình dự kiến các mốc thời gian của đợt phát hành

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng	D
2	Gửi hồ sơ đến VSDC, Sở Giao dịch chứng khoán, thông báo về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua/thực hiện quyền	D+1 đến D+3

TT	Nội dung công việc	Thời gian
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp	D đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+12
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D+13
6	Phối hợp cùng VSDC phân bổ quyền mua cổ phiếu và thông báo quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+18 đến D+20
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu	D+20 đến D+45
8	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu HĐQT xử lý số cổ phiếu không chào bán hết	D+45 đến D+60
9	Báo cáo kết quả phát hành; chuyển giao cổ phiếu và hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu	D+60 đến D+80

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 01 (một) lần duy nhất cho các đối tượng khác. Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Đối với số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn, theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu chào bán tiếp cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Việc phân phối số cổ phiếu không chào bán hết cho nhà đầu tư khác sẽ tuân thủ các quy định:

  Tuân thủ quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp: "*Công ty con không được đầu tư mua cổ phiếu, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phiếu để sở hữu chéo lẫn nhau.*"

  Đảm bảo các điều kiện chào bán cổ phiếu theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- **Tên tài khoản:** CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
- **Số tài khoản:** 8620.029.542
- **Tên ngân hàng nơi mở tài khoản:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, vì vậy, đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn của Tổ chức phát hành không cần lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Không áp dụng do Công ty không sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để thực hiện dự án do Công ty làm chủ đầu tư.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định của pháp luật là 50% (theo Công văn số 3950/UBCK-PTTT ngày 26 tháng 07 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty là 14,66% theo Danh sách cổ đông tại ngày 21/03/2024 do VSDC cung cấp.
- HĐQT cam kết đảm bảo thực hiện các biện pháp đảm bảo đợt chào bán đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty, cụ thể:
  - Đối với việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của cổ đông: Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, Công ty sẽ xác định được tỷ lệ chuyển nhượng quyền tối đa của cổ đông hiện hữu để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau chuyển nhượng quyền không vượt quá 50% theo quy định. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo thực hiện đúng cam kết.
  - Đối với số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết, HĐQT cam kết không phân phối cổ phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài nếu vi phạm tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

15. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức... theo các quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Điều 16, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 quy định:

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần} \times \text{Thuế suất } 0,1\%$$

Thu nhập từ cổ tức:

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập của cá nhân từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển

nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- **Tổ chức trong nước:** Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.
- **Đối doanh nghiệp nước ngoài:** Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

16. Thông tin về các cam kết

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Nam Kim cam kết:

- Triển khai đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Căn cứ theo Công văn số 3950/UBCK-PTTT do UBCKNN ban hành ngày 26 tháng 07 năm 2021 về thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim, với tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim là 50%. HĐQT cam kết không phân phối số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu do các cổ đông không thực hiện quyền mua cho các nhà đầu tư nước ngoài nếu vi phạm tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty. Đồng thời, HĐQT sẽ phối hợp chặt chẽ với VSDC trong việc đảm bảo tỷ lệ SHNN theo đúng quy định.
- Về việc chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán và/hoặc chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên của Tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất: HĐQT Công ty cam kết lựa chọn và quyết định đối tượng phân phối số cổ phần không được cổ đông hiện hữu đăng ký mua hoặc đăng ký mua nhưng không được thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ của đợt phát hành không thuộc trường hợp nêu trên.

Đồng thời, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim cam kết:

- Phân phối cổ phiếu đáp ứng quy định về việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ, công ty con quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh Nghiệp, cụ thể như sau: *"Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau".*
- Đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán, cụ thể như sau: *"Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích".*

- Về phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Công ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để góp vốn vào công ty con là Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ để đầu tư dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ. Sau khi NKG hoàn tất đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ sẽ thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tương ứng với số vốn góp dự kiến của NKG tại Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ. Công ty cam kết sẽ không sử dụng số tiền huy động từ đợt chào bán cho đến khi Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ thực hiện xong thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến đợt chào bán.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 001/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024, ĐHĐCĐ đã thông qua thời điểm chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được thực hiện cùng thời điểm với phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 001/NQ-ĐHĐCĐ. Thông tin về phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 001/NQ-ĐHĐCĐ và được HĐQT triển khai tại Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐQT ngày 05/07/2024 như sau:

1.	Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
2.	Loại cổ phiếu phát hành	:	Cổ phiếu phổ thông
3.	Mệnh giá	:	10.000 (*mười nghìn*) đồng/cổ phiếu
4.	Đối tượng phát hành	:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để hưởng quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
5.	Phương thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương thức thực hiện quyền.
6.	Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	:	20%
7.	Tỷ lệ thực hiện quyền	:	Tỷ lệ thực hiện quyền 100:20. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sở hữu 100 quyền sẽ được nhận 20 cổ phiếu mới.
8.	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	263.277.806 cổ phiếu
9.	Số lượng cổ phiếu phát hành	:	Tối đa 52.655.561 cổ phiếu.

10. Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ	:	Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ cổ phần phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy, coi như không được phát hành. *Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 101 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:20, cổ đông A sẽ nhận được 101*20/100= 20,2 cổ phiếu mới. Như vậy, cổ đông A nhận được 20 cổ phiếu, phần 0,2 lẻ sẽ bị hủy.*
11. Nguồn vốn thực hiện	:	Thặng dư vốn cổ phần được xác định theo Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty.
12. Thời gian thực hiện	:	Dự kiến quý IV trong năm 2024 và cùng thời điểm với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 001/NQ-ĐHĐCĐ.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị quyết số 001/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 ("**Nghị quyết ĐHĐCĐ số 001**") và HĐQT Công ty triển khai tại Nghị quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 05/07/2024 và Nghị quyết HĐQT số 08/2024/NQ-HĐQT ngày 05/07/2024, số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được sử dụng cho các mục đích: Góp vốn vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ để đầu tư dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty tối đa là 1.579.666.836.000 đồng (theo giá chào bán và chưa trừ chi phí phát hành) dự kiến sẽ được sử dụng cho mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ để đầu tư dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ. Thời gian giải ngân dự kiến trong quý IV/2024 – quý I/2025.

Số tiền góp vốn sẽ được Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ sử dụng để chi trả cho tất cả các chi phí của dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ, bao gồm cả các chi phí đã phát sinh được bù đắp bằng nguồn vốn vay của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.

Sau khi NKG hoàn tất đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ sẽ thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tương ứng với số vốn góp dự kiến của NKG tại Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ. Công ty cam kết sẽ không sử dụng số tiền huy động từ đợt chào bán cho đến khi Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ thực hiện xong thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

1. Thông tin về công ty con nhận vốn – Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ

- Tên Công ty: Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502474312 cấp lần đầu ngày 13 tháng 04 năm 2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 05 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: năm trăm tỷ đồng).*

- Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.
- Mối quan hệ với Công ty Cổ phần Thép Nam Kim và người có liên quan:
  - Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ là công ty con của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.
  - Ông Hồ Minh Quang – Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đồng thời là Chủ tịch công ty của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.
  - Ông Võ Hoàng Vũ – Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đồng thời là Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.
- Lĩnh vực kinh doanh chính:
  - Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599).

    Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.
  - Sản xuất sắt, thép, gang (Mã ngành 2410).

    Chi tiết: Sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng théo mạ kẽm.
- Thông tin về việc góp vốn vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ:

  Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 3502474312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ("Sở KHĐT") cấp cho Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ, Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 13/04/2022 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 05/05/2022 với số vốn điều lệ 500 tỷ đồng, Chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

  Theo BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của NKG, đến thời điểm 31/12/2022, NKG mới thực hiện góp 1,5 tỷ đồng vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ và theo BCTC riêng năm 2023 được kiểm toán của NKG, trong năm 2023 NKG mới hoàn thành việc góp vốn 500 tỷ đồng vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ, quá thời hạn góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Doanh nghiệp.

  Theo Công văn số 140/TT ngày 4/10/2024 của Sở KHĐT, Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ đã không được góp đủ số vốn 500 tỷ đồng trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ngày 13/04/2022) và không thực hiện thủ tục điều chỉnh vốn khi đã kết thúc thời hạn góp vốn (sau 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ). Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 về thời hiệu và thời điểm xác định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính của Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực đầu tư, đấu thầu, đăng ký doanh nghiệp là 01 năm. Đồng thời, đối với hành vi vi phạm đang thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm, trường hợp hành vi vi phạm đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

  Vì vậy, Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ đã được góp vốn hoàn thành ngày 19/09/2023, do đó hành vi vi phạm này không nằm trong thời hiệu phải xử phạt vi phạm hành chính.

1.1 Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ

Bảng 38. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	9 tháng đầu năm 2024 (30/09/2024)
1	Tổng giá trị tài sản	499.949	623.098
2	Doanh thu thuần	0	0
3	Doanh thu tài chính	12,4	36,42
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-43,2	21,92
5	Lợi nhuận khác	0	0
6	Lợi nhuận trước thuế	-43,2	21,92
7	Lợi nhuận sau thuế	-43,2	21,92
8	Vốn chủ sở hữu	499.949	449.971,47
9	Vốn điều lệ	500.000	500.000
10	Nợ phải trả	0	123.126,96

Nguồn: BCTC năm 2023 và BCTC quý III năm 2024 tự lập của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ

Hiện tại, Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh và ghi nhận doanh thu. Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ chỉ phát sinh chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2 Thông tin về việc đầu tư vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ

- Ngày 07/04/2022, HĐQT Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã thông qua Nghị quyết HĐQT số 03/2022/NQ-HĐQT về chủ trương thành lập và góp vốn 500.000.000.000 đồng vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.
- Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã hoàn thành việc góp vốn và hiện là Công ty mẹ, đang nắm giữ 100% vốn góp tại Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.
- Ngày 05/07/2024, HĐQT Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã thông qua Nghị quyết HĐQT số 08/2024/NQ-HĐQT về chủ trương góp vốn vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ, giá trị góp vốn là toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng nêu trên (dự kiến tối đa là 1.579.666.836.000 đồng). Việc góp vốn cụ thể như sau:
  - Phương thức góp vốn: bằng tiền.
  - Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim sau khi góp vốn: 100%.
  - Tiến độ thực hiện góp vốn: Dự kiến trong quý IV/2024 – quý I/2025, sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
  - Kế hoạch sử dụng vốn của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ sau khi nhận vốn góp: Số tiền thu được từ đợt góp vốn sẽ được sử dụng để chi trả cho tất cả các chi phí của dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ, bao gồm cả các chi phí đã phát sinh được bù đắp bằng nguồn vốn vay của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.

    Sau khi NKG hoàn tất đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, Công ty TNHH Tôn Nam

Kim Phú Mỹ sẽ thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tương ứng với số vốn góp dự kiến của NKG tại Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ. Công ty cam kết sẽ không sử dụng số tiền huy động từ đợt chào bán cho đến khi Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ thực hiện xong thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Thông tin về dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ

2.1 Cơ sở pháp lý để triển khai dự án

- Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, ngày 20/11/2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37//2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ quy hoạch đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 16/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 232/BQL-ĐT của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 07/02/2018 v/v Chấp thuận chủ trương đầu tư và hướng dẫn thủ tục đăng ký đầu tư cho Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đầu tư dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 6170803731 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu chứng nhận lần đầu ngày 06 tháng 02 năm 2024 cho Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ đầu tư dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ.

2.2 Mô tả chi tiết về dự án (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 06/02/2024)

1. Chủ đầu tư dự án	:	Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ
2. Tên dự án	:	Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ
3. Mục tiêu dự án	:	- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599). Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.

- Sản xuất sắt, thép, gang (Mã ngành 2410). Chi tiết: Sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng théo mạ kẽm.

4. Quy mô dự án	:	Sản xuất sản phẩm của các dây chuyền: Dây chuyền mạ kẽm 350.000 tấn/năm; 02 dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm 300.000 tấn/năm và 150.000 tấn/năm; Dây chuyền mạ màu 150.000 tấn/năm.
5. Địa điểm thực hiện dự án	:	Địa điểm thực hiện dự án và diện tích mặt đất sử dụng đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu xem xét và ghi nhận thông tin tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ. Theo đó, địa điểm thực hiện dự án là tại Đường số 1, KCN Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
6. Thời gian hoạt động của dự án	:	33 năm, đến hết ngày 30/11/2056.
7. Diện tích mặt đất sử dụng (*)	:	- Giai đoạn 1: Diện tích khoảng 154.000 m^2. - Giai đoạn 2 (định hướng kế hoạch dự kiến 2030, diện tích còn lại: khoảng 173.000 m^2).
8. Tổng vốn đầu tư dự án giai đoạn 1 (**)	:	4.500 tỷ đồng (chưa VAT). Trong đó: - Vốn góp của nhà đầu tư: 1.350.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 30% tổng vốn đầu tư. - Vốn huy động (vốn vay từ các tổ chức tín dụng): 3.150.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 70% tổng vốn đầu tư.
9. Tiến độ dự án	:	- Tiến độ góp vốn: vốn được góp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 30 tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu. Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã hoàn thành việc góp vốn 500.000.000.000 đồng vào Công ty con và sẽ tiếp tục góp vốn sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Tiến độ dự kiến thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư: • Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan dự án: từ quý IV năm 2023 đến quý II năm 2024. • Triển khai, khởi công dự án: từ quý II năm 2024. • Lắp đặt máy móc thiết bị dây chuyền công nghệ, phụ trợ, năng lượng, xử lý môi trường và các khu vực tiện tích khác: từ quý III năm 2024 đến quý III năm 2025. • Vận hành chạy thử: Từ quý IV năm 2025 đến quý I năm 2026. • Đưa dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh: quý II năm 2026. - Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành dự kiến: Đưa dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến quý II năm 2026.

(*) Diện tích đất để thực hiện dự án:

Diện tích đất để thực hiện dự án được NKG thuê từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Giải trí Đại Dương – Chủ đầu tư Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương ("Chủ đầu tư") và đã được NKG chuyển giao sang cho Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ ("Nam Kim Phú Mỹ") từ ngày 14/10/2024, cụ thể như sau:

- Diện tích đất sử dụng cho dự án tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6170803731 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu ("Ban QLKCN") cấp cho Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ ngày 06/02/2024, diện tích mặt đất sử dụng trong giai đoạn 1 của dự án là khoảng 154.000 m^2, giai đoạn 2 (định hướng kế hoạch dự kiến 2030, diện tích còn lại: khoảng 173.000 m^2). Như vậy, tổng diện tích mặt đất Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ sử dụng cho dự án trong cả hai giai đoạn tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được Ban QLKCN cấp là khoảng 327.000 m^2.
- Diện tích đất sử dụng cho dự án theo hợp đồng và tình hình bàn giao đất: Theo Hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 – Đại Dương và các Phụ lục hợp đồng giữa NKG với Chủ đầu tư, tổng diện tích đất NKG thuê (tạm tính) là 326.851,3 m^2 . Trong đó, diện tích đất 298.392,9 m^2 hiện nay đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho NKG, diện tích đất 28.458,4 m^2 còn lại đang trong giai đoạn thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để cấp cho Nam Kim Phú Mỹ.

  Ngày 16/04/2019, Công ty đã nhận bàn giao thực tế diện tích đất là 321.962,5 m^2 từ Chủ đầu tư, hai bên sẽ thực hiện đo đạc và chốt lại diện tích sau khi Chủ đầu tư hoàn thành việc bàn giao diện tích đất 28.458,4 m^2 còn lại. Theo thỏa thuận giữa hai bên, tại thời điểm bàn giao diện tích đất còn lại, Chủ đầu tư có trách nhiệm xin cấp đổi mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bàn giao và gộp chung thành 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới với tổng diện tích là 326.851,3 m^2, có thể nhiều hay ít hơn 1% diện tích khi nhận bàn giao mặt bằng thực tế.
- Tình hình thanh toán tiền thuê cho Chủ đầu tư: Từ tháng 8/2017 đến tháng 3/2024, Công ty đã thực hiện thanh toán cho Chủ đầu tư tiền thuê đất cho toàn bộ quá trình thuê tương ứng tiến độ hợp đồng và phần đất đã được bàn giao (90,84% giá trị hợp đồng). Phần còn lại (9,16% giá trị hợp đồng) dự kiến sẽ được thanh toán sau khi Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần diện tích đất còn lại (28.458,4 m^2).
- Tình hình chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ NKG sang Nam Kim Phú Mỹ:

  Ngày 14/10/2024, NKG đã ký kết phụ lục hợp đồng với Chủ đầu tư và Nam Kim Phú Mỹ để chuyển giao toàn bộ quyền, lợi ích và nghĩa vụ theo hợp đồng thuê đất từ NKG sang Nam Kim Phú Mỹ từ ngày 14/10/2024.

  Theo đó, NKG sẽ không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến khu đất thuê theo Hợp đồng nói trên và các Phụ lục hợp đồng kèm theo từ ngày 14/10/2024. Nam Kim Phú Mỹ sẽ phải trả cho NKG toàn bộ số tiền thuê mà NKG đã thanh toán cho Chủ đầu tư và sẽ thay NKG tiếp tục thanh toán tiền thuê phần đất còn lại cho Chủ đầu tư theo Hợp đồng và các Phụ lục đã ký kết. Đồng thời, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho NKG tương ứng với diện tích đất 298.392,9 m^2 sẽ được làm thủ tục chuyển tên sang cho Nam Kim Phú Mỹ, phần diện tích đất 28.458,4 m^2 còn lại sẽ được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nam Kim Phú Mỹ.

(**) Cơ cấu vốn:

Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ sẽ thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tương ứng với phần vốn góp của NKG tại Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ sau khi kết thúc đợt chào bán.

2.3 Tình hình triển khai đến thời điểm hiện tại

- Hiện trạng của dự án đến thời điểm hiện tại:

+ Đã thực hiện góp vốn 500 tỷ để thực hiện dự án.

+ Về pháp lý, dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định 1/500, chứng nhận phòng cháy chữa cháy, hiện đang trong quá trình chờ phê duyệt Giấy phép xây dựng và xin danh mục miễn thuế đối với hàng nhập khẩu của dự án.

+ Về tiến độ, dự án hiện đã thực hiện xong san lấp mặt bằng, mở thư tín dụng L/C về máy móc thiết bị, đang ở bước xây dựng tường rào, dự kiến tìm kiếm nhà thầu để chuẩn bị thực hiện dự án, triển khai theo đúng tiến độ dự án.

- Tổng vốn đầu tư dự án

Bảng 39. Bảng chi tiết tổng mức đầu tư xây dựng dự án

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục	Giá trị (chưa VAT)	VAT	Tổng mức đầu tư (gồm VAT)
1	Chi phí mua đất (*) và san lấp mặt bằng	345.455	34.545	380.000
2	Xây dựng cơ bản	364.626	36.463	401.089
3	Chi phí thiết bị chính	2.702.720	270.272	2.972.992
4	Hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy	212.200	21.220	233.420
5	Hệ thống phụ trợ	424.238	42.424	466.662
6	Chi phí quản lý dự án, tư vấn xây dựng + thiết kế, tư vấn hồ sơ pháp lý	43.401	4.340	47.742
7	Nhân sự thực hiện dự án (chuyên gia, …)	37.968	3.797	41.765
8	Chi phí khác	24.000	2.400	26.400
9	Lãi vay vốn hóa	152.144	0	152.144
10	Dự phòng phát sinh (5%)	198.065	19.046	217.111
Tổng mức đầu tư		**4.504.816**	**434.507**	**4.939.323**

Nguồn: Tôn Nam Kim

(*) Chi phí mua đất: là chi phí thuê đất dự kiến trả cho Công ty Cổ phần Thép Nam Kim và Chủ đầu tư nêu tại mục 2.2 nêu trên.

2.4 Phân kỳ đầu tư dự án

Theo kế hoạch triển khai đầu tư và xây dựng nhà máy, dự kiến dự án được xây dựng trong năm 2024, 2025. Dự án sẽ chính thức đi vào vận hành từ đầu năm 2026. Theo kế hoạch, Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ phân bổ nguồn vốn thực hiện như sau:

Bảng 40. Phân kỳ đầu tư dự án

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Phân kỳ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Năm 2024	Năm 2025
1	Chi phí mua đất (*) và san lấp mặt bằng	**380.000**	**380.000**	-
	Tỷ lệ phân bổ	*100%*	*100%*	*0%*
2	Xây dựng cơ bản	**401.089**	**280.762**	**120.327**
	Tỷ lệ phân bổ	*100%*	*70%*	*30%*
3	Chi phí thiết bị chính	**2.972.992**	**891.898**	**2.081.094**
	Tỷ lệ phân bổ	*100%*	*30%*	*70%*
4	Hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy	**233.420**	**163.394**	**70.026**
	Tỷ lệ phân bổ	*100%*	*70%*	*30%*
5	Hệ thống phụ trợ	**466.661**	**139.998**	**326.663**
	Tỷ lệ phân bổ	*100%*	*30%*	*70%*
6	Chi phí quản lý dự án + tư vấn thiết kế, tư vấn hồ sơ pháp lý	**47.742**	**33.375**	**14.366**
	Tỷ lệ phân bổ	*100%*	*70%*	*30%*
7	Nhân sự thực hiện dự án (chuyên gia,…)	**41.765**	**17.541**	**24.224**
	Tỷ lệ phân bổ	*100%*	*42%*	*58%*
8	Chi phí khác	**26.400**	**13.200**	**13.200**
	Tỷ lệ phân bổ	*100%*	*50%*	*50%*
9	Lãi vay vốn hóa	**152.144**	**45.643**	**106.501**
	Tỷ lệ phân bổ	*100%*	*30%*	*70%*
10	Dự phòng phát sinh (5%)	**217.111**	**79.291**	**137.820**
	Tỷ lệ phân bổ	*100%*	*37%*	*63%*
	TỔNG CỘNG (Sau VAT)	**4.939.323**	**2.045.102**	**2.894.221**

Nguồn: Tôn Nam Kim

(*) Chi phí mua đất: là chi phí thuê đất dự kiến trả cho Công ty Cổ phần Thép Nam Kim và Chủ đầu tư nêu tại mục 2.2 nêu trên.

2.5 Hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án

Hiệu quả xã hội

- Tạo nhiều công việc mới, thu hút lao động phổ thông và chất xám làm việc trong Nhà máy và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương.
- Bên cạnh đó, khi dự án được hình thành, ngoài việc tạo việc làm cho xã hội, sẽ còn có tác dụng tạo nên bộ mặt kiến trúc hiện đại trong khu vực, một kiểu mẫu dự án hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến trên thế giới, một trong những tác nhân thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa khu vực.
- Việc đầu tư xây dựng dự án sẽ tạo ra một hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện hỗ trợ tích cực cho các hoạt động sản xuất, đồng thời góp phần khai thác hiệu quả quỹ đất và mang lại hiệu quả kinh tế chung
- Dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ có nhiều tác động tích cực đến sự phát triển

kinh tế xã hội. Đóng góp vào sự phát triển và tăng trưởng nền kinh tế của Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tạo nguồn thu ngân sách địa phương từ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hiệu quả kinh tế

Dự án có hiệu quả về mặt tài chính với dự kiến giá trị hiện tại ròng từ dự án dự kiến (NPV) dương, tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) lớn hơn suất chiết khấu. Theo đánh giá của Tôn Nam Kim, đây là dự án đầu tư có hiệu quả với thời gian thu hồi vốn dự kiến là 10 năm.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 3824 2897 Fax: +84 28 3824 2997

Website: www.ssi.com.vn

Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là Tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim cũng như lĩnh vực kinh doanh ống thép, tôn mạ mà Công ty đang hoạt động.

Các hoạt động kinh doanh và kế hoạch mở rộng của Công ty được dựa trên tiềm lực tài chính sẵn có và khả năng quản lý của Ban lãnh đạo, do đó chúng tôi đánh giá kế hoạch doanh thu của Công ty có tính khả thi. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh thì kế hoạch kinh doanh mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23/12/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 04/08/2022;

2. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 001/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024;
3. Nghị quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 05/07/2024;
4. Nghị quyết HĐQT số 08/2024/NQ-HĐQT ngày 05/07/2024;
5. Nghị quyết HĐQT số 12/2024/NQ-HĐQT ngày 25/09/2024;
6. Điều lệ của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim;
7. Các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim:

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2024 được soát xét;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý III năm 2024;

8. Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

- Nghị quyết HĐQT số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 07/04/2022 của NKG thông qua chủ trương thành lập Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502474312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp đăng ký lần đầu ngày 13/4/2022, thay đổi lần thứ 1 ngày 05/5/2022 của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ;
- Quyết định số 1375/2024/QĐ-BTGĐ ngày 25/09/2024 của Chủ sở hữu thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ;
- Văn bản số 232/BQL-ĐT ngày 07/02/2018 của Ban Quản lý các KCN Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về chấp thuận chủ trương đầu tư và hướng dẫn thủ tục đăng ký đầu tư;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6170803731 do Ban Quản lý các KCN Bà Rịa – Vũng Tàu chứng nhận lần đầu ngày 06/2/2024 cho Dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN) từ số DB318938 đến số DB318943, số vào sổ cấp GCN: từ CT13469 đến đến CT13474 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 27/9/2021;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ số DM 996382 đến số DM996392, số vào sổ cấp GCN: từ CT14552 đến CT14562 do Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 07/02/2024;
- Quyết định số 370/QĐ-BTNMT ngày 16/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ";
- Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 04/07/2024 của UBND Thị xã Phú Mỹ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy Thép tấm lợp Nam Kim Phú Mỹ - Giai đoạn 1 thuộc Khu Công nghiệp Mỹ Xuân B1 - Đại Dương, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Giấy chứng nhận số 187/TD-PCCC ngày 30/09/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;
- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ
- Báo cáo tài chính Quý III năm 2024 của Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.

XIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

Bình Dương, ngày 25 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỒ MINH QUANG

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3700477019-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

VÕ HOÀNG VŨ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ HUYỀN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THANH HÀ